

DIMANCHE 23 Février

MOULES FRITES 12,50

CROQUE ITALIEN 11,50

Patrick
Modiano

BOISSONS		
café	1,50	Macchiato
café	1,50	Latte Macchiato
café	1,50	Latte Macchiato
café	1,50	Latte Macchiato
café	1,50	Latte Macchiato
café	1,50	Latte Macchiato
café	1,50	Latte Macchiato
café	1,50	Latte Macchiato
café	1,50	Latte Macchiato
café	1,50	Latte Macchiato

ở quán cà phê
của

tuổi trẻ

lạc

vh
sham

lối

DIMANCHE 17.000
MOULE + FRITES 12,50
CROQUE ITALIEN 11,50

*Patrick
Modiano*



Ở quán cà phê
của
tuổi trẻ
lạc
lối

vh
nhà văn

Ở quán cà phê tuổi trẻ lạc lối

Tác giả: Patric Modiano

Dịch: Trần Bạch Lan

Công ty phát hành: Nhã Nam

Nhà xuất bản: NXB Văn Học

Ngày xuất bản: 03/2014

Chụp pic: Devil

Beta: Đan Nóng Nảy

Ebook: Devil

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com



Giới thiệu tác giả

Patrick Modiano sinh ngày 30 tháng Bảy năm 1945 tại Boulogne-Billancourt, bố là người Ý gốc Do Thái và mẹ là người Bỉ gốc Flamand. Ông không theo học bất kỳ trường lớp đại học nào sau khi lấy bằng tú tài và kể từ năm 1967, khi cuốn tiểu thuyết đầu tay của ông, Quảng trường Ngôi sao, được Gallimard xuất bản, thì ông chẳng hoạt động gì khác ngoài viết lách. Năm 1978, ông nhận giải Goncourt cho tiểu thuyết Phố những cửa hiệu u tối và đến năm 2000 thì nhận Giải thưởng Văn học trọn đời Paul-Morand. Cảm giác trống rỗng chông chênh, sự thiếu hụt hoang mang ám ảnh trong hầu hết tác phẩm của ông có thể được giải thích phần nhiều bởi cái chết trẻ của người em trai Rudy.



Giới thiệu tác phẩm

Đầu những năm 1960s, giới văn chương và sinh viên lãng du hội tụ tại Le Condé, một quán cà phê nơi giao lộ Odéon. Bốn người kể chuyện cũng là bốn khách quen của quán: một sinh viên trường Mỏ, một cựu nhân viên tình báo, một cô nàng Louki nào đó hay còn có tên là Jacqueline Delanque và Roland, một nhà văn tập sự trẻ. Trong trường đoạn đầu tiên, tay sinh viên trường Mỏ hồi nhớ cuộc sống ở Le Condé và miêu tả chi tiết những lần xuất hiện của Louki – cô gái trẻ hai mươi hai tuổi – người khiến anh có cảm giác muốn làm mới bản thân mình. Trong trường đoạn tiếp theo, Caisley, cựu nhân viên tình báo, tiến hành một cuộc điều tra: chồng Louki, Jean-Pierre Choureau, thuê anh đi tìm vợ mình. Anh đã khám phá ra tuổi thơ của cô, quần quanh khu vực Moulin Rouge nơi mẹ cô làm việc. Trường đoạn thứ ba: Louki lên tiếng và nhớ lại tuổi thơ của chính mình, những lần cô bỏ trốn, những quán bar u ám ở quận 18... Cô nhắc đến những người đàn ông từng yêu thương cô: Jean-Pierre Choureau, Roland, Guy de Veer nhà huyền bí học, người giúp cô biết đến hình tượng “Louise của hư vô” mà cô tự thấy giống mình. Trường đoạn cuối: Roland nhớ lại cuộc gặp giữa mình và Youki cùng tình yêu của họ. Chàng trai trẻ say mê “quy hồi vĩnh cửu” và đang viết một tiểu luận về các “vùng trung tính”, anh cũng trôi nổi bồng bềnh như Louki và tin rằng có thể gặp được cô trong suy nghĩ. Nhưng cô thoát khỏi anh cũng như thoát khỏi tất cả những người khác... Cho tới ngày chính tại quán Le Condé, anh biết chuyện cô đã nhảy qua cửa sổ tự vẫn...



*Ở lưng chừng cuộc đời thực sống, quanh ta phủ xuống một tấm màn u sầu
tăm tối, nó được diễn tả bằng bao lời lẽ nhạo báng và buồn thiu, ở quán cà
phê của tuổi trẻ lạc lối.*

GUY DEBORD



Hai cửa vào quán, nàng luôn luôn chọn cửa hẹp hơn, được mệnh danh là cánh cửa của bóng tối. Lúc nào nàng cũng chọn cái bàn ở cuối căn phòng nhỏ. Hồi đầu, nàng không nói chuyện với ai, rồi nàng làm quen với đám khách hay lai vãng quán cà phê Le Condé, phần lớn ở vào khoảng từ mười chín đến hai mươi lăm tuổi, cùng độ tuổi chúng tôi. Thỉnh thoảng nàng ngồi ở bàn họ nhưng, đa phần nàng trung thành với chỗ của mình, tận trong góc.

Nàng không đến đều đặn vào một giờ nhất định. Bạn thấy nàng ngồi đó rất sớm vào buổi sáng. Hoặc giả, nàng xuất hiện quãng nửa đêm và ở lại cho tới giờ đóng cửa. Đó là quán cà phê đóng cửa muộn nhất trong khu phố, cùng Le Bouquet và La Pergola, cũng là quán có khách khứa kỳ cục nhất. Sau này khi nhiều thời gian đã trôi qua, tôi tự hỏi chẳng biết có phải chỉ sự hiện diện của nàng thôi đã khiến nơi này và những con người này trở nên kỳ lạ như thế, cứ như thể nàng tẩm mùi hương của mình lên hết thầy mọi người nơi đây.

Giả sử bạn bị bịt mắt dẫn tới đó, bạn được đặt ngồi ở một cái bàn, rồi băng bịt mắt được gỡ ra và trong vài phút bạn phải trả lời câu hỏi: Anh đang ở khu nào của Paris? Hẳn bạn chỉ cần nhìn những người xung quanh, nghe họ nói chuyện là có thể đoán ra ngay: quanh giao lộ Odéon, nơi tôi mừng tượng cứ trời mưa là luôn luôn ẩm đậm như thế này.

Từng có hôm một tay nhiếp ảnh gia bước vào quán Le Condé. Dáng dấp gã không có gì chỏi lên so với khách khứa trong quán. Cùng độ tuổi, cùng lối ăn vận hững hờ. Gã mang một cái áo vest quá dài so với thân hình, quần vải thô và đôi giày nhà binh to tướng. Gã chụp rất nhiều ảnh những người năng lui tới quán Le Condé. Cả gã cũng trở thành khách quen ở đây và, với những người khác, cứ như thể gã đang chụp những bức ảnh gia đình vậy. Rất lâu sau này, chúng xuất hiện trong một quyển sách ảnh chụp Paris, ở dòng ghi chú chỉ có tên riêng hoặc biệt hiệu của từng người khách. Và nàng xuất hiện trên nhiều bức ảnh. Nàng nhạy sáng hơn những người khác, như người ta hay nói trong điện ảnh. Trong số mọi người, nàng được để ý trước hết. Phía dưới trang sách, ở các ghi chú ảnh, nàng được định danh dưới cái tên “Louki”. “Từ trái qua phải: Zacharias, Louki, Tarzan, Jean-Michel, Fred và Ali Cherif...” “Phía trước, ngồi ở quầy bar: Louki. Phía sau cô, Annet, Don Carlos, Mireille, Adamov và bác sĩ Vala”. Nàng ngồi rất thẳng, trong khi những người khác mang đủ dáng điệu buông thả, chẳng hạn anh chàng mang tên Fred ngủ áp đầu vào thanh gá tường bọc vải giả da và, trông rất rõ, anh ta đã không cạo râu từ nhiều ngày. Phải nói cho rõ điều này: nàng được đặt cái

tên Louki kể từ khi bắt đầu hay tới Le Condé. Tôi có ở đó, vào cái buổi tối nàng bước vào quán quăng nửa đêm, lúc ấy chỉ còn lại Tarzan, Fred, Zacharias và Mireille, ngồi cùng bàn với nhau. Tarzan là người hét lên: “Này, Louki kia...” Thoạt tiên nàng có vẻ hoảng hốt, rồi nàng mỉm cười. Zacharias đứng dậy và, bằng một cái giọng trịnh trọng vờ vĩnh: “Đêm nay, tôi đặt tên cho cô. Kể từ nay, tên cô là Louki”. Giờ giấc trôi đi, khi mỗi người trong số họ đều đã gọi nàng là Louki, tôi nghĩ nàng cảm thấy nhẹ nhõm vì được mang cái tên mới này. Đúng, nhẹ nhõm. Quả vậy, càng suy nghĩ, tôi càng thấy rõ lại ấn tượng ban đầu của mình: nàng tới ăn nấu ở đây, tại quán Le Condé này, như thể muốn chạy trốn điều gì đó, đào thoát khỏi một mối nguy. Ý nghĩ ấy đã vụt đến với tôi lúc thấy nàng một mình, tận trong góc phòng, ở cái nơi chẳng một ai buồn để ý đến nàng. Và khi hòa vào với những người khác, nàng cũng không thu hút sự chú ý. Nàng im lìm và e dè, chỉ để tâm lắng nghe. Và thậm chí tôi còn từng tự nhủ rằng để được an toàn hơn nàng thích các nhóm âm ỉ, “những kẻ lẩm mồm”, nếu không như vậy thì hẳn nàng đã không gần như lúc nào cũng ngồi ở bàn của Zacharias, bàn của Jean-Michel, bàn của Fred, bàn của Tarzan và bàn của La Houpa... Bên họ, nàng tan lẫn vào trong khung cảnh, nàng chỉ còn là một nhân vật vặt vãnh vô danh tính, thuộc hạng những người mà trong các ghi chú ảnh người ta vẫn để là: “Không rõ tên” hoặc, đơn giản hơn, “X”. Phải, hồi đầu, tại Le Condé, tôi không bao giờ thấy nàng ngồi riêng với một ai. Và rồi, chẳng có gì bất tiện khi một trong những kẻ lẩm mồm bâng quơ gọi nàng là Louki bởi đó không phải tên thật của nàng.

Thế nhưng, nếu quan sát nàng thật kỹ, người ta sẽ thấy một số chi tiết khiến nàng khác những người còn lại. Nàng rất chăm chú sự ăn vận của mình, theo một lối không hề quen thuộc với khách khứa của Le Condé. Một tối, ở bàn của Tarzan, Ali Cherif và La Houpa, nàng chiêm một điều thuốc và tôi sững sốt trước vẻ thanh tú của hai bàn tay nàng. Và nhất là, những móng tay của nàng óng ánh. Chúng phủ một lớp sơn bóng không màu. Chi tiết này rất dễ có vẻ quá mức nhỏ nhặt. Thế nên ta hãy nghiêm trang hơn. Để làm được như vậy thì cần miêu tả các khách quen của quán Le Condé cụ thể một chút. Họ ở độ tuổi từ mười chín đến hai mươi lăm, trừ một số người như Babilée, Adamov hay bác sĩ Vala đã xấp xỉ tuổi năm mươi, nhưng người ta quên bằng mất tuổi của họ. Babilée, Adamov và bác sĩ Vala chung thủy với tuổi trẻ của họ, chung thủy với cái mà ta có thể gọi bằng cái tên đẹp thật du dương và cũ kỹ, “bohème”. Tôi tìm từ “bohème” trong từ điển: Người sống một cuộc đời lưu đãng, không phép tắc và cũng không đoái hoài tới ngày mai. Đó là một định nghĩa rất thích hợp với những người năng lui tới Le

Condé. Một số người như Tarzan, Jean-Michel và Fred nói rằng từ nhỏ họ từng nhiều lần gặp chuyện lòi thối với cảnh sát còn La Houpa đã trốn khỏi nhà trừng giới Bon-Pasteur năm mười sáu tuổi. Nhưng ta đang ở tả ngạn sông Seine và phần lớn những người kia sống dưới bóng văn chương nghệ thuật. Cả tôi, hồi ấy tôi cũng đang đi học. Tôi không dám nói cho họ điều đó và cũng không thực sự hòa mình vào nhóm của họ.

Tôi từng cảm thấy rất rõ rằng nàng khác những người còn lại. Nàng từ đâu đến trước khi được đặt cho cái tên ấy? Thường thì, khách quen của quán Le Condé cầm một quyển sách trên tay, quyển sách đó họ hờ hững đặc lên mặt bàn, bìa sách ố vết rượu vang. *Les Chants de Maldoror*, *Les Illuminations*, *Les Barricades mystérieuses* [1]. Nhưng hồi đầu, chẳng bao giờ nàng cầm theo gì. Và rồi, hẳn nàng muốn làm như những người khác và thế là một hôm, ở Le Condé, tôi bắt gặp nàng một mình, đang đọc sách. Kể từ đó, quyển sách không rời khỏi nàng nữa. Nàng đặt nó sao cho thật dễ thấy trên mặt bàn khi ngồi cùng Adamov và những người khác, như thể quyển sách ấy là cuốn hộ chiếu hay thẻ cư trú hợp thức hóa cho sự hiện diện của nàng bên cạnh họ. Nhưng chẳng ai để ý đến nó, cả Adamov, Babilée, Tarzan lẫn La Houpa. Đó là một quyển sách khổ bở túi, bìa đã cũ bản, thuộc loại sách cũ người ta vẫn mua trên các bờ kè ngoài sông và có nhan đề in cỡ lớn màu đỏ: *Những chân trời đã mất*. Thời ấy, nó không gọi cho tôi điều gì. Lẽ ra tôi phải hỏi nàng về chủ đề cuốn sách, nhưng tôi lại ngu ngốc mà tự nhủ rằng *Những chân trời đã mất* với nàng chỉ là một thứ phụ liệu và nàng làm ra vẻ đọc nó đặng hòa nhịp với đám khách ở Le Condé. Đám khách này, một người qua đường từ bên ngoài liếc nhìn vào - thậm chí giáng trán vào cửa kính một lúc mà nhìn - hẳn sẽ coi chỉ đơn giản là một đám khách sinh viên. Nhưng người đó sẽ mau chóng thay đổi ý kiến khi thấy lượng rượu mà bọn họ nốc ở bàn của Tarzan, Mireille, Fred và La Houpa. Tại các quán cà phê êm ả của khu Latin, hẳn chẳng bao giờ người ta uống tợn như vậy. Dĩ nhiên, vào những giờ hoang vu của buổi chiều, quán Le Condé có thể khiến người ta lầm tưởng. Nhưng trời càng trở sang tối, nó càng trở thành điểm hẹn của thứ mà một triết gia nhiều xúc cảm từng gọi là “tuổi trẻ lạc lối” [2]. Tại sao lại là quán cà phê này chứ không phải một quán khác? Là do bà chủ, một Bà Chadly, người như thế không ngạc nhiên vì bất kỳ điều gì và thậm chí còn thể hiện chút khoan dung với khách của mình. Nhiều năm sau này, khi mà các phố trong khu chỉ còn giăng giăng nổi hàng những ô kính cửa hiệu bán đồ xa xỉ và một tiệm đồ da đã chiếm chỗ của quán Le Condé, tôi gặp Bà Chadly bên kia bờ sông Seine, trên dốc phố Blanche. Bà không nhận ra tôi ngay. Chúng tôi bước đi cạnh nhau một lúc lâu mà tán chuyện về Le Condé.

Chồng bà, một người Algérie, đã mua lại cơ ngơi hồi sau chiến tranh. Bà còn nhớ tên tất cả chúng tôi. Bà thường tự hỏi chúng tôi ra sao rồi, nhưng bà không mấy khi tự tạo ảo tưởng cho mình. Bà đã biết, ngay từ đầu, rằng mọi chuyện rồi sẽ xoay chuyển tệ hại với chúng tôi. Những con chó lạc [3], bà bảo tôi thế. Và lúc chia tay nhau trước hiệu bán thuốc trên quảng trường Blanche, bà dỗi thẳng vào mắt tôi mà nói: “Tôi ấy mà, người tôi thích nhất là Louki.”

[1] Tên các tập thơ rất nổi tiếng, của Lautréamont, Rimbaud và Maurice Blanchard.

[2] Nhan đề cuốn sách này, Dans le café de la jeunesse perdue, rút từ một bộ phim khởi chiếu năm 1981 của triết gia Guy Debord (yếu nhân của phong trào “Quốc tế Tinh thể chủ nghĩa” - Internationale Situationniste), khá mơ hồ vì cùng một lúc tính từ “perdu” được hiểu theo hai nghĩa: “đã mất” và “lạc đường”. Tuy nghĩa thứ hai được chọn cho nhan đề tiếng Việt vì đúng với tinh thần cuốn sách hơn, nhưng độc giả cũng cần lưu ý rằng tác phẩm đậm màu tiếu nuối quá vãng.

[3] Ở đây tác giả cũng dùng tính từ “perdu” như ở nhan đề. “Chó” cũng là một chi tiết quan trọng, gợi nhớ đến tác phẩm Un Pedigree của Modiano, xuất bản không lâu trước cuốn sách này; trong đó Modiano viết rất nhiều về cuộc đời mình và tự coi mình như một “con chó”.

Khi ở bàn của Tarzan, Fred và La Houpa, nàng có uống nhiều như họ không, hay nàng chỉ làm ra vẻ mình có uống, cốt để họ không phạt ý? Dù có thế nào thì nàng cũng kiên cường trụ vững trước rượu, với dáng người thật thẳng, những cử chỉ chậm rãi và duyên dáng, nụ cười lãng đãng mơ hồ. Ở quầy thì dễ uống bịp hơn. Bạn chỉ cần tận dụng giây lát thiếu chú ý của đám bạn bè say khướt mà đổ cốc rượu của mình xuống bồn rửa. Nhưng ở đó, tại một cái bàn trong quán Le Condé, thì khó hơn nhiều. Họ bắt bạn theo họ trong những châu uống. Trong chuyện này, họ tỏ ra nhạy cảm cực độ và sẽ coi bạn là không xứng đáng với nhóm nếu bạn không theo được cho tới cùng cái mà họ gọi là những “chuyến lãng du” của họ. Về phần những thứ chất độc hại khác, tôi từng nghĩ mình hiểu mặc dù không chắc lắm rằng Louki có sử dụng, cùng một số thành viên trong nhóm. Tuy nhiên, không gì trong cái nhìn và thái độ của nàng để người ta đoán được rằng nàng đang đến thăm các thiên đường nhân tạo [4].

[4] Tác giả sử dụng nhan đề một tập sách rất nổi tiếng của Baudelaire.

Tôi thường tự hỏi có phải một chỗ quen biết của nàng từng nói cho nàng về Le Condé trước khi nàng đặt chân tới đây lần đầu tiên. Hay ai đó hẹn gặp nàng ở đây rồi không đến. Vậy là, chắc hẳn nàng ngồi lì nơi đây, ngày này qua ngày khác, tối này qua tối khác, tại bàn của mình, mà hy vọng gặp lại người đó tại cái nơi vốn dĩ là điểm mốc duy nhất giữa nàng và người lạ kia. Không còn cách nào khác để gặp người ấy. Không có địa chỉ. Cũng không có số điện thoại. Chỉ một cái tên. Nhưng cũng có thể nàng đã tình cờ mà tới đây, giống như tôi. Nàng đang ở trong khu phố và nàng muốn tránh mưa. Tôi vẫn luôn luôn tin rằng một số địa điểm là những thỏi nam châm và bạn bị hút về phía chúng nếu đang bước đi ở quanh đó. Và chuyện ấy xảy ra theo cách thức không thể nhận biết, thậm chí bạn còn chẳng ngờ tới. Chỉ cần một đường phố thoải dốc, một vỉa hè nắng lùa hoặc một vỉa hè ẩn trong râm mát. Hoặc giả một trận mưa rào. Và điều đó dẫn bạn tới đây, đúng cái điểm bạn phải đến. Tôi thấy như thế Le Condé, bởi địa điểm của nó, sở hữu cái lực từ trường ấy và nếu thực hiện một phép tính xác suất thì kết quả hẳn sẽ xác nhận cho điều này: trong vòng một chu vi nhất định, ta không thể tránh khỏi việc trôi dạt [5] về phía nó. Về chuyện đó thì tôi cũng có đôi chút hiểu biết.

[5] Đây là một khái niệm quan trọng trong triết lý của Guy Debord.

Một thành viên của nhóm, Bowling, chúng tôi hay gọi là “Thuyền Trưởng”, đã bắt tay vào một công việc được những người khác tán thưởng. Từ gần ba năm anh ghi lại tên những người khách của quán Le Condé, theo những lần họ đến, lần nào cũng đi kèm ngày giờ chính xác. Anh giao cho hai người bạn của mình làm cùng công việc ấy tại quán Le Bouquet và quán La Pergola, những nơi mở cửa suốt đêm. Thật không may, ở hai quán cà phê kia, không phải lúc nào khách cũng chịu nói tên. Trong thâm tâm, Bowling tìm cách cứu khỏi quên lãng những con bướm bay thoáng chốc quanh một ngọn đèn. Anh mơ, anh nói vậy, đến một hệ thống sổ sách thật lớn ghi rõ tên khách mọi quán cà phê của Paris từ trăm năm nay, với ghi chú về lúc họ đến và lúc họ đi. Anh bị ám ảnh bởi cái mà anh gọi là “những điểm cố định”.

Trong dòng chảy miên viễn những phụ nữ, đàn ông, trẻ con, và chó, tất tật diễu qua rồi rút cuộc tan biến dọc các phố, ta những muốn lưu giữ một khuôn mặt, đôi khi. Phải rồi, theo Bowling, giữa chốn phồn hoa đô hội cần phải tìm ra vài điểm cố định. Trước khi ra nước ngoài, anh đã đưa cho tôi quyển vở ghi chép cặn kẽ về khách khứa của quán Le Condé, từng ngày một, trong vòng ba năm. Nàng chỉ xuất hiện trong đó dưới cái tên đi mượn, Louki, và nàng được nêu tên lần đầu vào một ngày 23 tháng Giêng. Mùa

đông năm ấy đặc biệt khắc nghiệt, khiến cho một số trong chúng tôi cả ngày không rời Le Condé để tránh lạnh. Thuyền Trưởng cũng chép lại địa chỉ của chúng tôi thế nên ta có thể hình dung được chặng đường quen thuộc dẫn mỗi người chúng tôi tới quán Le Condé. Đó cũng là một cách, với Bowing, thiết lập những điểm cố định. Anh không ghi ngay địa chỉ của nàng. Mãi tới một ngày 18 tháng Ba ta mới đọc được dòng này: “14 giờ. Louki, 16, phố Fermat, quận XIV”. Nhưng ngày 5 tháng Chín cùng năm, nàng đã đổi địa chỉ: “23h40. Louki, 8, phố Cels, quận XIV”. Tôi cho rằng Bowing vạch ra trên những tấm bản đồ Paris cỡ lớn chặng đường tới Le Condé của chúng tôi và Thuyền Trưởng đã dùng bút bi nhiều màu mực để làm việc này. Có thể anh muốn biết chúng tôi có cơ may gặp mặt nhau trước cả khi đến đích hay không.

Thì đây, tôi còn nhớ một hôm đã gặp Louki tại một khu phố mà tôi không quen thuộc, tôi đến đó để chăm một người anh em họ xa của bố mẹ tôi. Khi ra khỏi nhà ông, tôi đi về phía bến tàu điện ngầm Porte-Maillot, và chúng tôi đã gặp mặt ngay ở đoạn đầu đại lộ Grande-Armée. Tôi nhìn vào mặt nàng và nàng cũng nhìn tôi chăm chăm bằng ánh mắt lo lắng, như thể tôi đã bắt chợt nàng trong một tình huống khó xử. Tôi chìa tay cho nàng: “Chúng ta đã gặp nhau ở quán Le Condé”, tôi nói với nàng, và đột nhiên tôi thấy dường như quán cà phê ấy nằm ở tận cùng thế giới. Nàng nở một nụ cười gượng gạo: “À vâng... ở quán Le Condé...” Lúc ấy là không lâu sau khi nàng xuất hiện lần đầu tiên ở đó. Nàng vẫn còn chưa hòa mình vào với những người khác và Zacharias còn chưa đặt cho nàng cái tên Louki. “Quán cà phê lạ lùng, nhỉ, Le Condé ấy...” Nàng gật đầu đồng ý với tôi. Chúng tôi đi cùng nhau vài bước rồi nàng bảo nàng sống ở gần đây, nhưng nàng không hề thích khu phố này. Thật là ngốc, ngày hôm ấy lẽ ra tôi đã có thể biết tên thật của nàng. Rồi chúng tôi chia tay nhau ở cửa ô Maillot, trước lối xuống bến tàu điện ngầm, và tôi nhìn nàng đi xa dần về phía Neuilly và rừng Boulogne, bước chân mỗi lúc một chậm, như để cho ai đó cơ hội níu giữ nàng. Tôi nghĩ nàng sẽ không quay trở lại quán Le Condé nữa và hẳn sẽ không bao giờ tôi có tin tức về nàng. Hẳn nàng sẽ biến đi vào trong cái mà Bowing gọi là “sự vô danh của thành phố lớn”, anh tự nhận mình chiến đấu chống lại nó, bằng cách ghi đầy những cái tên vào quyển vở của mình. Một quyển vở Clairefontaine bìa đỏ láng nhựa dày một trăm chín mươi hai trang. Nói cho ngay, điều ấy chẳng giúp ích được nhiều. Giờ quyển vở ra, ngoài những tên tuổi và địa chỉ thoáng qua, ta không biết được gì về tất cả những người ấy, cũng như về tôi. Chắc hẳn Thuyền Trưởng cho rằng nêu tên và “cố định hóa” chúng tôi ở đâu đó đã là một việc lớn lao rồi. Phần còn lại... Ở quán Le

Condé, chúng tôi không bao giờ hỏi nhau về nguồn gốc xuất thân. Chúng tôi còn quá trẻ, chúng tôi không có quá khứ để hé lộ, chúng tôi sống ở thì hiện tại. Ngay những người khách già hơn, Adamov, Babilée hay bác sĩ Vala cũng không bao giờ nói gì ám chỉ tới quá khứ của họ. Họ chỉ ở đó, giữa chúng tôi, mà thôi. Mãi đến giờ, sau ngần ấy thời gian, tôi mới cảm thấy một nỗi tiếc nuối: tôi những muốn Bowing cụ thể hơn trong quyển vở của anh, muốn anh dành cho mỗi người một đoạn tiểu sử ngắn. Anh có thật lòng tin rằng một cái tên và một địa chỉ là đủ, sau này, để lần lại một sợi dây đời? Và nhất là vốn vẹn một cái tên không phải tên thật? “Louki. Thứ Hai 12 tháng Hai, 23 giờ.” “Louki. 28 tháng Tư, 14 giờ.” Anh cũng chép rõ chỗ mà những người khách ngồi ở quanh bàn, mỗi ngày. Thỉnh thoảng, thậm chí còn không có cả họ lẫn tên. Ba lần liền, trong tháng Sáu năm ấy, anh viết: “Louki cùng người đàn ông tóc nâu vận áo vest da hoẵng.” Anh đã không hỏi tên người đó, hoặc giả người đó từ chối trả lời. Có vẻ như người này không phải khách quen của quán. Người đàn ông tóc nâu vận áo vest da hoẵng đã biến mất vĩnh viễn vào những phố phường Paris, và Bowing đã chỉ cố định được cái bóng của người đó trong vòng vài giây. Và rồi cũng có những điểm không chính xác trong quyển vở của anh. Rốt cuộc tôi đã thiết lập được các điểm quy chiếu giúp tôi xác nhận việc nàng đã không đến quán Le Condé lần đầu tiên vào tháng Giêng như Bowing làm người khác tưởng đâu là thế. Trước ngày hôm ấy một thời gian tôi đã có một kỷ niệm về nàng. Chỉ từ khi những người khác đặc cho nàng cái tên Louki thì Thuyền Trưởng mới bắt đầu nêu tên nàng, và tôi cho rằng cho đến lúc ấy anh đã không hề để ý tới sự hiện diện của nàng. Thậm chí nàng còn không có được một ghi chú mơ hồ theo kiểu “14 giờ. Một cô gái tóc nâu mắt xanh lục,” giống như người đàn ông tóc nâu mặc áo vest da hoẵng.

Nàng xuất hiện vào tháng Mười năm trước đó. Tôi phát hiện được trong quyển vở của Thuyền Trưởng một điểm mốc: “15 tháng Mười. 21 giờ. Sinh nhật Zacharias. Ở bàn của anh ta: Annet, Don Carlos, Mireille, La Houpa, Fred, Adamov”. Tôi còn nhớ rất rõ bữa ấy. Nàng ngồi cùng bàn với họ. Tại sao Bowing lại không nảy sinh tò mò mà hỏi tên nàng? Những lời chứng thật mong manh và mâu thuẫn với nhau, nhưng tôi chắc rằng nàng có mặt tối hôm ấy. Mọi điều khiến nàng trở nên vô hình trong mắt Bowing đều tác động mạnh lên tôi. Sự rụt rè của nàng, những cử chỉ chậm rãi của nàng, nụ cười của nàng, và nhất là sự im lặng của nàng. Nàng ngồi cạnh Adamov. Có lẽ chính vì ông mà nàng đã đến quán Le Condé. Tôi vẫn thường xuyên gặp Adamov quanh quần Odéon, và xa hơn, trong khu phố Saint-Julien-le-Pauvre. Lần nào cũng thấy ông bước đi, bàn tay đặt lên vai một cô gái trẻ.

Một người mù nhờ cậy người khác dẫn đường. Thế nhưng ông lại có vẻ thấy mọi thứ, bằng cái nhìn kiểu con chó bi thảm của mình. Và hình như mỗi lần lại là một cô gái khác dẫn đường cho ông. Hoặc nữ y tá. Tại sao lại không thể là nàng? Và đúng thế, đêm hôm đó, nàng ra khỏi Le Condé cùng Adamov. Tôi thấy họ xuôi phố vắng về phía Odéon, Adamov đặt tay trên vai nàng và máy móc bước đi. Trông như thể nàng sợ đi quá nhanh, và đôi khi nàng dừng lại một thoáng, như để ông lấy hơi. Tại giao lộ Odéon, Adamov bắt tay nàng về hơi trịnh trọng, rồi nàng trôi tuột xuống miệng bến tàu điện ngầm. Ông lấy lại bước đi người mộng du trực chỉ hướng Saint-André-des-Arts. Còn nàng? Phải, nàng bắt đầu năng tới quán Le Condé vào mùa thu. Và hẳn đó không phải là vì tình cờ. Với tôi, mùa thu chưa bao giờ là một mùa buồn. Những lá rụng và những ngày mỗi lúc một ngắn thêm với tôi chưa bao giờ gợi lên kết cục của một điều gì đó mà đúng hơn là một sự chờ đợi ở tương lai. Trong không khí có luồng điện, ở Paris này, vào các buổi chiều tháng Mười khi bóng tối bắt đầu buông. Ngay cả khi trời mưa. Tôi không bị chán chường vào giờ ấy, cũng không có cảm giác về sự đào thoát của thời gian. Tôi thấy như mọi điều đều là khả dĩ. Năm bắt đầu vào tháng Mười. Đó là mùa tựu trường và tôi tin đó chính là mùa của những dự đoán. Thế nên, nếu quả thật nàng tới quán Le Condé vào tháng Mười, thì đó là bởi nàng đã đoạn tuyệt với cả một phần đời và nàng muốn làm cái việc người ta vẫn gọi tên trong những cuốn tiểu thuyết: LỘT XÁC. Và lại, có một dấu hiệu chứng tỏ cho tôi thấy rằng hẳn mình đã không nhầm. Ở quán Le Condé, người ta cho nàng một cái tên mới. Và Zacharias, ngày hôm ấy, thậm chí còn nói đến lễ rửa tội. Một sự sinh ra lần thứ hai, theo cách nào đó.

Về phần người đàn ông tóc nâu vận áo vest da hoẵng, thật không may, ông ta không bao giờ xuất hiện trên các bức ảnh chụp ở Le Condé. Thật tiếc. Thường thì rất cuộc người ta xác định được ai đó nhờ một bức ảnh. Người ta đăng nó trên một tờ báo đồng thời kêu gọi nhân chứng. Liệu đó có phải một thành viên của nhóm mà Bowing không quen biết và anh đã lười hỏi tên?

Tối qua, tôi chăm chú lật giở tất cả các trang của quyển vở. “Louki cùng người đàn ông tóc nâu vận áo vest da hoẵng.” Và tôi nhận ra, kinh ngạc vô cùng, rằng không phải mãi đến tháng Sáu Thuyền Trưởng mới nêu tên người lạ mặt này. Ở phía dưới một trang, anh vội vã nguệch ngoạc: “24 tháng Năm. Louki cùng người đàn ông tóc nâu vận áo vest da hoẵng”. Và ta lại thấy cùng ghi chú này hai lần vào tháng Tư. Tôi đã hỏi Bowing tại sao, mỗi lần có gì liên quan đến nàng, là anh lại dùng bút chì màu xanh gạch dưới tên, như thể để phân biệt nàng với những người khác. Không, không phải anh làm việc ấy. Một hôm anh đang ngồi ở quầy bar ghi chép khách khứa có

mặt trong phòng vào quyền vở thì một người đàn ông đứng cạnh bắt chọt anh trong lúc anh làm việc ấy: một người trạc tứ tuần có quen biết bác sĩ Vala. Ông ta có giọng nói rất êm ái và hút những điều thuốc lá loại nhẹ. Bowing cảm thấy tin cậy ông ta và nói vài lời về cái mà anh gọi là Quyền Sách vàng. Người kia tỏ vẻ quan tâm. Ông ta là “nhà xuất bản sách nghệ thuật”. À có, ông ta có biết người trước đó một quãng thời gian đã chụp những bức ảnh tại quán Le Condé. Ông ta tự nhận mình sắp xuất bản một quyền sách ảnh về chủ đề này, nhan đề có thể sẽ là: *Một quán cà phê ở Paris*. Liệu anh có thể tốt bụng cho ông ta mượn quyền vở của anh cho đến ngày hôm sau không, hẳn nó có thể giúp ông ta chọn lựa những lời chú thích ảnh? Ngày hôm sau, ông ta mang trả quyền vở cho Bowing và không bao giờ xuất hiện ở Le Condé nữa. Thuyền Trưởng thấy rất kinh ngạc vì tên của Louki lần nào cũng được gạch dưới bằng bút chì màu xanh. Anh đã muốn biết thêm về chuyện này bằng cách đặt cho bác sĩ Vala vài câu hỏi liên quan tới tay nhà xuất bản sách nghệ thuật đó. Vala rất ngạc nhiên. “A, tay ấy bảo hẳn xuất bản sách nghệ thuật à?” Ông biết ông ta theo kiểu hời hợt, vì vẫn thường xuyên gặp trên phố Saint-Benoît chỗ quán La Malène và tại quầy bar quán Le Montana nơi thậm chí ông còn từng nhiều lần chơi trò 421 [6] với ông ta. Ông ta hay lui tới khu phố này từ lâu rồi. Tên ông ta à? Caisley. Cơ hồ Vala có chút bực bội khi nói tới ông ta. Và khi Bowing ám chỉ tới quyền vở của mình và những nét bút chì màu xanh gạch bên dưới tên Louki, một thoáng lo lắng hiện ra trong cái nhìn của bác sĩ. Chỉ trong chốc lát. Rồi ông mỉm cười. “Hẳn là tay ấy quan tâm tới con bé... Con bé xinh xẻo thế cơ mà... Nhưng cái ý tưởng viết hết những cái tên đó vào quyền vở của anh thì kỳ cục quá thể... Anh làm tôi thấy thích đấy, anh và nhóm của anh và các trải nghiệm đặc lý [7] của các anh...” Ông trộn lẫn tất cả vào với nhau, đặc lý, duy tự [8], viết tự động, các siêu ký hiệu [9] và mọi trải nghiệm mà những khách nhiều chất văn chương nhất của quán Le Condé, như Bowing, Jean-Michel, Fred, Babilée, Larronde hay Adamov, vẫn hay làm. “Và rồi thật nguy hiểm khi làm thế”, bác sĩ Vala nói thêm, giọng trầm xuống. “Có thể gọi quyền vở của anh là sổ cái của cảnh sát hay bản kê khai của một sở cảnh. Cứ như thể tất cả chúng ta bị tóm trong một cuộc càn quét ấy...”

[6] Trò chơi gieo ba quân xúc xắc, trong đó kết hợp “vua” là khi được một quân 4, một quân 2 và một quân 1.

[7] Dịch từ “pataphysique”, khái niệm và phong trào nghệ thuật với yếu nhân là nhà văn Alfred Jarry (1873-1907) và tập hợp những nhà văn nổi tiếng như Boris Vian hay Eugène Ionesco; phong trào này chú trọng vào khái niệm ‘các giải pháp đặc thù’.

[8] Dịch từ “lettrisme”, tên một phong trào nghệ thuật tiên phong do Isidore Isou (1925-2007) lập ra; Isou là người Rumani, năm 1945 ông sang Pháp và lập ra phong trào “duy tự”, đặc biệt chú trọng vào tính nhạc của chữ và quan tâm đến khía cạnh âm, nhất là tượng thanh, của từ.

[9] Dịch từ “métagraphie”, một kỹ thuật của phong trào “duy tự”, chỉ sự khai thác mọi loại ký hiệu như chữ cái, chữ tượng hình... trong giao tiếp và thực hành nghệ thuật. Khái niệm này do Isidore Isou đưa ra nhưng chủ yếu được thực hành ở giai đoạn sau ở nhóm ly khai, trong đó có Guy Debord.

Bowing phản đối, thử trình bày với ông lý thuyết về các điểm cố định của anh, nhưng kể từ ngày hôm ấy Thuyền Trưởng bắt đầu có cảm giác Vala nghi ngại anh và thậm chí còn muốn tránh mặt anh.

Cái tay Caisley đó đã không chỉ làm một việc là gạch dưới tên Louki. Lần nào mà có thêm “người đàn ông tóc nâu vận áo vest da hoẵng” thì sẽ có hai nét gạch bút chì xanh. Toàn bộ chuyện này đã làm rối trí Bowing dữ dội và những ngày tiếp theo đó anh đã lang thang trên phố Saint-Benoît với hy vọng gặp trúng được cái kẻ tự xưng là nhà xuất bản sách nghệ thuật ấy, ở quán La Malène hoặc quán Le Montana, đăng đòi ông ta giải thích. Anh đã không bao giờ tìm lại được ông ta. Bản thân anh một thời gian sau phải rời nước Pháp và để lại cho tôi quyển vở, như thể anh muốn tôi tiếp tục cuộc tìm kiếm của anh. Nhưng giờ thì đã quá muộn. Và rồi nếu cả giai đoạn ấy có đôi khi trở nên sống động trong ký ức tôi, thì cũng chính bởi những câu hỏi không có lời đáp.

Vào những giờ trống trải của ngày, lúc từ chỗ làm về, và thường là trong nỗi cô đơn những tối Chủ nhật, một chi tiết quay trở lại với tôi. Vận lấy toàn bộ sự chú tâm, tôi tìm cách tập hợp những chi tiết khác rồi viết chúng vào cuối quyển vở của Bowing, trên các trang vẫn còn để trắng. Cả tôi nữa, tôi khởi sự tìm kiếm những điểm cố định. Đó là một việc làm cho qua thời gian, giống những người khác chơi ô chữ hoặc chơi trò réussite [10]. Những tên và ngày tháng trong quyển vở của Bowing giúp tôi rất nhiều, thỉnh thoảng chúng gợi lại một sự kiện cụ thể, một buổi chiều mưa hoặc một buổi chiều nắng, tôi vẫn luôn luôn rất nhạy cảm với các mùa. Một tối nọ, Louki bước vào quán Le Condé, tóc ướt lướt thướt vì một trận mưa rào hay đúng hơn là vì những cơn mưa không dứt của tháng Mười một hoặc đầu mùa xuân. Bà Chadly đang đứng sau quầy bar ngày hôm ấy. Bà đã lên tầng trên, về căn hộ nhỏ xíu của bà, để tìm một cái khăn tắm. Như quyển vở chỉ ra, tối đó ngồi cùng bàn có Zacharias, Annet, Don Carlos, Mireille, La Houpa, Fred và Maurice Raphaël. Zacharias cầm lấy cái khăn lau tóc cho Louki rồi buộc túm

nó lại theo kiểu turban quanh đầu nàng. Nàng ngồi xuống bàn họ, họ rót cho nàng một cốc grog, và nàng ở lại rất khuya với họ, cái turban buộc trên đầu. Ra khỏi Le Condé, quãng hai giờ sáng, trời vẫn mưa. Chúng tôi đứng ở chỗ tường hõm lối vào và Louki vẫn mang cái turban. Bà Chadly đã tắt đèn phòng và đi ngủ. Bà mở cửa sổ ở lưng chừng tầng trệt và tầng trên, bảo chúng tôi lên nhà bà mà trú mưa. Nhưng Maurice Raphaël nói với bà, vẻ rất hào hoa: “Không phải nghĩ đến chuyện ấy đâu, thưa bà... Chúng tôi phải để cho bà ngủ chứ...” Đó là một anh chàng đẹp trai tóc nâu, hơn tuổi chúng tôi, một khách quen nhẵn mặt của Le Condé được Zacharias đặt cho biệt hiệu “Báo Gấm” căn cứ vào cách đi đứng của anh và những động tác của loài miêu ở anh. Như Adamov và Larronde, anh đã cho in nhiều cuốn sách, nhưng chúng tôi không bao giờ nói chuyện về chúng. Một tấm màn bí ẩn bay lơ lửng quanh người đàn ông này và thậm chí chúng tôi còn nghĩ anh có nhiều dây mơ rễ má với Giới Tội Phạm. Mưa đã nặng hạt hơn hẳn, một trận mưa đổi mùa, nhưng không có gì nghiêm trọng với những người khác, vì họ sống ngay trong khu phố. Chẳng mấy chốc, chỉ còn lại Louki, Maurice Raphaël và tôi dưới cổng. “Tôi chờ các bạn về nhé?” Maurice Raphaël đề nghị. Chúng tôi chạy dưới mưa, xuống đến cuối đường, nơi anh đỗ xe, một chiếc Ford cũ màu đen. Louki ngồi cạnh anh, còn tôi, ở băng ghế sau. “Tôi thả ai xuống trước đây?” Maurice Raphaël hỏi. Louki nói tên phố nhà nàng, nói rõ thêm rằng nó nằm quá nghĩa trang Montparnasse. “Thế thì cô sống ở vùng rìa”, anh nói. Và tôi tin cả hai chúng tôi đều không hiểu “ở vùng rìa” nghĩa là sao. Tôi bảo anh thả tôi xuống sau khi hết hàng rào vườn Luxembourg, ở góc phố Val-de-Grâce. Tôi không muốn anh biết chính xác tôi sống ở đâu vì sợ anh sẽ đặt cho tôi những câu hỏi.

[10] Trò chơi một mình xếp các quân bài theo trật tự quy định, còn có tên gọi khác khá phổ biến ở Việt Nam là “solitaire”.

Tôi bắt tay Louki và Maurice Raphaël, bụng bảo dạ rằng cả hai đều không biết tên tôi. Tôi là một người khách rất kín đáo của quán Le Condé và tôi hơi tách biệt một chút, chỉ làm một việc là lắng nghe mọi người khác. Với tôi như thế là đủ. Tôi cảm thấy thoải mái khi ở cùng họ. Với tôi quán Le Condé là một chốn trú ẩn khỏi mọi thứ gì mà tôi mừng tượng là u ám của cuộc đời. Hẳn rồi sẽ có một phần con người tôi - cái phần tốt đẹp nhất - tới một ngày tôi buộc phải để lại nơi đó.

“Cậu thật khôn ngoan khi chọn sống ở khu Val-de-Grâce”, Maurice Raphaël bảo tôi.

Anh mỉm cười với tôi và tôi thấy như thể nụ cười ấy biểu lộ vừa sự quý

mền vừa sự mĩa mai.

“Hẹn sớm gặp lại nhé”, Louki nói.

Tôi ra khỏi xe, đợi cho nó biến mất về phía Port-Royal, để rồi đi ngược lại con đường. Trên thực tế, tôi không hoàn toàn sống trong khu Val-de-Grâce, mà lui xuống dưới một chút, trong tòa nhà số 85 trên đại lộ Saint-Michel, nơi, nhờ phép màu, tôi đã tìm được một căn phòng ngay khi tới Paris. Cửa sổ nhìn thẳng sang mặt tiền đen sẫm của trường tôi. Đêm hôm đó, tôi không thể rời mắt khỏi cái mặt tiền kỳ vĩ ấy cùng cầu thang đá lớn của lối vào. Họ sẽ nghĩ gì nếu biết gần như ngày nào tôi cũng đi qua cái cầu thang đó, nếu biết tôi là sinh viên Trường Mỏ? Zacharias, La Houpa, Ali Cherif hay Don Carlos có biết chính xác Trường Mỏ nghĩa là gì không? Tôi phải giữ cho kín bí mật của mình nếu không rất có thể họ sẽ chế nhạo hoặc nghi ngại tôi. Với Adamov, Larronde hay Maurice Raphaël, Trường Mỏ nói lên điều gì? Không gì hết, hẳn vậy. Hẳn họ sẽ khuyên tôi đừng lui tới cái chốn đó nữa. Tôi bỏ thật nhiều thời gian đến quán Le Condé chính là bởi tôi muốn người ta cho tôi cái lời khuyên ấy, một lần cho tất cả. Hẳn Louki và Maurice Raphaël đã đến được phía bên kia nghĩa trang Montpamasse, cái vùng mà anh gọi là “vùng rìa”. Còn tôi, tôi trì mình trong bóng tối, đứng đó trước cửa sổ mà chiêm ngưỡng cái mặt tiền đen sẫm của tòa nhà. Có thể so sánh nó với nhà ga hoang phế của một thành phố hàng tỉnh. Trên các bức tường của tòa nhà kế bên, tôi từng trông thấy dấu những vết đạn, như thể người ta từng xử bắn ai đó ở đây. Tôi trầm giọng nhắc đi nhắc lại hai cái từ với tôi mỗi lúc một trở nên kỳ quái hơn này: TRƯỜNG MỎ.

Tôi đã gặp may vì chàng thanh niên đó ngồi cạnh bàn tôi ở quán Le Condé và chúng tôi khởi sự trò chuyện với nhau một cách hết sức tự nhiên. Đó là lần đầu tiên tôi tới quán và tôi đáng tuổi bố anh ta. Quyền vờ anh ta dùng để chép tên những người khách của quán Le Condé, hết ngày này qua ngày khác, hết đêm này qua đêm khác, từ ba năm, làm công việc của tôi dễ dàng hơn hẳn. Tôi thấy tiếc vì đã giấu anh ta lý do chính xác khiến tôi muốn xem cái tài liệu mà anh ta vui lòng cho tôi mượn. Nhưng tôi có nói dối anh ta không khi bảo mình là nhà xuất bản sách nghệ thuật?

Tôi nhận thấy rằng anh ta tin lời tôi. Đó chính là lợi thế của việc hơn người khác những hai mươi tuổi: họ không biết gì về quá khứ của bạn. Và ngay cả khi họ đặt cho bạn vài câu hỏi lơ đãng về đời bạn cho đến thời điểm ấy, thì bạn vẫn có thể ngụy tạo ra toàn bộ. Một cuộc đời mới. Họ sẽ chẳng đi

kiểm tra đầu. Bạn càng kể về nó, cái cuộc đời trong tưởng tượng đó, thì những bùm lớn không khí tươi mát càng lướt ngang qua cái chôn kín bùng khiến bạn ngạt thở suốt bấy lâu nay. Một cửa sổ chọt bật mở, những chớp cửa va đập vì gió lộng của không trung. Lại một lần nữa bạn thấy ở trước mặt mình có tương lai.

Nhà xuất bản sách nghệ thuật. Điều ấy vụt hiện ra trong óc tôi mà không cần suy nghĩ. Cách đây hơn hai mươi năm người ta có hỏi tôi định làm gì, hẳn tôi cũng đã áp úng mà rằng: nhà xuất bản sách nghệ thuật. Và thế là, ngày hôm nay tôi đã nói điều đó. Chưa gì thay đổi hết cả. Tất cả những năm đã trôi qua kia đã bị tiêu hủy.

Trừ mỗi việc tôi đã không hoàn toàn gạt phăng đi quá khứ. Vẫn còn lại một số chứng nhân, một số người còn sống sót trong số những người từng là đương thời với ta. Một tối, tại quán Le Montana, tôi hỏi tuổi của bác sĩ Vala. Chúng tôi sinh cùng năm. Và rồi tôi nhắc cho ông rằng xưa kia chúng tôi đã gặp nhau, ở cùng quán bar này, lúc khu phố vẫn còn lấp lánh toàn bộ ánh sáng rực rỡ của nó. Và lại, tôi thấy dường như mình đã gặp ông rất lâu từ trước, ở những khu phố khác của Paris, bên hữu ngạn. Thậm chí tôi còn chắc chắn về điều đó. Vala, giọng khô khốc, gọi một cốc Vittel, chặn ngang lời tôi vào đúng khi tôi thiếu điều đã gọi lại những kỷ niệm tệ hại. Tôi bèn im bật. Chúng tôi sống nhờ một số khoảng thỉnh lặng. Chúng tôi biết nhiều điều về nhau. Vậy nên chúng tôi tìm cách tránh mặt nhau. Tốt nhất, lẽ dĩ nhiên, là hoàn toàn khuất mắt nhau.

Sự trùng hợp thật kỳ cục... Chiều nay tôi lại gặp trúng Vala, khi lần đầu tiên bước qua ngưỡng cửa quán Le Condé. Ông ngồi ở một cái bàn trong góc cùng hai hay ba thanh niên. Ông ném về phía tôi một cái nhìn lo ngại của người đang sống yên lành bỗng thấy một bóng ma. Tôi mỉm cười với ông. Tôi bắt tay ông mà không nói năng gì. Tôi cảm nhận được rằng bất kỳ lời nào mình thốt ra cũng có khả năng khiến ông thấy bất tiện đối với những người bạn mới. Ông có vẻ nhẹ nhõm vì sự im lặng và sự kín đáo của tôi, khi tôi ngồi xuống cái ghế băng bọc vải giả da ở đầu kia phòng. Từ đó, tôi có thể quan sát ông mà ông không nhìn thấy. Ông thấp giọng nói chuyện với họ, nghiêng người về phía họ. Có phải ông ngại tôi nghe thấy lời ông? Thế là, để giết thời gian, tôi tưởng tượng ra mọi câu mình có thể nói bằng cái giọng vờ vịt xã giao hẳn sẽ làm những giọt mồ hôi rịn ra trên trán ông. “Ông vẫn làm bác sĩ quân y đấy chứ?” Và sau một quãng im lặng: “Nói xem nào, ông vẫn làm ở ke Louis-Blériot đấy chứ? Trừ khi ông vẫn giữ phòng khám trên phố Moscou... Và cái lần ở Fresnes hồi lâu rồi ấy, tôi hy vọng nó không để lại

những hậu quả nặng nề...” Thiếu điều thì tôi đã phá lên cười, một mình, trong góc của tôi. Người ta không già đi. Với những năm tháng trôi qua, nhiều người và nhiều thứ trở nên hài hước và nực cười đến mức bạn ném vào họ và vào chúng một cái nhìn trẻ con.

Cái lần đầu tiên ấy, tôi nán lại lâu ở quán Le Condé để đợi. Cô ta không tới. Phải kiên nhẫn thôi. Hẳn sẽ là một ngày khác. Tôi quan sát khách khứa. Phần lớn chưa quá tuổi hai mươi lăm và một tiểu thuyết gia thế kỷ XIX hẳn sẽ dùng cụm từ “bohème sinh viên” nếu muốn miêu tả họ. Nhưng rất ít người trong số họ, theo tôi, ghi tên theo học ở Sorbonne hay Trường Mỏ. Tôi phải thú nhận rằng quan sát từ thật gần như thế này tôi cảm thấy lo lắng cho tương lai của họ.

Hai người đàn ông bước vào, cách nhau một quãng rất ngắn. Adamov và cái tay tóc nâu có lối bước đi uyển chuyển từng in vài quyển sách, ký tên Maurice Raphaël. Tôi có biết mặt Adamov. Xưa kia, gần như ngày nào ông cũng ở quán Old Navy và người ta không sao quên nổi ánh nhìn của ông. Tôi tin mình từng giúp ông một việc nhằm hợp thức hóa tình trạng của ông, thời tôi vẫn còn vài liên hệ với bên an ninh. Về phần mình, Maurice Raphaël cũng là một khách quen của các quán trong khu. Người ta bảo anh ta gặp nhiều rắc rối đạo sau chiến tranh dưới một cái tên khác. Thời ấy, tôi làm việc cho Blémant. Cả hai người bọn họ đến chổng cùi chỏ lên mặt quầy. Maurice Raphaël đứng, rất thẳng, còn Adamov thì đu người ngồi lên một cái ghế cao, mặt nhăn nhúm vẻ đau đớn. Ông không để ý tôi có ở đó. Và lại, liệu khôn mặt tôi có gọi lên một điều gì đó cho ông hay không? Ba thanh niên, trong đó có một cô gái tóc vàng mặc một cái áo gió đã bạc phéch và quàng khăn, đến chỗ họ bên quầy. Maurice Raphaël chìa cho họ một bao thuốc lá và nhìn họ với một nụ cười thích thú. Adamov thì tỏ ra ít thân thiết hơn. Căn cứ vào cái nhìn căng thẳng của ông thì có thể nói rằng ông có phần khiếp sợ trước họ.

Tôi có hai bức ảnh chụp bằng máy tự động cái cô nàng Jacqueline Delanque ấy ở trong túi áo... Thời tôi còn làm việc cho Blémant, ông ta vẫn luôn luôn kinh ngạc trước việc tôi dễ dàng nhận ra bất kỳ ai. Tôi chỉ cần gặp thoáng qua một lần duy nhất khuôn mặt nào đó là nó in khắc trong ký ức tôi, và Blémant cứ trêu tôi suốt về cái tài nhận ra ngay tắp lự một ai đó từ xa, cho dù chỉ nhìn nghiêng một góc ba phần tư hoặc thậm chí là nhìn từ sau lưng. Vậy nên tôi không thấy có chút lo lắng nào. Khi cô ta bước chân vào quán Le Condé, tôi sẽ biết ngay rằng đó là cô ta.

Bác sĩ Vala quay đầu về hướng quây, và ánh mắt chúng tôi giao nhau. Bàn tay ông phác một cử chỉ thân ái. Đột nhiên tôi những muốn đi tới bàn ông mà nói với ông rằng tôi có một câu hỏi rất riêng tư muốn đặt cho ông. Tôi sẽ kéo ông ra xa rồi chìa cho ông xem hai bức ảnh chụp bằng máy tự động: “Anh có biết cô ca không?” Thực sự, với tôi sẽ là rất hữu ích nếu biết được thêm một chút về cô gái này nhờ vào một trong những người khách của quán Le Condé.

Ngay khi biết được địa chỉ khách sạn của cô ta, tôi liền đến tận nơi. Tôi chọn quãng thời gian trống trải của buổi chiều. Sẽ có nhiều cơ may cô ta không có ở đó hơn. Ít nhất thì tôi hy vọng là vậy. Nhờ thế tôi sẽ có thể đặt vài câu hỏi về cô ta ở chỗ tiếp tân. Đó là một ngày thu đầy nắng và tôi quyết định đi bộ. Tôi xuất phát từ phía các ke sông và chậm rãi tiến sâu vào vùng đất liền. Phố Cherche-Midi, mặt trời chiếu vào mắt tôi. Tôi bước vào quán Le Chien qui fume, gọi một ly cognac. Tôi lo lắng. Tôi nhìn đại lộ Maine đằng sau ô kính. Tôi sẽ phải đi trên vỉa hè bên trái để đến được đích. Không có lý do nào để phải lo lắng. Càng đi trên đại lộ, tôi càng trở nên bình tĩnh hơn. Tôi gần như chắc chắn rằng cô ta không có ở đó, và lại lần này tôi cũng sẽ không vào trong khách sạn để đặt các câu hỏi. Tôi sẽ lượn lờ xung quanh, như khi người ta muốn định vị một cái gì đó. Tôi còn đầy thời gian. Tôi đã được trả tiền để làm vậy.

Tới phố Cels, tôi quyết định phải làm sao biết cho thật rõ. Đó là một phố yên tĩnh và xám xịt, gọi lên trong tâm trí tôi không phải một ngôi làng hay một khu ngoại ô, mà là những vùng bí ẩn mà người ta gọi là “vùng sâu vùng xa”. Tôi tiến thẳng về phía bàn tiếp tân khách sạn. Không có ai. Tôi đợi chừng mười phút, nuôi hy vọng cô ta không xuất hiện. Một cánh cửa mở ra, một phụ nữ tóc nâu cắt ngắn, vận đồ đen, đi đến bàn tiếp tân. Tôi cất giọng cố sao thật dễ chịu:

“Tôi muốn hỏi về Jacqueline Delanque.”

Tôi nghĩ ở đây cô ta đăng ký phòng bằng tên hồi con gái.

Bà ta mỉm cười với tôi và nhắc cái phong bì từ một ngăn để đồ đằng sau lưng.

“Ông là ông Roland phải không?”

Tay ấy là ai? Tôi mơ hồ gạt đầu phứa. Bà ta chìa cho tôi cái phong bì ở trên ghi dòng chữ bằng mực xanh: *Gửi Roland*. Phong bì không dán. Trên

một tờ giấy rộng bản, tôi đọc được:

Rolandy, đến tìm em sau 5 giờ ở chỗ quán Le Condé nhé. Nếu không thì gọi điện cho em ở số AUTEUIL 15-28 và để lại tin nhắn.

Ký tên Louki. Có phải tên gọi tắt của Jacqueline không?

Tôi gập tờ giấy lại, nhét vào phong bì rồi trả cho người phụ nữ tóc nâu.

“Xin lỗi... Nhầm mất rồi... Không phải gửi cho tôi đâu.”

Bà ta không hề thảng thốt, chỉ để lại bức thư vào trong ngăn bằng một động tác máy móc.

“Jacqueline Delanque ở đây lâu chưa?”

Bà ta ngần ngừ một lúc rồi trả lời bằng giọng êm ái:

“Từ khoảng một tháng nay.”

“Một mình à?”

“Vâng.”

Tôi cảm thấy bà ta thờ ơ và sẵn sàng trả lời mọi câu hỏi của tôi. Cái nhìn của bà ta lên tôi trông vô cùng mệt mỏi.

“Xin cảm ơn bà”, tôi nói với bà ta.

“Không có gì.”

Tôi không muốn nán lại lâu hơn. Cái tay Roland kia có thể đến bất cứ lúc nào. Tôi quay ra đại lộ Maine và đi ngược lại hướng lúc này. Ở quán Le Chien qui fume tôi lại gọi một ly cognac. Trong danh bạ, tôi tìm địa chỉ quán Le Condé. Nó nằm ở khu Odéon. Mới bốn giờ, tôi còn chút thời gian trước mặt. Vậy nên, tôi gọi điện tới số AUTEUIL 15-28. Một giọng khô khốc khiến tôi nghĩ đến cái đồng hồ biết nói: “Đây là xưởng ô tô La Fontaine... Tôi có thể giúp gì cho quý khách?” Tôi hỏi Jacqueline Delanque. “Cô ấy đi vắng một lúc... Có nhắn lại gì không?” Tôi đã chực bỏ máy, nhưng rồi cố trả lời: “Không, không nhắn gì cả. Cảm ơn.”

Muốn hiểu người khác hơn thì trước hết cần phải xác định càng chính xác càng tốt các lộ trình của họ. Tôi nhỏ giọng tự nhắc đi nhắc lại: “Khách sạn phố Cels. Xưởng sửa chữa ô tô La Fontaine. Quán cà phê Le Condé. Louki”. Và rồi, cái phần của Neuilly nằm giữa rừng Boulogne và sông Seine, nơi cái tay kia đã hẹn gặp tôi để nói chuyện về người vợ của hắn, cái cô Jacqueline Choureau, nữ danh Delanque.

Tôi đã quên ai khuyên hẳn liên hệ với tôi. Có quan trọng gì đâu. Hẳn là hẳn đã tìm được địa chỉ của tôi trong danh bạ. Tôi lên tàu điện ngầm sớm hơn hẳn so với giờ hẹn. Không phải đổi tàu. Tôi xuống bến Sablons và đi bộ gần nửa tiếng quanh đó. Tôi vẫn giữ thói quen trinh sát địa điểm trước chứ không ngay lập tức xông tới tiếp cận đối tượng. Xưa kia, Blémant hay trách tôi vì điều đó và nêu nhận xét là tôi làm mất nhiều thời gian. Hãy nhảy xuống nước, ông ta bảo tôi, thay vì cứ lượn vòng vòng trên bờ bể bơi. Còn tôi thì nghĩ ngược hẳn lại. Không được có cử chỉ quá đột ngột, mà phải thụ động và chậm rãi, thì dần dần bạn mới để cho tinh thần nơi chốn thấm vào trong người mình được.

Trong không khí, bông bành mùi vị mùa thu và nông thôn. Tôi đi theo đại lộ chạy dọc Jardin d'Acclimatation, nhưng là ở mé bên trái, mé có rừng và lối cưỡi ngựa, và tôi những muốn đây chỉ đơn thuần là một cuộc đi dạo.

Cái cay Jean-Pierre Choureau đã gọi điện thoại cho tôi để hẹn gặp bằng một giọng đều đều không ngữ điệu. Hẳn chỉ để cho tôi hiểu rằng chuyện là về vợ hẳn. Trên đường đi về phía nhà hẳn, tôi thấy hẳn cũng đang đi bộ giống như tôi trên lối cưỡi ngựa, ngang qua khu vui chơi của Jardin d'Acclimatation. Hẳn bao tuổi? Âm sắc giọng nói của hẳn tôi thấy thật trẻ trung, nhưng giọng nói vẫn hay lừa mị người ta.

Hẳn đang lôi kéo tôi vào tấn thảm kịch hay địa ngục hôn nhân nào đây? Tôi thấy nổi nản lòng dâng lên, và không còn thật chắc chắn là mình muốn đến chỗ hẹn nữa. Tôi đi xuyên qua Rừng về hướng đầm Saint-James và cái hồ nhỏ nơi tụ tập những người ưa trượt pa tanh vào mùa đông. Tôi là người dạo chơi duy nhất và có cảm giác mình đang ở rất xa Paris, đâu đó trong vùng Sologne. Thêm một lần, tôi lại vượt qua được nổi nản lòng. Một sự tò mò mơ hồ mang tính chất nghề nghiệp làm tôi bỏ dở cuộc dạo chơi ngang rừng quay trở về ven rìa khu Neuilly. Vùng Sologne. Neuilly. Tôi hình dung những buổi chiều mưa đàng đẵng mà cặp vợ chồng Choureau ấy từng có ở Neuilly. Và ở đó tại Sologne, ta nghe tiếng tù và đi săn, vào lúc hoàng hôn. Vợ hẳn có cưỡi ngựa như nữ chiến binh Amazon hay không? Tôi phá lên cười lúc nhớ tới lời nhận xét của Blémant: “Anh ấy mà, Caisley, anh dẫn tới quá nhanh. Lẽ ra anh phải đi viết tiểu thuyết thì mới phải”.

Hẳn sống ở cuối đường, cửa ô Madrid, một tòa nhà hiện đại với cửa vào to lớn gắn kính. Hẳn đã bảo tôi đi đến hết sảnh, về bên tay trái. Tôi sẽ thấy

tên hấn trên cửa. “Đó là một căn hộ nằm ở tầng trệt.” Tôi đã thấy rất ngạc nhiên trước nỗi buồn bã lúc hấn nói ra từ “tầng trệt”. Sau đó là một quãng dài im lặng, như thể hấn thấy tiếc vì đã thú nhận như vậy.

“Còn địa chỉ chính xác thì sao?” tôi hỏi hấn.

“Số 11 đại lộ Bretteville. Ông ghi được chưa? Số 11... Bốn giờ có được không?”

Giọng hấn đanh lại, gần như có âm điệu kiêu kỳ.

Một tấm biển nhỏ mạ vàng gắn trên cửa: Jean-Pierre Choureau, bên dưới có một con mắt thần. Tôi bấm chuông. Tôi đợi. Ở đó, trong cái sảnh hoang vắng và im lìm ấy, tôi tự nhủ mình đã tới quá muộn. Hấn đã tự sát. Tôi thấy xấu hổ vì trong óc đã nảy ra một ý nghĩ như thế và, lại lần nữa, thấy muốn để mặc mọi chuyện, rời khỏi cái sảnh này, tiếp tục cuộc đi dạo giữa thoáng đặng, ở vùng Sologne... Tôi lại bấm chuông, lần này là ba tiếng ngắn. Cửa mở ngay ra, như thể hấn đã đứng rình sẵn ở đằng sau mà quan sát tôi qua mắt thần.

Mộc tay tóc nâu trạc tứ tuần, tóc cắt ngắn, cao hơn mức trung bình rất nhiều. Hấn vận một bộ com lê màu xanh lính thủy và một chiếc sơ mi xanh da trời phanh cổ. Không nói một lời, hấn dẫn tôi về phía cái người ta có thể gọi là phòng khách. Hấn chỉ cho tôi một cái trường kỷ, đằng sau một bàn thấp, và chúng tôi ngồi xuống đó, cạnh nhau. Mãi mà hấn vẫn chưa mở lời được. Để làm hấn thoải mái, tôi dùng giọng êm ái hết mức có thể: “Nào, chuyện là về vợ anh có phải không?”

Hấn cố lấy giọng thật ơ hờ. Hấn nở một nụ cười chưa rạng đã tắt ngấm. Phải, vợ hấn đã biến mất từ hai tháng nay sau một trận cãi cọ vợ vẫn. Tôi có phải người đầu tiên hấn nói chuyện kể từ khi vợ hấn biến mất không? Chớp sáng của một ô kính được hạ xuống từ trước, và tôi tự hỏi có phải gã đàn ông này tự nhốt kín mình trong căn hộ của hấn suốt hai tháng nay. Nhưng ngoài chớp cửa, không có dấu vết lộn xộn hay bừa bãi nào trong phòng khách. Bản thân hấn, sau một lúc lơ lửng, đã lấy lại được chút tự tin.

“Tôi mong tình hình được làm sáng tỏ thật nhanh chóng”, rốt cuộc hấn bảo tôi.

Tôi nhìn hấn từ khoảng cách gần hơn. Cặp mắt rất sáng dưới hàng lông mày đen, đôi lông quày nhô cao, nhìn nghiêng trông rất cân đối. Và dáng vóc cũng như các cử chỉ chứa đựng một sự mạnh mẽ kiêu thể thao được nhấn mạnh thêm bởi mái tóc ngắn. Người ta có thể dễ dàng hình dung ra hấn

trên thuyền buồm, mình trần, đơn độc lèo lái con thuyền. Thế nhưng mặc cho ngàn ấy vẻ mạnh mẽ và quyến rũ bên ngoài, vợ hắn đã rời bỏ hắn.

Tôi muốn biết trong suốt quãng thời gian đó hắn đã có những toan tính gì để tìm lại cô ta. Chưa có gì. Cô ta đã gọi điện thoại cho hắn ba hay bốn lần, khẳng định sẽ không quay trở về nữa. Cô ta nhiệt thành khuyên hắn đừng tìm cách nối lại liên lạc với cô ta và không cho hắn lời giải thích nào. Cô ta đã đổi giọng. Đó không còn là con người cũ nữa. Một giọng nói rất bình thản, rất tự tin khiến hắn vô cùng bối rối. Hắn và vợ cách nhau chừng mười lăm tuổi. Cô ta hai mươi hai còn hắn ba mươi sáu. Trong lúc hắn cung cấp cho tôi những chi tiết ấy, tôi cảm nhận được ở hắn sự dè chừng, thậm chí vẻ lạnh lẽo, hắn là thành quả của cái mà người ta gọi là học vấn cao. Giờ đây, tôi phải đặt cho hắn các câu hỏi mỗi lúc một cụ thể hơn nhưng tôi chẳng biết liệu làm vậy có đáng hay không. Chính xác thì hắn muốn gì? Muốn vợ hắn trở về ư? Hay hắn chỉ cố công tìm hiểu tại sao cô ta bỏ hắn? Có thể chỉ cần vậy thôi là hắn đã thấy đủ rồi? Ngoài ghế trường kỷ và cái bàn thấp, trong phòng khách không có đồ đạc gì khác. Những ô cửa kính nhìn ra đại lộ, hiếm hoi lắm mới có một chiếc ô tô chạy qua, thành thử tuy ở tầng trệt nhưng căn hộ không hề gây cảm giác bực bội. Bóng tôi buông. Hắn bật cái đèn ba chân và chụp màu đỏ đặt cạnh trường kỷ, bên tay phải tôi. Ánh sáng làm tôi nhú mắt, một ánh sáng trắng khiến sự im lặng còn trở nên sâu thẳm hơn. Tôi nghĩ hắn đang chờ các câu hỏi của tôi. Hắn vắt tréo hai chân. Để câu chút thời gian, tôi rút từ túi trong cái áo vest quyền sở gáy xoắn và chiếc bút bi rồi ghi vào vài chi tiết. “Anh ta, 36 tuổi. Cô ta, 22. Neuilly. Căn hộ tầng trệt. Không đồ đạc. Các ô kính trông ra đại lộ Bretteville. Vắng vẻ. Vài quyển tạp chí trên cái bàn thấp.” Hắn chờ đợi, không nói năng gì như thể tôi là một bác sĩ đang ghi đơn thuốc.

“Nhũ danh của vợ anh?”

“Delanque. Jacqueline Delanque.”

Tôi hỏi ngày sinh và nơi sinh của cái cô Jacqueline Delanque đó. Cả ngày cưới của họ nữa. Cô ta có bằng lái xe không? Một công việc thường xuyên? Không. Cô ta còn gia đình không? Ở Paris? Dưới tỉnh? Một quyển sổ séc? Hắn trả lời tôi bằng một cái giọng buồn bã, còn tôi ghi lại tất cả những chi tiết thường xuyên chỉ có vậy để chứng nhận rằng một con người từng ghé qua trái đất. Với điều kiện một ngày nào đó người ta tìm thấy quyển sổ gáy xoắn nơi ai đó đã ghi lại những chi tiết ấy bằng một chữ viết nhỏ li ti khó đọc như chữ viết của tôi đây.

Giờ, tôi phải chuyển qua những câu hỏi tế nhị hơn, những câu khiến bạn bước vào đời tư sâu kín của một con người mà không hề xin phép anh ta. Quyền gì nào?

“Hai người có bạn không?”

Có, vài người mà hẳn gặp khá thường xuyên. Hẳn đã quen biết họ tại một trường thương mại. Lại còn một số là bạn cùng lớp từ mãi hồi trung học Jean-Baptiste Say.

Thậm chí hẳn còn từng thử lập một công ty cùng ba người trong số đó trước khi vào làm việc cho hãng bất động sản Zannetacci với tư cách liên danh-quản lý.

“Anh vẫn làm việc ở đó chứ?”

“Vâng. Ở số 20, phố Paix.”

Hẳn đi làm bằng phương tiện giao thông gì? Mỗi chi tiết, cho dù là nhỏ nhất nhất ở vẻ bề ngoài, đều nói lên nhiều điều. Bằng ô tô. Thỉnh thoảng hẳn đi công các cho Zannetacci. Lyon. Bordeaux. Côte d’Azur. Genève. Còn Jacqueline Choureau, nhũ danh Delanque, ở một mình tại Neuilly? Vài lần hẳn dẫn cô ta theo, những dịp đi công tác ấy, tới Côte d’Azur. Và khi ở một mình, các thú vui của cô ta là gì? Thực sự là không có ai có thể cung cấp cho hẳn thông tin liên quan đến sự biến mất của Jacqueline, bà Choureau, nhũ danh Delanque, cho hẳn một chỉ dẫn nhỏ nhất nhất? “Tôi cũng không biết nữa, một lời tâm sự mà cô ấy nói ra vào một ngày chán chường...” Không. Hẳn cô ta chẳng bao giờ tâm sự với một ai hết. Thường thì cô ta trách hẳn về sự thiếu độc đáo ở bạn bè hẳn. Cũng cần phải nói rằng cô ta kém tất cả bọn họ đến mười lăm tuổi.

Giờ thì tôi chuyển tới một câu hỏi đã làm tôi nghẹn thở từ trước, nhưng vẫn buộc phải đặt ra cho hẳn:

“Anh có nghĩ cô ấy có tình nhân không?”

Âm điệu giọng nói của tôi dường như hơi tàn nhẫn và hơi ngu ngốc. Nhưng chuyện là vậy đấy. Hẳn nhúu mày.

“Không.”

Hẳn do dự, hẳn nhìn chăm chăm thẳng vào mắt tôi như thể đang chờ đợi một sự khuyến khích từ phía tôi hoặc giả hẳn đang lựa lời. Một tối, một người bạn cũ của hẳn ở trường thương mại đã đến đây ăn tối, dẫn theo một kẻ tên là Guy de Vere, nhiều tuổi hơn họ. Tay Guy de Vere này rất chuyên

chú vào các món khoa học thần bí và đề nghị mang tới cho họ vài tác phẩm về chủ đề này. Vợ hắn đã dự nhiều cuộc họp và thậm chí đến nghe các bài giảng mà tay Guy de Vere này đều đặn thực hiện. Hắn đã không thể đi cùng cô ta bởi ở văn phòng Zannetacci có thêm việc phải làm. Vợ hắn biểu lộ mối quan tâm đối với những cuộc họp và bài giảng này và thường xuyên nói với hắn về chúng, mà hắn không hiểu rõ lắm đó là gì. Trong số những cuốn sách mà Guy de Vere khuyên cô ta đọc, cô ta đã mượn một cuốn, cuốn mà cô ta nghĩ là dễ đọc hơn cả. Nó có tên *Những chân trời đã mất*. Hắn có liên lạc với Guy de Vere sau khi vợ hắn biến mất không? Có, hắn đã gọi điện thoại cho ông ta nhiều lần, nhưng ông ta không biết gì cả. “Anh có chắc chắn về điều đó không?” Hắn nhún vai, chăm chăm nhìn tôi vẻ mệt mỏi. Tay Guy de Vere này rất khó nắm bắt và hắn đã hiểu ra rằng mình sẽ không có được thông tin nào từ ông ta. Tên chính xác và địa chỉ của gã đó? Hắn không biết địa chỉ. Không có trong danh bạ.

Tôi tìm những câu hỏi khác để đặt cho hắn. Một quầng im lặng xuất hiện, giữa chúng tôi, nhưng có vẻ không làm hắn cảm thấy khó chịu. Ngồi cạnh nhau trên cái trường kỷ, chúng tôi như đang ở trong phòng chờ của một nha sĩ hoặc một bác sĩ. Những bức tường màu trắng và trông trơn. Một bức tranh chân dung phụ nữ treo phía trên cái trường kỷ. Thiếu điều thì tôi đã vớ lấy một tờ tạp chí đặt trên cái bàn thấp. Một cảm giác trống rỗng xâm chiếm tôi. Tôi phải nói rằng kể từ khoảnh khắc ấy tôi cảm nhận được sự vắng mặt của Jacqueline Choureau nữ danh Delanque rõ đến nỗi tôi thấy nó là chung quyết rồi. Nhưng không được phép bi quan ngay từ lúc khởi đầu. Và rồi, cái phòng khách này chẳng biết có tạo cùng cảm giác trống rỗng như thế khi người phụ nữ ấy hiện diện hay không? Họ ăn tối ở đây? Thế thì, hắn là phải ăn trên một cái bàn chơi bài bridge, xong rồi thì gập lại và cất đi. Tôi muốn biết có phải là cô ta dùng dùng bỏ đi, để lại vài thứ đồ đạc. Không. Cô ta đã mang theo quần áo và vài quyển sách mà Guy de Vere cho cô ta mượn, tất tạt đựng trong một cái va li da màu đỏ sẫm. Ở nơi đây không còn lại dấu vết nào của cô ta hết. Ngay cả những bức ảnh có cô ta - những bức ảnh chụp lúc đi nghỉ hiếm hoi - cũng đã biến mất. Tôi đến, một mình trong căn hộ, hắn tự hỏi mình có từng bao giờ cưới cái cô Jacqueline Delanque đó hay không. Bằng chứng duy nhất cho thấy toàn bộ chuyện ấy không phải một giấc mơ là quyển sổ hộ tịch [11] mà người ta trao cho họ sau đám cưới. Sổ hộ tịch. Hắn nhắc đi nhắc lại mấy từ đó, như thể không còn hiểu nổi nghĩa của chúng nữa.

[11] Đây là một đối tượng được Patrick Modiano đặc biệt quan tâm, trở thành đề tài cho một tác phẩm của ông.

Đi xem các phòng khác của căn hộ chẳng giúp ích gì cho tôi. Những căn phòng trống. Những tủ tường trống. Và sự im lặng, chỉ thoáng chốc bị khuấy động bởi một chiếc ô tô chạy ngang qua trên đại lộ Bretteville. Hẳn các buổi tối phải dài lắm.

“Cô ấy có mang theo chìa khóa nhà không?”

Hắn lắc đầu tỏ ý là không. Thậm chí không cả niềm hy vọng một đêm nào đó nghe thấy tiếng chìa khóa quay trong ổ thông báo cô ta trở về. Và rồi hẳn nghĩ cô ta sẽ không bao giờ gọi điện thoại nữa.

“Anh quen cô ấy như thế nào?”

Cô ta từng được tuyển vào Zannetacci để thế chỗ một nhân viên. Công việc thư ký tạm thời. Hắn đọc cho cô ta chép vài bức thư gửi khách hàng và nhờ vậy mà họ quen nhau. Họ gặp nhau bên ngoài văn phòng. Cô ta bảo mình là sinh viên ở trường Ngôn ngữ phương Đông, mỗi tuần cô ta theo hai của ở đó, nhưng hắn chưa bao giờ biết chính xác cô ta học thứ ngôn ngữ nào. Các thứ tiếng châu Á, cô ta nói. Và, sau hai tháng, họ cưới nhau một sáng thứ Bảy ở tòa thị chính Neuilly, nhân chứng là hai đồng nghiệp tại văn phòng Zannetacci. Không có ai khác dự vào cái với hắn chỉ thuần túy là một việc cho đúng thủ tục. Họ đi ăn trưa cùng các nhân chứng ngay gần nhà hắn, ở rìa rừng Boulogne, tại một quán ăn hay lai vãng khách của các khu vui chơi lân cận.

Hắn nhìn tôi vẻ phiến muộn. Có vẻ như là hắn muốn cung cấp cho tôi những lời giải thích cặn kẽ hơn về cuộc hôn nhân này. Tôi mỉm cười với hắn. Tôi không cần những lời giải thích. Hắn vận sức để cố gắng và, như thể quyết định liều một cú:

“Chúng tôi đang cố tạo ra những mối liên hệ, anh cũng hiểu rồi đấy...”

À vâng, tôi hiểu chứ. Trong cái cuộc đời đôi khi với ta thật giống một vùng đất rộng lớn hoang vu không biển chỉ đường này, ở giữa tất tạt những đường hội tụ ảo và những chân trời đã mất, ta những muốn tìm các điểm mốc, dựng ra một dạng sơ đồ để không còn cảm giác mình phải lèo lái vô hướng nữa. Thế nên, ta dệt những kết nối, ta cố biến những gặp gỡ chẳng may trở nên vững chắc hơn. Tôi nín lặng, nhìn chăm chăm vào chồng tạp chí. Giữa cái bàn thấp là một gạt tàn màu vàng mang dòng chữ: Cinzano. Và một cuốn sách bìa cứng nhan đề: *Tạm biệt Focolara*. Zannetacci Jean-Pierre Choureau. Cinzano. Jacqueline Delanque. Tòa thị chính Neuilly. Focolara. Phải tìm cho ra tất cả những thứ đó muốn nói gì...

“Và rồi đó là một người rất quyền rũ... Tôi đã có tình yêu sét đánh với cô ấy...”

Vừa nhỏ giọng thốt ra lời tâm sự ấy hắn đã như thể nuốt tiếc. Trong những ngày ngay trước khi cô ta biến mất, hắn có cảm thấy điều gì đặc biệt ở cô ta không? À có đấy, càng lúc cô ta càng hay trách cứ hắn về cuộc sống thường nhật của họ. Đây không phải, cô ta bảo, cuộc sống thực. Và khi hắn hỏi cô ta chính xác thì CUỘC SỐNG THỰC là gì, cô ta chỉ nhún vai không đáp, cứ như thể cô ta biết hắn sẽ chẳng hiểu gì ở những lời giải thích của mình. Thế rồi cô ta tìm lại được nụ cười và vẻ yêu kiều và cô ta gần như xin lỗi vì tâm trạng Tôi tệ đã có. Cô ta lấy dáng vẻ nhẫn nhục mà nói với hắn rằng xét cho cùng toàn bộ chuyện này đâu có gì nghiêm trọng. Một ngày nào đó, có lẽ, hắn sẽ hiểu CUỘC SỐNG THỰC nghĩa là gì.

“Anh thực sự không có bức ảnh nào của cô ấy à?”

Một chiều, họ đi dạo bên bờ sông Seine. Hắn tính lấy tàu điện ngầm ở bến Châtelet để tới chỗ làm. Trên đại lộ Palais, họ đi qua trước phòng chụp ảnh tự động nhỏ. Cô ta cần ảnh cho một quyển hộ chiếu mới. Hắn đợi cô ta trên vỉa hè. Lúc đi ra, cô ta đưa cho hắn cầm những bức ảnh, bảo cô ta sợ sẽ đánh mất chúng. Tới văn phòng, hắn cho những bức ảnh này vào trong một cái phong bì rồi quên mang về Neuilly. Sau khi vợ hắn biến mất, hắn nhận ra cái phong bì vẫn ở nguyên chỗ đó, trên mặt bàn làm việc của hắn, giữa các thứ tài liệu hành chính khác.

“Anh đợi tôi một lúc được không?”

Hắn để tôi lại một mình trên trường kỷ. Trời đã tối hẳn. Tôi nhìn đồng hồ đeo tay và thấy ngạc nhiên vì mấy cái kim mới chỉ sáu giờ kém mười lăm phút. Tôi có cảm giác đã ở đây lâu hơn thế nhiều.

Hai bức ảnh để trong một cái phong bì màu xám có dòng chữ in bên tay trái: “Hãng bắt động sản Zannetacci (Pháp), 20 phố Paix, Paris quận I”. Một bức ảnh chụp thẳng, nhưng bức còn lại chụp nghiêng, đúng như xưa kia ở chỗ sở cảnh sát người ta vẫn yêu cầu người nước ngoài. Tuy nhiên, cái họ Delanque và cái tên Jacqueline của cô ta lại hoàn toàn Pháp. Hai bức ảnh ấy tôi dùng ngón tay cái và ngón tay trỏ cầm lên và im lặng ngắm nhìn. Mái tóc nâu, cặp mắt trong, và cái dáng nghiêng thuần khiết đến nỗi mang lại vẻ quyền rũ cho ngay cả những bức ảnh vì mục đích nhận dạng. Thế mà hai bức ảnh đó mang toàn bộ sự xám xịt và lạnh lẽo của những bức ảnh dùng để nhận dạng.

“Anh cho tôi mượn chúng một thời gian được không?” tôi hỏi hắn.

“Tất nhiên rồi.”

Tôi nhét cái phong bì vào túi áo vest.

Tiếp đến một khoảnh khắc không cần phải lắng nghe ai nữa. Hấn, Jean-Pierre Choureau, chính xác thì hấn biết gì về Jacqueline Delanque? Chẳng nhiều nhận. Họ mới sống chung được một năm tại cái tầng trệt khu Neuilly ấy. Họ từng ngồi cạnh nhau trên cái trường kỷ này, từng đối diện nhau ăn tối và đôi khi có thêm những người bạn cũ ở trường thương mại và trường trung học Jean-Baptiste Say. Như thế có đủ để đoán định mọi điều diễn ra trong đầu óc một ai đó? Cô ta có còn gặp người trong gia đình mình không? nỗ lực cuối cùng của tôi là để đặt cho hấn câu hỏi ấy. “Không. Gia đình cô ấy không còn ai.”

Tôi đứng dậy. Hấn lo lắng nhìn tôi. Hấn vẫn ngồi yên trên trường kỷ.

“Đến lúc tôi phải đi rồi,” tôi bảo hấn. “Muộn rồi.” Tôi mỉm cười với hấn, nhưng hấn có vẻ thực sự kinh ngạc vì tôi muốn rời bỏ hấn.

“Tôi sẽ sớm gọi điện cho anh thôi,” tôi bảo hấn. “Hy vọng sớm có tin tức cho anh.”

Đến lượt hấn cũng đứng dậy, với động tác của người mộng du cũng giống lúc vừa rời khi dẫn tôi vào phòng khách. Một câu hỏi sau chót chạy qua óc tôi:

“Cô ấy có mang theo tiền không?”

“Không.”

“Và khi cô ấy gọi điện cho anh, sau khi bỏ đi, cô ấy không hề nói xem mình sống như thế nào à?”

“Không.”

Hấn bước về phía cửa ra vào bằng bước đi cứng đờ. Hấn còn có thể trả lời các câu hỏi của tôi hay không? Tôi mở cửa. Hấn đứng đằng sau tôi, im lặng. Tôi không biết cơn chóng mặt nào, bực đặng cay nào xâm chiếm lấy mình, nhưng tôi đã nói với hấn bằng giọng gầy hấn:

“Hấn anh từng hy vọng già đi cùng cô ấy?”

Có phải là để đánh thức hấn khỏi cơn đờ đẫn và thất lòng? Hấn trợn trừng hai mắt nhìn tôi e dè. Tôi đang đứng trong khung cửa. Tôi tiến lại gần và đặt tay lên vai hấn:

“Đừng ngại gọi điện thoại cho tôi. Giờ nào cũng được.”

Khuôn mặt hắn giãn ra. Hắn đủ sức nở nụ cười. Trước khi khép cửa lại, hắn giơ tay chào tạm biệt tôi. Tôi nán lại một lúc lâu trên thềm nhà, và cái đèn tự động tắt phụt đi. Tôi hình dung ra hắn ngồi một mình trên trường kỷ, đúng cái chỗ hắn đã ngồi lúc nãy. Bằng một cử chỉ máy móc, hắn cầm lấy một tờ trong chồng tạp chí xếp trên cái bàn thấp.

Bên ngoài, trời tối. Tôi không đưa được ý nghĩ của mình rời khỏi người đàn ông tại căn nhà tầng trệt của hắn, dưới ánh sáng tàn hại của ngọn đèn. Hắn có ăn gì đó trước khi đi ngủ không? Tôi tự hỏi chẳng biết ở đó có một cái bếp hay không nữa. Lẽ ra tôi nên mời hắn đi ăn tối. Có thể nếu thế, chẳng cần tôi phải đặt cho hắn câu hỏi nào, hắn cũng sẽ thốt ra một lời, một sự thú nhận hắn giúp được tôi tìm ra Jacqueline Delanque mau chóng hơn. Blémant vẫn nhắc đi nhắc lại với tôi rằng rồi sẽ tới lúc mỗi con người, ngay kẻ răn nhất, “phun ra điều đó”: đó là câu nói quen thuộc của ông. Việc của chúng ta là đợi khoảnh khắc ấy với một sự kiên nhẫn tuyệt cùng, dĩ nhiên phải đồng thời tìm cách kích nó bật ra, nhưng bằng cách gằn như khó nhận thấy, Blémant bảo: “bằng những cú chích kim thật tinh tế”. Kẻ đó phải có cảm giác mình đang ở trước mặt một linh mục nghe xưng tội. Khó lắm. Nghề nghiệp là như thế. Tôi đi đến cửa ô Maillot và muốn đi bộ thêm một lúc nữa trong bầu không khí âm áp của buổi tối. Thật không may, đôi giày mới làm cổ chân tôi đau rất dữ. Vậy nên, trên đại lộ, tôi bước vào quán cà phê đầu tiên và chọn một trong những cái bàn gằn ô cửa kính. Tôi cởi dây và tháo giày bên chân trái, cái chân bị đau hơn. Khi cậu phục vụ bàn tới, tôi không kháng cự lại cái khoảnh khắc ngắn ngủi của lãng quên và êm ái mà một cốc Izarra xanh hắn sẽ mang lại.

Tôi rút cái phong bì từ trong túi ra và nhìn thật lâu hai bức ảnh chụp tự động. Giờ đây cô ta đang ở đâu? Trong một quán cà phê, giống như tôi, ngồi một mình bên bàn? Hắn cái câu ban nãy hắn thốt ra đã khiến tôi có ý nghĩ đó: “Chúng tôi đang cố tạo ra những mối liên hệ...” Những cuộc gặp trên phố, tại một bến tàu điện ngầm vào giờ cao điểm. Khoảnh khắc ấy lẽ ra người ta phải dùng còng tay tự buộc mình vào với nhau. Mối liên hệ nào kháng cự nổi đợt sóng người cuốn ta đi, làm ta trôi dạt? Một văn phòng vô danh nơi người ta đọc cho một thư ký đánh máy tạm thời chép một bức thư, một căn nhà tầng trệt ở Neuilly với những bức tường màu trắng trông trơn gọi lên cái mà người ta gọi là “một căn hộ chứng nhân” và là nơi người ta sẽ không để lại chút dấu vết nào của sự lướt qua... Hai bức ảnh chụp tự động, một chụp thẳng, một chụp nghiêng... Tạo ra những kết nối với mấy thứ đó ư?

Có một người có thể giúp tôi trong cuộc tìm kiếm này: Bernolle. Tôi đã không gặp lại gã kể từ thời Blémant, trừ một buổi chiều cách đây ba năm. Tôi đang bước ngang sân trước nhà thờ Đức Bà để đi ra bến tàu điện ngầm. Một gã trông như cầu bơ cầu bắt bước ra từ Hôtel-Dieu, ngang qua tôi. Gã mặc một cái áo gió hai bên ống tay rách tướp, một cái quần ngắn trên mắt cá, chân trần nhét trong đôi xăng đan cũ. Gã để râu ria lởm chớm và có mái tóc đen quá dài. Thế nhưng tôi nhận ra gã ngay. Bernolle. Tôi đi theo gã với ý định nói chuyện với gã. Nhưng gã đi rất nhanh. Gã bước qua ngưỡng cánh cửa lớn của sở cảnh sát. Tôi do dự mất một lúc. Đã quá muộn để bắt kịp gã. Thế nên, tôi quyết định đợi gã, tại đó, trên vỉa hè. Dù có thể nào thì chúng tôi cũng từng trẻ trai cùng nhau.

Gã bước ra vắn từ cánh cửa đó trong chiếc măng tô màu xanh lính thủy, cái quần flanen và đôi giày màu đen buộc dây. Không còn là con người lúc trước nữa. Gã có vẻ khó chịu khi tôi lại gần. Gã đã cạo râu sạch sẽ. Chúng tôi bước đi dọc theo ke sông, không nói năng gì. Khi đã ngồi bên bàn trong quán Le Soleil d'Or cách đó một quãng, gã tâm sự với tôi. Người ta vẫn dùng gã cho các công việc cung cấp thông tin, ôi, chẳng nhiều nhận gì, một công việc chỉ điếm và rình rập trong đó gã vào vai những tay cầu bơ cầu bắt để nhìn và nghe rõ hơn những gì xảy ra xung quanh mình: quanh quần trước các tòa nhà, tại các khu chợ đồ cũ, ở Pigalle, quanh các nhà ga và thậm chí ở khu Latin. Gã nở nụ cười buồn bã. Gã sống tại một căn hộ độc phòng ở quận XVI. Gã cho tôi số điện thoại. Không lúc nào chúng tôi nhắc tới quá khứ. Gã đã đặt cái túi du lịch của mình lên băng ghế bên cạnh. Hẳn gã sẽ rất ngạc nhiên nếu tôi nói tôi biết nó đựng gì: một cái áo gió cũ, một cái quần quá ngắn, một đôi dép xăng đan.

Cùng buổi tối cái hôm trở về từ cuộc gặp ở Neuilly ấy, tôi gọi điện thoại cho gã. Kể từ khi chúng tôi gặp lại, tôi có thỉnh thoảng nhờ vả gã tìm các thông tin mà tôi cần. Tôi yêu cầu gã tìm cho một ít chi tiết cụ thể liên quan đến cô gái mang tên Jacqueline Delanque, vợ của Choureau. Tôi không có nhiều điều để nói cho gã về người này, ngoài ngày sinh và ngày cưới với một người tên là Choureau Jean-Pierre, 11 đại lộ Bretteville ở Neuilly, liên danh - quản lý ở hãng Zannetacci. Gã ghi lại. “Chỉ có thể thôi à?” Gã có vẻ thất vọng. “Chắc trong sổ khung cũng chẳng có gì đâu”, gã nói bằng giọng cao ngạo. Khung. Tôi thử hình dung phòng ngủ của vợ chồng Choureau tại Neuilly, cái căn phòng lẽ ra tôi đã phải nhìn qua cho tròn ý thức nghề nghiệp. Một căn phòng trống vắng mãi mãi, một cái giường chỉ còn lại

KHUNG [12].

[12] Ở đây tác giả chơi chữ: từ “sommier” được dùng theo cả hai nghĩa: khi Bernolle dùng từ này thì nó ám chỉ sổ sách của cảnh sát, còn trong suy nghĩ của nhân vật Caisley thì “sommier” mang nghĩa khác: bộ khung của cái giường (chưa có nệm); đoạn trên được găng gượng dịch như vậy nhằm giữ một chút ý vị của nguyên bản.

Những tuần sau đó, Choureau gọi điện cho tôi nhiều lần. Hắn luôn luôn nói bằng giọng vô hồn và luôn luôn vào lúc bảy giờ tối. Có lẽ vào giờ ấy, một mình tại tầng trệt của mình, hắn cần nói chuyện với một ai đó. Tôi bảo hắn hãy kiên nhẫn. Tôi có cảm giác hắn không còn tin vào điều đó nữa và dần dà chấp nhận rằng vợ hắn đã biến mất. Tôi nhận được một bức thư từ Bernolle:

Caisley thân mến,

Chưa tìm thấy gì trong sổ sách. Cả về Choureau lẫn Delanque.

Nhưng sự tình cờ hóa ra lại hữu dụng: một công việc thống kê giấy tờ nhằm chán mà người ta giao cho tôi tại sở cảnh sát quận IX và quận XVIII đã cho phép tôi tìm thấy giúp anh vài thông tin.

Hai lần liền, tôi bắt gặp “Delanque, Jacqueline, 15 tuổi”. Lần đầu tiên, trong giấy tờ của sở cảnh sát khu Saint-Georges cách đây bảy năm, lần thứ hai thì vài tháng sau đó, khu Grandes-Carrières. Lý do: Trẻ vị thành niên lang thang.

Tôi đã hỏi Leoni xem có gì liên quan đến các khách sạn không. Cách đây hai năm, Delanque Jacqueline đã ở khách sạn San Remo, 8 phố Armaillé (quận XVII) và khách sạn Métropole, 13 phố Étoile (quận XVII). Trong đóng giấy tờ của khu Saint-Georges và khu Grandes-Carrières thì có chi tiết cô ta trú ngụ ở nhà mẹ, 10 đại lộ Rachel (quận XVIII).

Hiện giờ cô ta ở khách sạn Savoie, 8 phố Cels, quận XIV. Mẹ cô ta mất đã bốn năm nay. Trên giấy khai sinh do tòa thị chính Fontaines-en-Sologne (Loir-et-Cher) cấp, mà tôi gửi cho anh bản sao ở đây, có ghi cô ta không có bố. Mẹ cô ta từng là nhân viên sắp đặt chỗ ngồi cho khách tại Moulin-Rouge và có một người bạn trai, một người tên Guy Lavigne gì đó, làm việc ở xưởng sửa chữa ô tô La Fontaine, 98 phố La Fontaine (quận XVI) từng giúp đỡ bà ta về mặt vật chất. Có vẻ như Jacqueline Delanque không làm một công việc thường xuyên nào.

Đây, Caisley thân mến ạ, là tất cả những gì tôi thu lượm được cho anh. Tôi hy vọng sắp tới sẽ được gặp anh, nhưng với điều kiện là không phải trong lúc tôi đang ăn vận cho công việc. Hẳn Blémant sẽ cười rất dữ về cái trò đóng giả làm kẻ cầu bơ cầu bắt này. Anh thì cười ít hơn một chút, tôi nghĩ thế. Còn tôi thì không cười tẹo nào.

Cố gắng lên nhé,

BERNOLLE

Tôi chỉ còn lại một việc là gọi điện thoại cho Jean-Pierre Choureau để nói với hắn rằng bí ẩn đã được làm sáng tỏ. Tôi cố nhớ xem chính xác là vào thời điểm nào mình đã quyết định không làm việc ấy. Tôi đã bấm những chữ số đầu số điện thoại của hắn nhưng rồi đột nhiên bỏ máy xuống. Tôi thấy lòng mình nặng trĩu trước viễn cảnh phải quay trở lại cái tầng trệt Neuilly đó vào cuối buổi chiều như lần trước, rồi cùng hắn chờ bóng tối buông, dưới ngọn đèn chụp đỏ. Tôi giở tấm bản đồ Taride vẽ Paris cũ kỹ mà tôi vẫn luôn luôn để trên bàn làm việc, trong tầm tay với. Vì giờ nó ra xem quá nhiều, tôi thường xuyên làm rách các mép và, lần nào cũng vậy, tôi lấy băng dính dán lên chỗ rách, như băng bó cho một người bị thương. Quán Le Condé. Neuilly. Khu Étoile. Đại lộ Rachel. Lần đầu tiên trong cuộc đời chuyên nghiệp của mình, tôi cảm thấy nhu cầu phản kháng trong khi tiến hành cuộc điều tra. Phải, tôi đi, theo chiều ngược lại, con đường mà Jacqueline Delanque đã theo. Jean-Pierre Choureau thì chẳng tính đến làm gì nữa. Hắn chỉ là một vai phụ và tôi thấy hắn đi xa mãi mãi, xách trên tay một cái cặp màu đen, về phía trụ sở hãng Zannetacci. Xét cho cùng, người duy nhất đáng quan tâm là Jacqueline Delanque. Từng có rất nhiều Jacqueline trong đời tôi... Hẳn cô ta sẽ là người cuối cùng. Tôi lấy tàu điện ngầm, tuyến Bắc-Nam, như người ta hay nói, tuyến nối đại lộ Rachel với quán Le Condé. Các ga cứ trôi qua, còn tôi lợi ngược thời gian. Tôi xuống ở Pigalle. Và tại đó, tôi bước đi trên dải đất giữa đại lộ bằng bước chân nhẹ nhõm. Một buổi chiều rải nắng thu, ta những muốn tạo lập các kế hoạch cho tương lai và cuộc đời như thể sẽ bắt đầu lại từ con số không. Dù thế nào đi nữa, chính ở vùng này cuộc đời cô ta đã bắt đầu, cuộc đời của cái cô Jacqueline Delanque ấy... Tôi thấy như thể mình đang có hẹn với cô ta. Đến quảng trường Blanche, tim tôi đập hơi mạnh một chút và tôi thấy cảm động và thậm chí e ngại. Lâu lắm rồi tôi không cảm thấy điều này. Tôi tiếp tục tiến lên trên dải đất bằng bước đi mỗi lúc một gấp gấp hơn. Tôi hoàn toàn có thể vừa nhắm mắt vừa bước đi trong cái khu phố thân thuộc này: Moulin-Rouge, Le Sanglier Bleu... Biết

đâu nhỉ? Tôi đã bắt gặp cái cô Jacqueline Delanque ấy cách đây rất lâu, trên vỉa hè bên tay phải khi cô ta đến gặp mẹ ở Moulin-Rouge, hoặc giả trên vỉa hè bên tay trái vào giờ tan lớp của trường trung học Jules-Ferry. Đây rồi, tôi đã tới nơi. Tôi đã quên mất rạp chiếu phim nằm ở góc đại lộ. Nó tên là Mexico và không phải tình cờ khi nó mang cái tên ấy. Cái tên khiến bạn cảm thấy ham muốn đi xa, lang bang hoặc trốn chạy... Tôi cũng đã quên mất sự im lặng và bình thản của đại lộ Rachel dẫn thẳng đến nghĩa trang, ta đâu nghĩ đến nó, tới nghĩa trang ta tự nhủ đi hết đây sẽ ra được vùng nông thôn, và thậm chí với một chút may mắn còn ra được một lối đi dạo bên bờ biển.

Tôi dừng chân trước nhà số 10 và, sau một lúc do dự, bước vào bên trong. Tôi những muốn gõ vào cánh cửa kính của phòng người gác cổng, nhưng rồi tự ngăn mình lại. Ích gì nào? Trên tấm biển nhỏ dán trên một ô vuông cánh cửa là các ký tự màu đen tên những người thuê nhà và tầng ở của mỗi người. Tôi rút từ túi trong áo vest ra quyển sổ và cái bút, rồi chép lại những cái tên:

Deyrlord (Christiane)

Dix (Gisèle)

Dupuy (Marthe)

Esnault (Yvette)

Gravier (Alice)

Manoury (Albine)

Mariska

Van Bosterhault (Huguette)

Zazani (Odette)

Cái tên Delanque (Geneviève) bị gạch đi và thay thế là Van Bosterhault (Huguette). Mẹ và con gái từng sống trên tầng sáu. Nhưng khi gặp quyển sổ lại tôi biết tất cả những chi tiết này sẽ chẳng giúp được gì cho mình hết cả.

Bên ngoài, ở tầng trệt của tòa nhà, một người đàn ông đang đứng trên ngưỡng một cửa hiệu bán vải mang biển La Licorne. Khi ngẩng đầu nhìn lên tầng sáu, tôi nghe thấy ông ta nói bằng giọng the thé:

“Ông tìm gì, thưa ông?”

Lẽ ra tôi phải đặt cho ông ta một câu hỏi về Geneviève và Jacqueline Delanque, nhưng tôi biết những gì ông ta hẳn sẽ đáp lại tôi, không gì khác ngoài những thứ rất vớ vẩn, những chi tiết nhỏ bé của “bề mặt”, như Blémant vẫn nói, mà không bao giờ đi đến tận tầng sâu mọi sự. Chỉ cần nghe cái giọng the thé và nhìn thấy cái mặt chồn cùng sự cứng rắn trong ánh mắt của ông ta: không, chẳng có gì để hy vọng ở ông ta hết, trừ các “thông tin” mà một chỉ điểm viên đơn thuần hẳn sẽ cung cấp. Hoặc giả, ông ta sẽ bảo với tôi rằng ông ta chẳng hề biết cả Geneviève lẫn Jacqueline Delanque. Một cơn điên giận lạnh lẽo xâm chiếm lấy tôi khi đứng trước cái tay có khuôn mặt chồn cáo này. Có lẽ với tôi ông ta đột nhiên trở thành đại diện cho tất cả những kẻ tự nhận là nhân chứng mà tôi đã thẩm vấn trong các cuộc điều tra của mình, bọn họ chẳng bao giờ hiểu gì ở những điều họ đã thấy, vì ngu ngốc, độc ác hoặc thờ ơ. Tôi lê bước nặng nề đến đứng sững trước ông ta. Tôi cao vượt ông ta chừng hai mươi xăng ti mét và nặng gấp đôi trọng lượng ông ta.

“Không được quyền ngắm các mặt tiền nhà sao?”

Ông ta chăm chăm chĩa vào tôi ánh mắt khắc nghiệt và e dè. Tôi những muốn làm ông ta sợ hơn nữa.

Và rồi, để bình tĩnh lại, tôi ngồi xuống một cái ghế băng trên dải đất phân cách ở đầu đại lộ, đối diện với rạp Mexico. Tôi cởi giày bên trái ra.

Nắng. Tôi chìm đắm trong suy nghĩ. Jacqueline Delanque có thể tin cậy vào sự kín đáo của tôi, Choureau sẽ không bao giờ biết gì về khách sạn Savoie, về quán Le Condé, về xưởng ô tô La Fontaine và về cái người tên là Roland, hẳn là tay tóc nâu vận áo vest da hoẵng được nhắc tới trong quyển vở. “Louki. Thứ Hai 12 tháng Hai 23 giờ. Louki 28 tháng Tư 14 giờ. Louki với người đàn ông tóc nâu vận áo vest da hoẵng.” Suốt các trang của quyển vở này, mỗi lần bắt gặp tên cô ta tôi lại gạch dưới bằng bút chì màu xanh, và chép lại, trên mấy tờ giấy rời, mọi ghi chú liên quan đến cô ta. Kèm ngày tháng. Và giờ giấc. Nhưng cô ta không có lý gì để mà phải lo lắng. Tôi sẽ không quay trở lại quán Le Condé nữa. Thực sự, tôi đã gặp may, hai hay ba lần tôi đợi cô ta tại một trong những cái bàn của quán cà phê ấy, và ngày hôm đó cô ta đã không tới. Lẽ ra tôi phải thấy bức bối vì rình rập cô ta mà cô ta không biết, phải, lẽ ra tôi phải thấy xấu hổ vì vai trò của mình. Chúng ta có quyền gì mà bẻ khóa xâm nhập đời người khác và táo gan đến thế nào mà dám đi thăm dò vùng hạ bộ và vùng trái tim họ - rồi lại còn đòi họ thanh toán

nữa... Nhân danh cái gì đây? Tôi đã cởi xong tất và giờ thì nắn bóp cổ chân. Đờ đau hẳn. Bóng tối đã buông. Xưa kia, tôi nghĩ, giờ là lúc Geneviève Delanque đến chỗ làm việc ở Moulin-Rouge. Con gái bà một mình ở lại nhà, trên tầng sáu. Quãng mười ba, mười bốn tuổi, một tối, sau khi mẹ đi khỏi, cô ta ra khỏi tòa nhà, cẩn thận tránh để người gác cổng nhìn thấy. Ra đến bên ngoài, cô ta không đi quá góc đại lộ. Hồi đầu, cô ta chỉ đi xem các suất chiếu phim lúc mười giờ tại rạp Mexico. Rồi quay trở về tòa nhà, trèo lên cầu thang, không bật đèn hành lang, cánh cửa được khép lại nhẹ nhàng hết mức. Một đêm, lúc ra khỏi rạp, cô ta đi bộ xa thêm một chút, tới chỗ quảng trường Blanche. Và mỗi đêm lại xa hơn một chút nữa. Trẻ vị thành niên lang thang, như người ta đã viết trong hồ sơ ở khu Saint-Georges và khu Grandes-Carrières, và hai cái tên vừa rồi gợi lên trong tôi một cánh đồng ngập ánh trắng, qua cầu Caulaincourt ngay kia đằng sau nghĩa trang, một cánh đồng nơi rất cuộc người ta cũng được hít thở không khí tự do. Mẹ cô ta đã đến tìm cô ta ở chỗ sở cảnh sát. Kể từ đó, đã có đà rồi, không một ai còn có thể giữ cô ta lại nữa. Lang thang buổi đêm về phía Tây, nếu tôi căn cứ vào vài chỉ dẫn mà Bernolle đã tập hợp được. Trước tiên là khu Étoile, rồi thì xa hơn về phía Tây, Neuilly và rừng Boulogne. Nhưng vậy thì tại sao cô ta lại cưới Choureau? Và rồi lại thêm một cuộc trốn chạy, nhưng lần này là về hướng tả ngạn, cứ như thể việc vượt qua sông bảo vệ cho cô ta khỏi một mối nguy hiểm sắp xảy đến. Nhưng cuộc hôn nhân này không phải cũng là một sự bảo vệ hay sao? Nếu cô ta có đủ kiên nhẫn để ở lại Neuilly, hẳn về lâu về dài người ta sẽ quên đi rằng bên dưới Bà Jean-Pierre Choureau còn ẩn giấu một Jacqueline Delanque với cái tên đã hai lần xuất hiện trong các hồ sơ cảnh sát.

Nhất định là tôi vẫn còn bị cầm tù trong những phản ứng nghề nghiệp cũ kỹ, những phản ứng khiến các đồng nghiệp của tôi nói rằng tôi theo đuổi các cuộc điều tra ngay cả trong khi ngủ. Blémant hay so sánh tôi với tên vô lại thời hậu chiến mà người ta gọi là “Kẻ vừa ngủ vừa hút thuốc”. Lúc nào hẳn cũng để bên mép bàn ngủ một cái gạt tàn trên đó đặt một điếu thuốc châm sẵn. Hẳn ngủ chập chờn và, mỗi lần thoáng tỉnh dậy, lại chìa tay về phía gạt tàn và hít một bùm khói thuốc lá. Hút xong điếu thuốc, hẳn liền châm ngay một điếu khác bằng cử chỉ của kẻ mộng du. Nhưng, sáng ra thì hẳn chẳng còn nhớ gì nữa và tin rằng mình đã ngủ một giấc rất sâu. Tôi cũng thế, trên cái ghế băng này, giờ đây khi trời đã tối, tôi có cảm giác mình đang ở trong một giấc mơ nơi tôi vẫn tiếp tục theo dấu Jacqueline Delanque.

Hoặc nói đúng hơn thì tôi cảm thấy sự hiện diện của cô ta trên cái đại lộ có những ánh đèn sáng lung linh như các dấu hiệu, mà tôi không biết rõ lắm là phải giải mã ra sao và cũng chẳng biết chúng hướng đến tôi từ sâu thẳm

những năm tháng nào. Và với tôi những đèn đóm ấy lại còn sống động hơn nữa vì vẻ nhập nhoạng tối của dải đất giữa đường. Vừa sống động vừa xa vời.

Tôi đi tắt lại, nhét lại chân vào cái giày bên trái và rời ghế băng nơi tôi sẵn sàng ngồi qua cả đêm. Và tôi bước đi dọc theo dải đất giống như cô ta, ở tuổi mười lăm, trước khi bị bắt. Nơi nào và vào lúc nào cô ta bắt đầu thu hút sự chú ý của người khác?

Jean-Pierre Choureau hẳn rồi sẽ mệt mỏi. Tôi sẽ còn trả lời hắn vài lần qua điện thoại, cung cấp cho hắn những điều mơ hồ - toàn là dối trá, dĩ nhiên. Paris thì rộng lớn và người ta rất dễ lạc dấu một ai đó ở nơi đây. Chừng nào đã có cảm giác dẫn hắn vào những hướng đi giả xong xuôi, tôi sẽ không trả lời những cú gọi của hắn nữa. Jacqueline có thể trông cậy vào tôi. Tôi sẽ để cô ta có đủ thời gian để hoàn toàn thoát thân.

Vào lúc này, cô ta cũng đang bước đi đâu đó trong thành phố này. Hoặc giả cô ta đang ngồi ở một cái bàn, quán Le Condé. Nhưng cô ta chẳng có gì phải e sợ hết. Tôi sẽ không đến chỗ hẹn nữa.

Mười lăm tuổi, trông tôi như đã mười chín. Thậm chí là hai mươi. Tên tôi không phải Louki, mà là Jacqueline. Tôi còn ít tuổi hơn thế vào cái lần đầu tiên tận dụng sự vắng mặt của mẹ để trốn ra ngoài. Bà tới chỗ làm quãng chín giờ tối và sẽ không về nhà trước hai giờ sáng. Cái lần đầu tiên ấy, tôi đã chuẩn bị một lời nói dối phòng khi người gác cổng bắt chợt tôi ở cầu thang. Tôi sẽ nói mình phải đi mua thuốc ở hiệu thuốc trên quảng trường Blanche.

Tôi đã không quay trở lại khu phố cho đến buổi tối Roland đưa tôi bằng taxi tới nhà người bạn của Guy de Vere ấy. Chúng tôi có hẹn ở đó với tất cả những ai thường tham dự các cuộc họp. Chúng tôi vừa quen biết nhau, Roland và tôi, và tôi đã không dám nói gì với anh khi anh bảo taxi dừng lại ở quảng trường Blanche. Anh muốn chúng tôi đi bộ. Có lẽ anh đã không để ý tôi bầu chặt lấy tay anh như thế nào. Tôi bị chóng mặt. Tôi có cảm giác nếu đi ngang qua quảng trường, mình sẽ ngất xỉu. Tôi sợ. Anh, người vẫn nói suốt với tôi về Quy hồi Vĩnh cửu, hẳn anh sẽ hiểu. Phải, mọi chuyện bắt đầu trở lại với tôi, cứ như thể cuộc hẹn với những người kia chỉ là một cái cớ và người ta đã ngầm giao cho Roland trách nhiệm đưa tôi trở về chốn xưa.

Tôi thấy nhẹ cả người vì chúng tôi không đi qua trước Moulin-Rouge. Thế nhưng, mẹ tôi mất đã được bốn năm rồi và tôi không còn gì phải e ngại hết. Mỗi lần thoát ra khỏi căn hộ vào ban đêm, khi bà đi vắng tôi bước đi

trên vỉa hè phía bên kia của đại lộ, vỉa hè bên quận IX. Trên vỉa hè ấy không có lấy một ngọn đèn. Tòa nhà trường trung học Jules-Ferry sẫm tối, rồi những mặt tiền các tòa nhà với cửa sổ tắt hết đèn, một quán ăn, nhưng có thể nói rằng căn phòng chính của nó lúc nào cũng nằm trong bóng tối lờ mờ. Và, lần nào cũng vậy, tôi không thể ngăn mình ném một cái nhìn sang phía bên kia dải đất giữa đường, sang Moulin-Rouge. Khi đến quán cà phê Palmiers và bước vào quảng trường Blanche, tôi không còn được tự tin cho lắm. Lại bắt đầu có những ngọn đèn. Một đêm nọ khi đi ngang qua trước hiệu thuốc, tôi nhìn thấy mẹ cùng những người khách khác, đằng sau cửa kính. Tôi tự nhủ bà xong việc sớm hơn thường lệ và sắp về nhà rồi. Nếu chạy thật nhanh, tôi sẽ về tới nơi trước bà. Tôi đứng như trời trồng ở góc phố Bruxelles để xem bà sẽ đi đường nào. Nhưng bà đã băng qua quảng trường để quay lại Moulin-Rouge.

Thường xuyên, tôi sợ và để tự trấn tĩnh tôi sẵn sàng đi tìm mẹ, nhưng hẳn là tôi sẽ làm phiền bà đang giữa lúc làm việc. Giờ thì tôi chắc rằng bà sẽ không mắng tôi, bởi cái đêm đến tìm tôi ở sở cảnh sát khu Grandes-Carrières, bà đã không buông một lời trách cứ, không hề dọa dẫm, không bài học đạo đức nào. Chúng tôi bước đi trong im lặng. Đến giữa cầu Caulaincourt, tôi nghe tiếng bà nói bằng giọng xa vời: “đứa bé tội nghiệp của mình”, nhưng tôi tự hỏi bà nói với tôi hay với chính bà. Bà đợi tôi cởi quần áo nằm lên giường rồi mới vào phòng tôi. Bà ngồi ở cuối giường, thật yên lặng. Tôi cũng vậy. Cuối cùng bà mỉm cười. Bà bảo tôi: “Chúng ta đều không nói nhiều lắm nhỉ...”, và bà nhìn thẳng vào mắt tôi. Đó là lần đầu tiên cái nhìn của bà dán lên tôi lâu tới vậy và lần đầu tiên tôi nhận ra mắt bà trong, xám hoặc xanh lơ đến như thế. Xám-xanh. Bà cúi xuống hôn lên má tôi, hay nói đúng hơn là tôi cảm thấy cặp môi bà thoáng lướt qua. Và vẫn là cái nhìn dán chặt lên tôi đó, cái nhìn thật trong và xa vắng. Bà tắt đèn rồi trước khi khép cửa nói với tôi: “Cố mà đừng tái phạm đấy nhé.” Tôi nghĩ đó là lần duy nhất một sự tiếp xúc đã được tạo ra giữa chúng tôi, rất ngắn ngủi, rất vụng về thế nhưng lại mạnh mẽ đến mức tôi thấy tiếc bởi đã không, trong những tháng tiếp theo, cố mà hướng tới bà, khi mà bà đã tạo ra mỗi tiếp xúc như vậy. Nhưng cả hai chúng tôi đều không phải người ưa biểu lộ. Có lẽ bà có cái thái độ bề ngoài rất thờ ơ đối với tôi ấy là bởi bà không hề có chút ảo tưởng nào về tôi. Chắc bà tự nhủ chẳng có gì nhiều để hy vọng vì tôi giống bà quá.

Nhưng hồi ấy tôi chẳng hề suy nghĩ đến chuyện đó. Tôi sống ở thì hiện tại, chẳng bao giờ tự đặt cho mình những câu hỏi. Mọi thứ thay đổi vào cái buổi tối Roland đưa tôi quay trở về khu phố mà tôi vẫn hằng né tránh. Tôi

chưa hề đặt chân đến đó kể từ khi mẹ tôi mất. Chiếc taxi đi vào phố Chaussée-d'Antin và tôi nhìn thấy, ở tận phía cuối, hình khối màu đen của nhà thờ La Trinité, giống như một con đại bàng không lồ đang phiên canh gác. Tôi cảm thấy u uất. Chúng tôi đang tiến lại gần đường ranh giới. Tôi tự nhủ là có một tia hy vọng. Có lẽ chúng tôi sẽ rẽ sang trái. Nhưng không. Chúng tôi cứ đi thẳng, chúng tôi đi qua quảng trường nhỏ La Trinité, chúng tôi leo lên dốc. Ở chỗ đèn đỏ, trước khi vào quảng trường Clichy, thiếu điều tôi đã mở cửa xe để chạy trốn. Nhưng tôi không tài nào làm nổi điều ấy với anh.

Phải một lúc sau, khi chúng tôi đi bộ dọc theo phố Abbesses về phía tòa nhà nơi có cuộc hẹn thì tôi mới bình tĩnh trở lại. Thật may mắn, Roland đã không nhận thấy điều gì hết. Thế nên, tôi tiếc là chúng tôi đã không đi bộ lâu hơn, hai người với nhau, trong khu phố. Tôi những muốn đưa anh đi thăm thú và chỉ cho anh nơi tôi sống mới cách nay sáu năm thế mà đã xa xôi vậy, trong một cuộc đời khác... Sau khi mẹ tôi mất, chỉ còn mối liên hệ duy nhất nối tôi với cái thời ấy, một người tên là Guy Lavigne, bạn trai của mẹ. Tôi đã hiểu ra rằng chính ông là người trả tiền thuê căn hộ. Thỉnh thoảng tôi vẫn gặp ông. Ông làm việc tại một xưởng sửa chữa ô tô, ở Auteuil. Nhưng chúng tôi gần như không bao giờ nhắc đến quá khứ. Ông cũng ít nói y hệt mẹ. Khi dẫn tôi về sở cảnh sát, họ đặt cho tôi các câu hỏi mà tôi buộc phải trả lời nhưng, thoát tiên, tôi làm việc đó rụt rè đến mức họ bảo tôi: “Cháu không nói nhiều nhỉ”, giống như hẳn họ sẽ nói với mẹ và với Guy Lavigne nếu có khi nào hai người rơi vào tay họ. Tôi không có thói quen nghe người ta đặt câu hỏi cho mình. Thậm chí tôi còn kinh ngạc vì thấy người ta quan tâm tới trường hợp của tôi. Lần thứ hai, ở chỗ sở cảnh sát Grandes- Carrières, tôi gặp một tay cóm dễ chịu hơn người lần trước và tôi thấy rất thích cái cách ông đặt câu hỏi cho tôi. Và thế là ta được phép tâm sự, nói về mình, ai đó ở trước mặt bạn quan tâm đến những hành động và cử chỉ của bạn. Tôi ít quen thuộc với tình huống này tới mức không tìm ra từ để trả lời. Trừ các câu hỏi thật cụ thể. Chẳng hạn: Cháu đã học ở trường nào? Trường của các bà xơ Saint-Vincent de Paul ở phố Caulaincourt và trường tiểu khu trên phố Antoinette. Tôi ngượng khi phải nói với ông rằng tôi không được nhận vào trường trung học Jules-Ferry, nhưng rồi tôi hít một hơi thật sâu và thú nhận với ông điều đó. Ông bèn cúi xuống tôi và bảo, giọng rất dịu dàng, như thể muốn an ủi tôi: “Kệ cái trường trung học Jules-Ferry chứ...” Và câu nói đã làm tôi ngạc nhiên đến nỗi thoát tiên tôi suýt bật cười. Ông mỉm cười với tôi và nhìn vào mắt tôi, một cái nhìn trong vắt giống mẹ tôi, nhưng dịu dàng hơn, chăm chú hơn. Ông cũng hỏi tình trạng gia đình của tôi. Tôi cảm thấy

tin cậy và đã nói ra được với ông vài mẩu thông tin nghèo nàn: mẹ tôi xuất thân từ một ngôi làng vùng Sologne, nơi một ông tên là Foucret, giám đốc Moulin-Rouge, có đất riêng. Và chính bởi vậy mà khi còn rất trẻ, lúc mới lên Paris, bà đã tìm được một công việc tại chốn ấy. Tôi không biết bố tôi là ai. Tôi sinh ra ở đó, Sologne, nhưng chúng tôi chưa bao giờ quay trở lại. Thế nên mẹ vẫn thường xuyên nhắc đi nhắc lại với tôi: “Chúng ta không còn gốc rễ nữa rồi...” Ông nghe tôi nói và thỉnh thoảng ghi lại vài điều. Còn tôi, tôi có một cảm giác mới: nhờ cung cấp cho ông tất cả những chi tiết nghèo nàn đó, tôi được giải thoát khỏi một gánh nặng. Những điều ấy không còn liên quan đến tôi nữa, tôi đang nói về một ai đó khác và tôi nhẹ nhõm vì thấy ông ghi lại. Nếu mọi thứ được viết ra rõ ràng giấy trắng mực đen, thì nghĩa là chuyện đã xong rồi, giống như trên các nắm mồ người ta khắc tên và ngày tháng vậy. Và mỗi lúc tôi nói một nhanh thêm, các từ cứ xô đẩy vào nhau: Moulin-Rouge, mẹ tôi, Guy Lavigne, trường trung học Jules-Ferry, Sologne... Tôi chưa từng nói chuyện được với một ai. Thật nhẹ bồng biết bao khi tất cả những từ đó chui ra khỏi miệng... Một phần đời tôi đã chấm dứt, một phần đời mà tôi bị áp đặt phải sống. Kể từ nay, chính tôi sẽ tự quyết định mình. Mọi thứ sẽ bắt đầu kể từ ngày hôm nay, và để lấy đà cho mạnh mẽ, tôi những muốn ông gạch đi những gì vừa viết ra. Tôi sẵn sàng cho ông thêm các chi tiết khác và những cái tên nữa, nói với ông về một gia đình tưởng tượng, một gia đình đúng như tôi hằng mơ ước.

Quãng hai giờ sáng, mẹ tới tìm tôi. Ông bảo mẹ chuyện không nghiêm trọng lắm đâu. Ông vẫn đặt lên tôi cái ánh mắt chăm chú ấy. Lang thang ở tuổi vị thành niên, đó là điều đã được viết vào trong hồ sơ của họ. Bên ngoài, xe taxi đang chờ. Khi ông hỏi tôi về chuyện học hành, tôi đã quên nói với ông rằng, trong vòng vài tháng, tôi có theo học một trường xa hơn một chút ở trên cùng vỉa hè với sở cảnh sát. Tôi ở lại căng tin và cuối buổi chiều thì mẹ đến đón tôi. Đôi khi, mẹ đến muộn và tôi đợi, ngồi đó trên một cái ghế băng ở dải đất giữa đường. Chính tại đó tôi đã nhận ra rằng mỗi bên phố lại mang một cái tên khác. Và đêm hôm ấy, mẹ cũng đến đón tôi, rất gần trường, nhưng lần này thì ở chỗ sở cảnh sát. Cái phố thật lạ lùng vì mang hai tên và như thể cứ muốn đóng một vai trò trong đời tôi vậy...

Thỉnh thoảng, mẹ tôi lại lo lắng liếc nhìn đồng hồ tính tiền trên xe taxi. Mẹ bảo tài xế dừng lại ở góc phố Caulaincourt, và khi mẹ rút ra từ trong ví mấy đồng tiền, tôi hiểu mẹ chỉ còn đủ ngân ấy để trả. Phần đường còn lại chúng tôi cuộc bộ. Tôi bước đi nhanh hơn mẹ, để bà rớt lại đằng sau lưng. Rồi tôi dừng lại đợi mẹ bắt kịp. Trên cây cầu nhìn thẳng xuống nghĩa trang và là nơi từ đó nhìn được tòa nhà của chúng tôi phía dưới kia, chúng tôi

dừng thật lâu và tôi có cảm giác mẹ đang lấy lại hơi. “Con đi nhanh quá”, mẹ bảo tôi. Giờ thì tôi nảy ra một ý. Có lẽ tôi đang thử lôi kéo bà đi xa hơn đôi chút khỏi cái cuộc sống chật chội của bà. Nếu bà không chết, tôi tin hẳn mình có thể giới thiệu với bà những chân trời khác.

Ba hay bốn năm tiếp sau đó, vẫn thường là cùng những lộ trình ấy, cùng những phố ấy, nhưng mỗi lúc tôi một đi xa hơn. Hồi đầu, thậm chí tôi còn không ra tới quảng trường Blanche. Mà chỉ là đi vòng vòng quanh khối nhà... Trước hết là cái rạp chiếu phim nhỏ xíu đó, nằm ở góc đại lộ cách nhà tôi vài mét, nơi buổi chiếu bắt đầu vào lúc mười giờ tối. Phòng trống, ngoại trừ thứ Bảy. Các bộ phim lấy bối cảnh những vùng đất xa xôi, như Mexico và Arizona. Tôi hoàn toàn không để ý tới cốt truyện, mà chỉ quan tâm đến các khung cảnh. Lúc đi ra, trong đầu tôi hình thành một sự pha trộn kỳ quặc giữa Arizona và đại lộ Clichy. Màu sắc của các biển hiệu sáng đèn và những ngọn đèn nê ông giống hệt như trong phim: cam, xanh ngọc bích, xanh thẫm màn đêm, vàng cát, những màu quá rợn làm tôi có cảm giác vẫn còn ở trong bộ phim hoặc trong một giấc mơ. Một giấc mơ hoặc một cơn ác mộng, điều đó thì còn tùy. Thoạt tiên đó là một cơn ác mộng vì tôi thấy sợ và không dám đi xa hơn nữa. Và không phải là bởi mẹ tôi. Nếu bắt chợt tôi một mình trên đại lộ, giữa đêm, hẳn cùng lắm bà cũng sẽ chỉ nói một lời trách cứ. Hẳn bà sẽ bảo tôi về nhà, bằng cái giọng bình thản của bà, như thể bà không hề ngạc nhiên khi thấy tôi bên ngoài vào cái giờ khuya khoắt này. Tôi nghĩ lúc ấy tôi bước đi trên vỉa hè phía bên kia, vỉa hè của bóng tối, vì tôi cảm thấy mẹ không còn có thể làm gì cho tôi nữa.

Lần đầu tiên họ bắt được tôi, đó là ở quận IX, đầu phố Douai, trong cái hiệu bánh mở cửa suốt đêm ấy. Khi đó là một giờ sáng. Tôi đứng trước một cái bàn cao ăn bánh croissant. Từ giờ ấy trở đi, người ta luôn luôn thấy những kẻ kỳ quặc trong hiệu bánh, và thường thì họ từ bên quán cà phê đối diện sang, quán Le Sans-Souci. Hai tay cầm vận thường phục bước vào để kiểm tra giấy tờ. Tôi không có giấy tờ và họ hỏi tuổi tôi. Tôi chọn cách nói thật với họ. Họ cho tôi lên một chiếc xe buýt cùng một tay cao lớn tóc vàng mặc áo vest lông cừu lộn. Ông ta có vẻ quen biết các tay cầm. Có lẽ ông ta cũng là cầm. Đến một lúc, ông ta mời tôi hút thuốc lá, nhưng một cảnh sát vận thường phục ngăn ông ta lại: “Nó còn bé quá... không tốt cho sức khỏe”. Hình như họ xung hô thân mật với nhau.

Tại văn phòng sở cảnh sát, họ hỏi tên họ tôi, ngày sinh và địa chỉ của tôi, và họ ghi hết vào sổ. Tôi giải thích cho họ rằng mẹ tôi làm việc ở Moulin-Rouge. “Thế thì chúng ta sẽ gọi điện thoại cho bà ấy”, một trong hai tay cầm

vận thường phục nói. Tay ghi lời khai đưa cho ông ta sổ điện thoại của Moulin-Rouge. Ông ta vừa quay số vừa nhìn chăm chăm vào mắt tôi. Tôi thấy rất bức bối. Ông ta nói: “Cho tôi nói chuyện với bà Geneviève Delanque.” Ông ta vẫn nhìn chăm chăm vào tôi vẻ rất nghiêm ngặt thế nên tôi hạ mắt xuống. Và rồi, tôi nghe thấy: “Thôi... Không cần làm phiền bà ấy...” Ông ta đập máy. Giờ thì ông ta mỉm cười. Ông ta chỉ muốn làm tôi sợ thôi. “Lần này thì không sao,” ông ta bảo tôi, “nhưng lần tới, tôi sẽ buộc phải báo cho mẹ cô đấy.” Ông ta đứng dậy và chúng tôi ra khỏi sở cảnh sát. Tay tóc vàng mặc áo vest lông cừu lộn đang đợi trên vỉa hè. Họ cho tôi lên một cái xe ô tô, ngồi ở băng ghế sau. “Chú đưa cháu về nhà”, tay cóm vận thường phục bảo tôi. Giờ thì ông ta đã xưng hô thân mật với tôi. Tay tóc vàng mặc áo lông cừu lộn xuống khỏi xe ở quảng trường Blanche, trước cửa hiệu thuốc. Thật kỳ khôi khi ngồi một mình trên băng ghế sau một chiếc ô tô cùng cái tay đang lái xe kia. Ông ta dừng lại trước cửa tòa nhà. “Đi ngủ đi. Lần sau đừng có tái phạm nữa nhé, thưa cô.” Ông ta lại xưng hô trịnh trọng với tôi. Tôi nghĩ mình đã đáp ứng mấy từ “cám ơn, thưa ông”. Tôi bước về phía cánh cổng và, đúng lúc mở nó ra, tôi quay đầu lại. Ông ta đã tắt máy, không rời mắt khỏi tôi, như thể muốn chắc chắn là tôi vào hẳn trong nhà. Tôi nhìn qua cửa sổ phòng. Cái xe vẫn dừng ở đó. Tôi đợi, trán tì vào kính, tò mò xem nó sẽ ở lại đó cho đến bao giờ. Tôi nghe tiếng máy nổ trước khi nó quay đầu rồi biến mất ở góc phố. Tôi cảm thấy nỗi hoang mang vẫn thường xâm chiếm con người tôi vào ban đêm và còn mạnh hơn cả nỗi sợ - cái cảm giác kể từ nay mình chỉ dựa được vào chính mình, không biết trông đợi vào đâu nữa. Cả mẹ lẫn bất kỳ ai khác. Tôi những muốn ông ta đứng rình cả đêm trước nhà, cả đêm ấy và những đêm tiếp sau nữa, như một người lính gác, hay đúng hơn là một thiên thần hộ mệnh trông chừng cho tôi.

Nhưng, những buổi tối khác, nỗi hoang mang tan biến và tôi sốt ruột chờ cho đến khi mẹ đi khỏi để ra ngoài. Tôi xuống cầu thang, trống ngực đập thình thịch, như thể đang đi tới một cuộc hẹn. Không cần phải nói dối người gác cổng nữa, không cần phải tìm ra những cái cớ hoặc xin phép nữa. Với ai đây? Và tại sao nào? Thậm chí tôi còn chẳng chắc mình có quay trở về nhà không nữa. Bên ngoài, tôi không đi theo vỉa hè bóng tối, mà đi trên vỉa hè của Moulin-Rouge. Với tôi những ánh đèn như thể còn rợn hơn trong những bộ phim về Mexico. Một cơn say chiếm lấy tôi, nhẹ đến thế... Tôi đã cảm thấy tương tự vậy vào cái buổi tối uống một ly sâm banh ở quán Le Sans-Souci. Tôi có cả cuộc đời trước mặt. Làm thế nào mà tôi lại có thể co mình lại sát những bức tường để lần tránh như vậy? Và tôi sợ gì cơ chứ? Tôi sẽ đi tới những cuộc gặp. Chỉ cần bước vào bất kỳ quán cà phê nào.

Tôi từng biết một cô gái, hơn tuổi tôi một chút tên là Jeannette Gaul. Một đêm bị lên cơn đau nửa đầu, tôi bước vào hiệu thuốc trên quảng trường Blanche để mua Véganine và một chai ether. Lúc thanh toán, tôi nhận ra mình không mang theo tiền. Cô gái mang mái tóc vàng cắt ngắn ấy, mặc áo gió và ánh mắt cô đã giao với ánh mắt tôi - mắt cô xanh lục - tiến về phía quầy thanh toán và trả tiền cho tôi. Tôi thấy rất phiền, không biết phải cảm ơn cô thế nào. Tôi đề nghị cô đi theo về nhà tôi để có thể trả lại tiền cho cô. Tôi vẫn luôn luôn để ít tiền trong ngăn kéo bàn ngủ. Cô nói: “Không... không... để lần sau đi.” Cô cũng sống trong khu phố, nhưng xuôi xuống phía dưới. Cô nhìn tôi, mỉm cười bằng cặp mắt màu xanh lục. Cô đề nghị tôi đi uống gì đó cùng cô, gần nhà cô, và thế là chúng tôi vào một quán cà phê - hay đúng hơn là một quán bar trên phố La Rochefoucauld. Hoàn toàn không giống không khí tại Le Condé. Những bức tường ốp gỗ sáng màu, cũng như quầy và bàn, và một dạng cửa sổ tranh kính trông ra phố. Các ghế băng phủ nhung đỏ sẫm. Ánh sáng lờ mờ. Đằng sau quầy là một người đàn bà tóc vàng trạc tứ tuần mà cái cô Jeannette Gaul đó biết rất rõ vì cô gọi bà ta là Suzanne và xưng hô thân mật. Bà ta rót cho chúng tôi hai ly sâm banh Pim’s.

“Chúc sức khỏe”, Jeannette Gaul nói với tôi. Cô vẫn tiếp tục mỉm cười với tôi và tôi có cảm giác cặp mắt màu xanh lục của cô sẫm soi tìm cách đoán biết điều gì đang diễn ra trong óc tôi. Cô hỏi tôi:

“Bạn sống ở gần đây à?”

“Ừ. Phía trên kia một đoạn.”

Trong khu phố có rất nhiều địa giới mà tôi biết rõ mọi đường biên, kể cả những đường biên vô hình. Vì đang rất rụt rè và không biết phải nói sao với cô, tôi thêm vào: “Ừ, mình sống phía trên kia. Chỗ này mới chỉ là những đoạn dốc đầu tiên thôi.” Cô nhú mày. “Những đoạn dốc đầu tiên?” Mấy từ này làm cô rối trí, nhưng cô vẫn không đánh mất nụ cười. Có phải là hiệu ứng của rượu sâm banh Pim’s hay không? Sự rụt rè trong tôi biến mất. Tôi giải thích cho cô “những đoạn dốc đầu tiên” có nghĩa là gì, cách nói đó tôi đã học được cũng giống như mọi đứa trẻ theo học các trường trong khu. Kể từ quảng trường nhỏ La Trinité trở đi là bắt đầu “những đoạn dốc đầu tiên”. Cứ lên cao mãi không ngừng cho tới lâu đài Suresne và nghĩa trang Saint-Vincent, trước khi lại đi xuống về phía hậu cảnh Clignancourt, hẳn lên phía Bắc.

“Bạn biết nhiều thứ thật đấy”, cô bảo tôi. Và nụ cười của cô đã chuyển sang mỉa mai. Đột nhiên cô xưng hô thân mật với tôi, nhưng tôi thấy chuyện

đó là tự nhiên. Cô gọi người đàn bà tên Suzanne mang tới cho hai ly nữa. Tôi không quen uống rượu, với tôi một ly đã là quá nhiều. Nhưng tôi không dám từ chối. Để xong cho nhanh, tôi nuốt ực ly rượu. Cô vẫn quan sát tôi, im lặng.

“Bạn có đi học không?”

Tôi ngần ngừ trước khi trả lời. Tôi vẫn luôn luôn mơ trở thành sinh viên, vì thấy cái từ ấy thật thanh lịch. Nhưng giấc mơ này với tôi đã trở thành bất khả vào cái ngày tôi không được nhận vào trường trung học Jules-Ferry. Có phải vì uống sâm banh mà tôi trở nên tự tin không? Tôi cúi về phía cô và, có lẽ nhằm tăng sức thuyết phục, tôi đưa mặt mình vào sát mặt cô:

“Có, mình là sinh viên.”

Cái lần đầu tiên đó, tôi không hề để ý tới những người khách xung quanh chúng tôi. Không có gì chung với Le Condé. Nếu không ngại gặp lại vài bóng ma, một đêm nào đó tôi sẵn sàng quay về nơi ấy để hiểu cho rõ mình từ đâu tới. Nhưng phải thận trọng. Và lại có nguy cơ tôi sẽ thấy quán đã đóng cửa. Đồi chủ. Tất cả những thứ này đâu có nhiều tương lai.

“Sinh viên ngành gì?”

Cô làm tôi sững lại. Sự chân thành nơi cái nhìn của cô đã khích lệ tôi. Chắc chắn cô không thể nghĩ là tôi đang nói dối.

“Ngôn ngữ phương Đông.”

Cô có vẻ bị ấn tượng mạnh. Sau đó không bao giờ cô hỏi chi tiết về chuyện học các ngôn ngữ phương Đông của tôi, cũng như giờ học, địa điểm trường. Hẳn cô đã nhận ra là tôi không hề đi học ở trường nào hết. Nhưng theo tôi thì với cô - cả với tôi nữa - chính đó là một dạng danh xưng quý tộc mà tôi mang, và là thứ người ta đương nhiên được tập ấm mà không cần phải làm gì. Với những khách quen của quán bar trên phố La Rochefoucauld, cô giới thiệu tôi là “Nữ Sinh Viên” và có thể ở nơi ấy người ta vẫn còn nhớ chuyện này.

Đêm hôm đó, cô đưa tôi về tận nhà. Đến lượt mình, tôi muốn biết cô làm gì. Cô bảo cô là vũ nữ, nhưng sau một tai nạn thì cô buộc phải thôi công việc đó. Vũ công cổ điển à? Không, không hoàn toàn, tuy thế cô đã học qua múa cổ điển. Giờ thì tôi tự đặt cho mình một câu hỏi chưa từng lướt qua óc tôi hồi ấy: Hay cô là vũ công giống như tôi là sinh viên? Chúng tôi đi trên phố Fontaine về phía quảng trường Blanche. Cô giải thích với tôi rằng “vào lúc này” cô là “liên danh” của người đàn bà tên Suzanne, một người bạn lâu năm

của cô và cũng một chút là “chị gái” của cô. Hai người cùng trông coi cái nơi cô đã dẫn tôi tới tối nay và đó cũng là một quán ăn.

Cô hỏi có phải tôi sống một mình không. Phải, một mình cùng mẹ. Cô muốn biết mẹ tôi làm nghề gì. Tôi không thốt ra cái từ “Moulin-Rouge”. Tôi đáp, giọng khô khốc: “Kế toán viên.” Dù thế nào đi nữa, mẹ tôi cũng hoàn toàn có thể là kế toán viên. Mẹ có sự nghiêm túc và kín đáo của cái nghề đó.

Chúng tôi chia tay nhau trước cổng. Không phải đêm nào tôi cũng rộn ràng trong lòng khi quay về căn hộ ấy. Tôi vẫn biết rồi một ngày mình sẽ rời bỏ nó vĩnh viễn. Tôi trông chờ rất nhiều vào những cuộc gặp mà tôi sẽ có, những cuộc gặp sẽ giúp tôi chấm dứt nỗi cô đơn. Cô gái này là cuộc gặp đầu tiên của tôi và có thể cô sẽ giúp tôi cao chạy xa bay.

“Mai ta gặp nhau chứ?” Cô có vẻ ngạc nhiên trước câu hỏi của tôi. Tôi đặt nó cho cô quá đột ngột, không sao che giấu nỗi sự lo lắng.

“Tất nhiên rồi. Khi nào mà bạn muốn...”

Cô hướng sang tôi nụ cười dịu dàng và mĩa mai của cô, cùng nụ cười ban nãy, vào đúng lúc tôi giải thích cho cô biết “những đoạn độc đầu tiên” nghĩa là gì.

Trí nhớ của tôi có những lỗ hổng. Hay nói đúng hơn, một số chi tiết quay trở lại với tôi trong tình trạng lộn xộn. Từ năm năm nay, tôi không còn muốn nghĩ đến tất cả những chuyện đó. Và chỉ cần xe taxi đi ngược phố là tôi đã nhìn thấy lại các biển hiệu sáng đèn - Aux Noctambules, Aux Pierrots... Tôi không còn biết cái nơi trên phố La Rochefoucauld tên là gì nữa. Le Rouge Cloître? Chez Dante? Le Canter? Đúng rồi, Le Canter. Hẳn không người khách nào bên Le Condé từng lui tới Le Canter. Có những đường ranh giới không thể vượt qua trong đời. Thế nhưng tôi từng rất kinh ngạc vào những lần đầu tiên tới Le Condé khi nhận ra một người khách tôi từng thấy ở Le Canter, một người tên là Maurice Raphaël và được đặt biệt danh Báo Gấm... Tôi đã không thực sự đoán được rằng người đàn ông đó là nhà văn... Không gì phân biệt ông ta với những người chơi bài và các trò chơi khác trong căn phòng nhỏ ở góc, đằng sau tấm lưới sắt rèn... Tôi nhận ra ông ta. Về phần ông ta, tôi cảm thấy khuôn mặt tôi không gợi lên điều gì. Càng tốt. Nhẹ cả người...

Tôi chưa bao giờ hiểu nổi vai trò của Jeannette Gaul ở Le Canter. Thường thì cô nghe khách gọi đồ và phục vụ họ. Cô ngồi cùng bàn với họ. Cô quen biết đa phần trong số họ. Cô giới thiệu tôi với một tay cao lớn tóc nâu về mặt phương Đông, ăn mặc rất đẹp, có vẻ là dân học hành, một tay tên Accad, con

traï một bác sĩ trong khu phố. Lúc nào anh ta cũng đi cùng hai người bạn, Godinger và Mario Bay. Thịnh thoảng, họ chơi bài và những trò chơi khác cùng cánh đàn ông nhiều tuổi hơn, trong căn phòng nhỏ ở góc. Những trò ấy kéo dài đến năm giờ sáng. Một trong các tay chơi có vẻ như là chủ sở hữu thực của Le Canter. Một người đàn ông trạc ngũ tuần tóc muối tiêu cắt ngắn, cũng ăn mặc rất đẹp, vẻ nghiêm trang, mà Jeannette bảo tôi là “cựu luật gia”. Tôi còn nhớ tên ông ta: Mocellini. Đôi khi, ông ta đứng dậy đi tới chỗ Suzanne đằng sau quầy bar. Vài đêm, ông ta thế chỗ bà tự tay pha chế đồ uống, như thể ông ta đang ở trong nhà mình và mọi người đều là khách mời của ông. Ông ta gọi Jeannette là “con trai ta” hoặc “Đầu Lâu” tôi cũng chẳng hiểu tại sao nữa, và những lần đầu tiên tôi đến quán Le Canter ông ta nhìn tôi với một chút nghi ngờ. Một đêm, ông ta hỏi tuổi tôi. Tôi khai tăng tuổi mình lên, tôi nói “hai mươi một”. Ông ta vừa nhìn tôi vừa nhíu mày, ông ta không tin lời tôi. “Cô có chắc là cô hai một tuổi không?” Càng lúc tôi càng thấy bối rối hơn và đã sẵn sàng nói cho ông ta tuổi thực của mình, nhưng cái nhìn của ông ta đột nhiên mất đi toàn bộ vẻ nghiêm khắc. Ông ta mỉm cười với tôi và nhún vai. “Thế thì ta cứ cho rằng cô hai một tuổi đi.”

Jeannette rất thích Mario Bay. Anh đeo kính râm nhưng hoàn toàn không phải vì thích kiêu cách. Mắt anh chịu ánh sáng kém. Hai bàn tay mảnh dẻ. Thoạt đầu, Jeannette nghĩ anh là dương cầm thủ, thuộc vào những người, cô bảo tôi, từng diễn công xe, ở Gaveau hay Pleyel. Anh trạc ba mươi tuổi, cũng như Accad và Godinger. Nhưng nếu không phải dương cầm thủ thì anh làm gì trong đời? Anh và Accad rất thân với Mocellini. Theo lời Jeannette, họ làm việc cùng Mocellini khi ông ta còn là luật gia. Kể từ đó, họ vẫn luôn luôn làm việc cho ông ta. Việc gì? Trong các hội, cô bảo tôi. Nhưng “các hội” nghĩa là gì? Ở quán Le Canter họ mời chúng tôi đến ngồi cùng bàn, và Jeannette cứ nói Accad khoái tôi. Ngay từ đầu, tôi đã cảm thấy cô muốn tôi cặp kè với anh, có lẽ nhằm củng cố những liên hệ của cô với Mario Bay. Tôi thì lại có cảm giác Godinger mới là người thấy tôi hợp nhãn. Anh cũng tóc nâu như Accad nhưng cao hơn. Jeannette biết anh không rõ bằng hai người kia. Có vẻ như anh có rất nhiều tiền và một chiếc ô tô mà lúc nào anh cũng đỗ trước quán Le Canter. Anh sống ở khách sạn và thường xuyên sang Bỉ.

Những lỗ hồng tối đen. Và rồi các chi tiết cứ nhảy xổ vào ký ức tôi, những chi tiết cụ thể nhưng chẳng nghĩa lý gì. Anh sống ở khách sạn và thường xuyên sang Bỉ. Tối hôm trước, tôi nhắc lại cái câu ngu ngốc đó như điệp khúc một điệu hát ru mà người ta lầm bầm trong bóng tối để tự trấn an. Thế tại sao Mocellini lại gọi Jeannette là Đầu Lâu? Các chi tiết che giấu các chi tiết khác nặng nề hơn rất nhiều. Tôi nhớ đến cái buổi chiều, vài năm sau

đó, khi Jeannette đến gặp tôi ở Neuilly. Đó là quãng mười lăm ngày sau khi tôi cưới Jean-Pierre Choureau. Tôi chưa từng bao giờ gọi được anh ta bằng cái tên nào khác ngoài Jean-Pierre Choureau, hẳn là bởi anh ta hơn tuổi tôi và chính anh ta xưng hô trịnh trọng với tôi. Cô nhấn chuông ba lần, đúng như tôi đã đề nghị. Trong thoáng chốc, tôi đã không muốn đáp lại cô, nhưng làm thế thì thật là ngẫn, cô biết số điện thoại và địa chỉ của tôi. Cô bước vào, luôn mình qua khe cửa mở hé, tưởng chừng như cô đang lén lút lọt vào căn hộ để đánh cắp đồ. Trong phòng khách, cô nhìn quanh, ngắm những bức tường trắng, cái bàn thấp, chông tạp chí, ngọn đèn có chụp đỏ, bức chân dung mẹ Jean-Pierre Choureau treo phía trên trường kỷ. Cô không nói gì. Cô gật đầu. Cô nằng nặc muốn đi thăm nhà. Cô có vẻ ngạc nhiên vì Jean-Pierre Choureau và tôi ngủ riêng. Trong phòng ngủ của tôi, chúng tôi nằm dài ra trên giường.

“Thế nào, anh ta là con nhà phải không?” Jeannette hỏi tôi. Và cô phá lên cười.

Tôi đã không gặp lại cô kể từ hồi ở khách sạn trên phố Armaillé. Tiếng cười của cô làm tôi thấy khó ở. Tôi ngại cô sẽ kéo mình quay ngược thời gian, về cái thời quán Le Canter. Thế nhưng, hồi năm ngoái khi tới phố Armaillé thăm tôi, cô tuyên bố mình đã cắt đứt quan hệ với những người khác.

“Đúng là phòng của thiếu nữ đây...”

Trên mặt tủ com mốt là bức ảnh Jean-Pierre Choureau lồng khung da đỏ sẫm. Cô đứng dậy cúi người về phía khung ảnh.

“Trông anh ta cũng đẹp trai đấy... Nhưng tại sao cậu lại ngủ riêng?”

Cô lại nằm xuống bên cạnh tôi trên giường. Thế là tôi bèn bảo cô tôi muốn gặp cô ở chỗ khác hơn là nơi đây. Tôi ngại cô cảm thấy bức bối khi có mặt Jean-Pierre Choureau. Và rồi chúng tôi sẽ không thể nói chuyện thoải mái với nhau.

“Cậu sợ tới gặp cậu cùng những người khác chứ gì?”

Cô cười nhưng đó là một tiếng cười kém thẳng thắn hơn nhiều so với lúc này. Đúng vậy, tôi sợ, ngay cả ở Neuilly, gặp trùng phải Accad. Tôi ngạc nhiên vì anh đã không tìm ra dấu vết của tôi hồi tôi hay sống ở khách sạn, phố Étoile rồi phố Armaillé.

“Bình tĩnh đi nào... Họ không còn ở Paris từ lâu lắm rồi... Họ sang Maroc rồi...”

Cô vuốt ve trán tôi như thể muốn làm tôi dịu lại. “Tớ nghĩ cậu đã không hề kể với chồng cậu về các bữa tiệc ở Cabassud...”

Cô không hề gia giảm chút mĩa mai nào trong câu vừa nói xong. Ngược lại, tôi thấy choáng vì cái giọng buồn bã của cô. Chính bạn trai của cô, Mario Bay, cái anh chàng đeo kính râm với hai bàn tay dương cầm thủ thường hay sử dụng từ “bữa tiệc” này khi họ, Accad và anh, dẫn chúng tôi đến qua đêm ở Cabassud, một quán trọ gần Paris.

“Ở đây yên tĩnh thật... Không hề giống ở Cabassud... Cậu có còn nhớ không?”

Các chi tiết mà tôi những muốn nhắm mắt làm ngơ như người ta muốn nhắm mắt trước một luồng ánh sáng quá chói. Tuy vậy, lần trước, khi cùng Roland rời khỏi chỗ những người bạn của Guy de Vere rời quay về Montmartre, tôi đã giữ mắt mở thật to. Mọi thứ rõ ràng hơn, sắc nét hơn, một ánh sáng dữ dội làm tôi bị quáng nhưng rất cuộc cũng quen được với nó. Một đêm tại Le Canter, tôi ngồi bên một cái bàn, gần lối vào, với Jeannette, trong cùng thứ ánh sáng đó. Không còn ai ngoài Mocellini và những người khác đang chơi bài trong căn phòng ở góc, đằng sau tấm lưới sắt. Mẹ tôi hẳn đã về nhà từ lâu rồi. Tôi tự hỏi bà có thấy lo lắng vì sự vắng mặt của tôi hay không. Tôi gần như nuối tiếc cái đêm bà đến đón tôi ở sở cảnh sát Grandes-Carrières. Kể từ giờ, tôi có dự cảm sẽ không bao giờ bà còn có thể đến đón tôi nữa. Tôi ở quá xa. Một nỗi hoang mang xâm chiếm lấy tôi, tôi cố gắng chế ngự nó, nhưng nó vẫn làm tôi thấy khó thở. Jeannette gí sát mặt lại gần mặt tôi.

“Trông cậu xanh quá... Không ổn à?” Tôi những muốn mỉm cười để trấn an cô, nhưng lại có cảm giác mặt mình đang nhăn nhó.

“Không... Không sao đâu...”

Kể từ khi rời khỏi nhà vào ban đêm, tôi vẫn có những đợt sợ hãi ngắn hay đúng hơn là các đợt “tụt huyết áp”, như người chủ hiệu thuốc ở quảng trường Blanche từng nói, một tối nọ khi tôi cố công giải thích cho ông ta hiểu mình cảm thấy gì. Nhưng lần nào thốt ra một lời, tôi cũng thấy như thể nó sai hoặc quá mức ngờ nghệch. Tốt hơn hết là giữ im lặng. Một cảm giác trống rỗng chụp lấy tôi trên phố, đột ngột. Lần đầu tiên là trước hiệu thuốc lá, gần quán Le Cyrano. Ở đó đông người qua lại, nhưng tôi vẫn thấy không yên ổn. Tôi thì sắp ngất xỉu đến nơi mà họ thì cứ tiếp tục bước đi về phía trước chẳng buồn để tâm đến tôi chút nào. Tụt huyết áp. Cắt điện. Tôi phải cố gắng hết sức để tự nói lại các sợi dây. Tối đó, tôi bước vào hiệu thuốc lá hỏi mua tem,

bưu thiếp, một cái bút bi và một bao thuốc. Tôi ngồi ngay ở quây. Tôi lấy ra một cái bưu thiếp và bắt đầu viết. “Kiên nhẫn thêm một chút nữa nhé. Em nghĩ mọi chuyện sẽ khá hơn.” Tôi châm một điếu thuốc và dán một con tem lên tấm bưu ảnh. Nhưng gửi cho ai bây giờ? Tôi những muốn viết lên mỗi tấm bưu ảnh vài từ, những từ giúp ta trấn tĩnh: “Trời đẹp, em đang có kỳ nghỉ tuyệt vời, em hy vọng mọi chuyện của anh cũng ổn. Hẹn sớm gặp nhé. Hôn anh.” Tôi ngồi ở hiên một quán cà phê từ rất sớm vào buổi sáng, bên bờ biển. Và viết bưu thiếp cho bạn bè.

“Cậu cảm thấy thế nào? Khá hơn chưa?” Jeannette hỏi tôi. Khuôn mặt cô đã ở gần mặt tôi hơn cả lúc trước.

“Cậu có muốn ta ra ngoài đi dạo cho thoáng khí không?”

Chưa từng bao giờ với tôi phổ lại hoang vắng và im lìm đến như vậy. Nó được chiếu sáng bởi những ngọn đèn của một thời nào khác. Thế nhưng cũng chỉ cần leo hết dốc là thấy lại được ở cách đó vài trăm mét đám đông các buổi tối thứ Bảy, những biển hiệu sáng đèn thông báo “Những bức tranh khoa thân đẹp nhất thế giới” và những xe chở khách du lịch đỗ trước Moulin-Rouge... Tôi sợ toàn bộ sự náo nhiệt ấy. Tôi nói với Jeannette:

“Ta có thể dừng lại ở lưng dốc...”

Chúng tôi bước đi đến nơi bắt đầu các quảng sáng, giao lộ đầu phố Notre-Dame-de-Lorette. Nhưng chúng tôi quay trở ngược con dốc. Tôi cảm thấy dần dà nhẹ nhõm hơn khi đi xuôi xuống cái dốc ấy, ở bên phía bóng tối. Chỉ cần cứ thế mà đi thôi. Jeannette siết chặt lấy cánh tay tôi. Chúng tôi xuống gần hết dốc, điểm giao Tour-des-Dames. Cô bảo tôi:

“Cậu có muốn ta dùng ít tuyết không?”

Tôi không hiểu được nghĩa chính xác của câu nói này, nhưng từ “tuyết” đã làm tôi choáng váng. Tôi có cảm giác bất cứ lúc nào cô cũng chực ngã xuống và làm cho sự im lặng quanh chúng tôi còn trở nên sâu thẳm hơn. Sẽ chỉ còn nghe thấy tiếng bước chân chúng tôi nghiêng trên tuyết. Một cái đồng hồ đồ chuông đầu đó và, cũng chẳng biết tại sao nữa, tôi nghĩ nó báo lễ mixa nửa đêm. Jeannette dẫn đường cho tôi. Tôi để mặc cô dẫn dắt. Chúng tôi theo phố Aumale, ở đó mọi tòa nhà đều u tối. Cứ như thể chúng cùng nhau tạo thành một mặt tiền tối đen duy nhất ở mỗi bên và từ đầu phố kéo đến tận cuối phố.

“Về phòng tớ đi... ta sẽ dùng ít tuyết...”

Ngay khi tới nơi, tôi sẽ hỏi cô: dùng một ít tuyết nghĩa là sao. Trời lạnh thêm bởi những mặt tiền màu đen ấy. Liệu có phải là tôi đang ở trong một giấc mơ vì tôi nghe rõ đến vậy tiếng vọng những bước chân của chúng tôi?

Sau này, tôi thường xuyên đi theo cùng con đường đó, một mình hoặc với cô. Tôi đến tìm cô trong phòng vào ban ngày hoặc qua đêm ở đó những hôm chúng tôi nán lại quán Le Canter quá muộn. Đó là một khách sạn nằm trên phố La Ferrière, con phố có một khúc ngoặt và là nơi ta cảm thấy mình tách biệt với mọi thứ, trong địa phận những đoạn dốc đầu tiên. Một thang máy

với cánh cửa lưới sắt. Nó leo lên chậm chạp. Cô sống ở tầng trên cùng, hoặc còn cao hơn thế. Như thể thang máy sẽ không dừng lại. Cô thì thâm vào tai tôi:

“Cậu sẽ thấy... sẽ rất tuyệt... ta sẽ dùng ít tuyệt...”

Hai bàn tay cô run rẩy. Trong nhịp nhạo hành lang, cô bồn chồn đến mức không sao nhét được chìa khóa vào ổ.

“Nào... thử đi... Tớ không làm nổi...”

Giọng cô mỗi lúc một hào hứng hơn. Cô để rơi chìa khóa. Tôi cúi xuống mò mẫm nhặt. Tôi nhét được nó vào trong ổ. Đèn bật, một thứ ánh sáng màu vàng tỏa xuống từ cái bóng đèn gắn trên trần nhà. Giường chưa dọn, các ri đô đều buông. Cô ngồi ở thành giường lục tìm trong ngăn kéo bàn ngủ. Cô rút từ đó ra một cái hộp kim loại nhỏ. Cô bảo tôi ngửi thứ bột màu trắng mà cô gọi là “tuyệt” ấy. Sau một lúc, cái đó khiến tôi có cảm giác thật tươi trẻ và nhẹ nhõm. Tôi chắc chắn rằng nỗi hoang mang và cảm giác trống rỗng ụp xuống tôi ở trên phố sẽ không bao giờ còn quay trở lại. Kể từ khi người chủ hiệu thuốc ở quảng trường Blanche nói với tôi về chuyện tụt huyết áp, tôi cứ nghĩ mình sẽ phải cứng rắn lên, phải chiến đấu chống lại chính mình, cố sức tự kiểm soát. Ta không thể làm được gì trong chuyện này, ta được nuôi dạy thật khắc nghiệt. Bước đi hoặc chết. Nếu tôi ngã, những người khác sẽ vẫn tiếp tục bước đi trên đại lộ Clichy. Tôi không được phép tự gây ảo tưởng. Nhưng, kể từ nay, chuyện ấy sẽ thay đổi. Và lại, các phố và những ranh giới của khu với tôi đột nhiên có vẻ quá sức chật chội.

Một cửa hàng bán sách và các loại giấy vở trên đại lộ Clichy vẫn còn mở cửa cho tới một giờ sáng. Mattei. Một cái tên đơn giản ghi phía trước. Có phải tên của người chủ? Tôi chưa bao giờ dám đem điều đó hỏi người đàn ông tóc nâu có ria mép và mặc áo vest vải ca rô, lúc nào cũng ngồi đằng sau bàn của mình đọc sách. Lần nào khách vào mua bưu thiếp hay một xấp giấy viết thư họ cũng cắt ngang mạch đọc của ông ta. Vào cái giờ tôi đến, gần như không có người khách nào, trừ thằng hoặc vài người đi ra từ quán Le Minuit Chansons ở bên cạnh. Thường thường, chỉ có chúng tôi trong hiệu sách, ông ta và tôi. Ở mặt tiền vẫn luôn bày cùng những quyển sách mà tôi rất nhanh chóng biết là tiểu thuyết khoa học giả tưởng. Ông ta khuyên tôi đọc chúng. Tôi còn nhớ nhan đề vài cuốn trong số đó: *Một viên sỏi trên bầu trời. Nữ hành khách bí mật. Những con tàu của hư vô*. Tôi chỉ còn giữ lại một quyển duy nhất: *Pha lê mơ mộng*.

Bên tay phải, trên các ngăn gần cửa kính, là những quyển sách cũ về chủ

đề thiên văn học. Tôi từng để ý tới một quyển có bìa màu cam rách mắt một nửa: *Du hành vào chốn vô định*. Cả quyển này tôi vẫn còn giữ. Vào buổi tối thứ Bảy tôi muốn mua nó, tôi là người khách duy nhất trong hiệu sách và chỉ còn mơ hồ nghe thấy tiếng ồn ngoài đại lộ. Đằng sau cửa kính, có thể nhìn rõ vài biển hiệu sáng đèn và thậm chí cái biển hiệu hai màu trắng xanh ghi “Những bức tranh khỏa thân đẹp nhất thế giới”, nhưng chúng có vẻ thật xa xôi... Tôi không dám làm phiền người đàn ông đang đọc sách kia, ngồi đó, đầu cúi xuống. Qua chừng chục phút tôi im lặng đứng đó ông ta mới quay đầu về phía tôi. Tôi chìa quyển sách cho ông. Ông mỉm cười: “Hay lắm đây, quyển này. Hay lắm đây... *Du hành vào chốn vô định*...” Tôi chực lấy tiền trả cho ông thì ông giơ tay lên: “Không... không... Tôi tặng cô đấy... Và tôi chúc cô lên đường may mắn...”

Phải, cái hiệu sách ấy không chỉ đơn thuần là một nơi trú ẩn mà còn là một quãng đời tôi. Tôi thường ở đó cho đến tận giờ đóng cửa. Một cái ghế được đặt gần các ngăn giá hay đúng hơn là một cái thang rộng bản. Tôi ngồi đó lật giở các cuốn sách và những tập tranh. Tôi tự hỏi liệu ông ta có để ý thấy sự hiện diện của tôi hay không. Sau vài ngày, vẫn không ngừng đọc, ông ta nói với tôi một câu, luôn luôn vẫn là câu ấy: “Sao, cô đã tìm được hạnh phúc cho mình chưa?” Sau này, ai đó từng tuyên bố với tôi với vẻ hết sức tự tin rằng điều duy nhất mà người ta không thể nhớ nổi là âm sắc các giọng nói. Thế nhưng, đến tận bây giờ, trong những đêm trằn trọc, tôi vẫn thường xuyên nghe thấy giọng nói kiểu Paris - giọng của những phố dốc - bảo tôi: “Sao, cô đã tìm được hạnh phúc cho mình chưa?” Và câu nói ấy chưa hề mất đi chút gì từ sự dịu êm và vẻ bí ẩn của nó.

Tối đến, lúc ra khỏi hiệu sách, tôi ngạc nhiên thấy mình lại ở trên đại lộ Clichy. Tôi không muốn đi xuôi xuống đến quán Le Canter cho lắm. Những bước chân tôi lôi kéo tôi về phía trên cao. Giờ đây tôi thấy khoái cảm vì được trèo lên những dốc hoặc những cầu thang. Tôi đếm từng bước chân. Đến con số 30, tôi biết rằng mình đã thoát. Rất lâu sau này, Guy de Vere bảo tôi đọc *Những chân trời đã mất*, câu chuyện kể về những người leo lên các ngọn núi Tây Tạng hướng đến thiên viện Shangri-La để học những bí mật của cuộc sống và sự minh triết. Nhưng chẳng việc gì phải đi xa đến thế. Tôi nhớ lại những cuộc dạo chơi ban đêm của mình. Với tôi, Montmartre chính là Tây Tạng. Tôi chỉ cần con dốc phố Caulaincourt là đủ. Trên đó, trước lâu đài Sương Mù, lần đầu tiên trong đời tôi được hít thở. Một hôm, lúc rạng sáng, tôi thoát ra khỏi Le Canter nơi tôi đã ở cùng Jeannette hồi trước. Chúng tôi đợi Accad và Mario Bay, họ muốn dẫn chúng tôi tới Cabassud, cùng đi có cả Godinger và một cô gái khác. Tôi ngộp thở. Tôi bịa ra một cái

có thể đi ra ngoài hít thở không khí. Tôi cầm đầu cầm cổ chạy. Trên quảng trường, mọi biển hiệu nhấp nháy đều đã tắt, ngay cả biển hiệu của Moulin-Rouge. Tôi để mặc cho mình bị xâm chiếm bởi một cơn say mà rượu hay tuyết hẳn sẽ không bao giờ tạo ra được cho tôi. Tôi trèo dốc lên tới lầu đài Sương Mù. Tôi đã rất cả quyết mình sẽ không bao giờ gặp lại cái băng ở quán Le Canter nữa. Sau này, tôi cảm thấy cùng cơn say ấy mỗi lần cất cầu với ai đó. Tôi chỉ thực sự là mình kể từ lúc khởi sự trốn chạy. Tôi chỉ có những kỷ niệm tốt đẹp là những kỷ niệm về trốn chạy hoặc bỏ nhà ra đi. Nhưng cuộc sống vẫn luôn luôn giành phần thắng. Khi đến được lối đi của Sương Mù, tôi chắc chắn có ai đó đã hẹn gặp tôi tại nơi đây và với tôi đó sẽ là một khởi hành mới. Có một phố, cao hơn một chút nữa, nơi tôi rất muốn quay trở lại một ngày nào đó. Tôi đi theo nó vào buổi sáng hôm ấy. Chính tại đó lẽ ra đã phải có cuộc hẹn. Nhưng tôi không biết số nhà. Mà quan trọng gì đâu. Tôi đợi một dấu hiệu sẽ chỉ lối cho tôi. Nơi ấy, phố dẫn thẳng tới bầu trời, như thể dẫn tới rìa một vách đá. Tôi đi tiếp với cảm giác nhẹ bồng ấy, thứ đôi khi vẫn chiếm lấy bạn trong các giấc mơ. Bạn không e ngại gì nữa, mọi mối nguy đều thật nực cười. Nếu chuyện thực sự xoay sang chiều hướng xấu, thì chỉ cần bạn thức dậy là xong. Bạn bất khả chiến bại. Tôi bước đi, sốt ruột đến được đích, nơi sẽ chỉ còn lại bầu trời xanh và khoảng không. Từ nào có thể diễn đạt nổi trạng thái tinh thần của tôi đây? Tôi chỉ có được trong tay một vốn từ vựng rất nghèo nàn. Cơn say? Xuất thần? Rạng rỡ? Dù có là thế nào, phố này thật thân thuộc với tôi. Tôi thấy như thể mình đã đi trên nó trước đây. Rồi tôi sẽ sớm tới được rìa vách đá và tôi sẽ gieo mình vào khoảng không. Hạnh phúc sao khi được bồng bênh trong không trung và rốt cuộc cũng biết được cảm giác phi trọng lực mà tôi vẫn tìm kiếm bấy lâu nay. Tôi còn nhớ vô cùng rõ cái buổi sáng hôm ấy, con phố ấy và bầu trời ngay ở cuối đường kia...

Và rồi cuộc sống đã tiếp diễn, với đủ thăng rồi trầm. Một ngày buồn nản, trên bìa quyển sách mà Guy de Vere cho tôi mượn ghi dòng nhan đề: *Louise của Hu Vô*, tôi đã dùng bút bi sửa tên thành tên tôi. *Jacqueline của Hu Vô*.

Tối hôm ấy, cứ như thể chúng tôi xoay tròn những cái bàn. Chúng tôi tụ tập trong phòng làm việc của Guy de Vere và ông đã tắt đèn đi. Hoặc giả, chỉ đơn giản là bị mất điện. Chúng tôi nghe giọng ông nói trong bóng tối. Ông đọc thuộc lòng cho chúng tôi nghe một văn bản mà lẽ ra ông sẽ cầm sách đọc nếu có ánh sáng. Nhưng không, tôi thật bất công, Guy de Vere hẳn sẽ rất choáng nếu nghe tôi nói về “những cái bàn xoay” khi nhắc đến ông. Ông

đáng giá hơn thế. Hẳn ông sẽ nhẹ nhàng trách cứ tôi: “Xem nào, Roland...”

Ông thấp các ngọn nến cắm vào một cái giá nằm trên lò sưởi, rồi ông lại ngồi xuống đằng sau bàn làm việc của mình. Chúng tôi ngồi ở những cái ghế đặt đối diện với ông, cô gái ấy, tôi và một cặp trạc tứ tuần, cả hai đều ăn vận rất chín chu và có dáng vẻ tư sản, mà tôi gặp ở đây lần đầu tiên.

Tôi ngoái đầu về phía cô và cái nhìn của chúng tôi giao nhau. Guy de Vere vẫn đang nói, nửa thân người trên hơi nghiêng xuống nhưng vẻ thật tự nhiên, gần như là với giọng trò chuyện thông thường. Ở mỗi cuộc họp, ông lại đọc một văn bản mà sau này ông sẽ phát cho chúng tôi bản sao. Tôi có giữ lại bản sao văn bản của tôi hôm đó. Tôi có một điểm mốc. Cô cho tôi số điện thoại và tôi đã viết nó ở phía dưới tờ giấy, bằng bút bi màu đỏ.

“Sự tập trung cao độ nhất đạt được trong khi nằm, hai mắt nhắm. Lãng trí và lơ đãng sẽ xuất hiện khi có bất kỳ biểu hiện nào ở bên ngoài. Lúc đứng, hai chân phải chịu lực. Hai mắt mở làm giảm mức độ tập trung...”

Phải gắng lắm tôi mới tìm được một trận cười điên đảo và tôi nhớ rất rõ chuyện đó bởi cho tới khi ấy chưa bao giờ tôi cảm thấy như vậy. Nhưng ánh sáng những ngọn nến khiến cho buổi đọc này trở nên quá sức trang trọng. Tôi liên tục bắt gặp ánh mắt của cô. Cơ hồ cô không muốn cười. Ngược lại, cô có vẻ hết sức thành kính, thậm chí lo lắng vì không hiểu được nghĩa các từ. Sự nghiêm túc này, rốt cuộc cô cũng truyền được sang cho tôi. Tôi gần như thấy xấu hổ vì phản ứng ban đầu của mình. Tôi còn chẳng dám nghĩ đến sự náo loạn hẳn mình sẽ gây ra nếu phá lên cười. Và trong ánh mắt cô, tôi tin mình thấy được một dạng lời kêu cứu, một tra vấn. Tôi có xứng đáng ở đây với các anh không? Guy de Vere đã đan những ngón tay lại. Giọng ông trầm xuống hơn và ông nhìn chăm chăm vào cô như thể chỉ đang nói với một mình cô. Cô cứng đờ người vì thế. Có lẽ cô sợ bị ông đặt một câu hỏi ngẫu hứng, kiểu như: “Thế còn cô thì sao, tôi rất muốn biết ý kiến của cô về vấn đề này.”

Có điện trở lại. Chúng tôi còn ngồi thêm một lúc trong phòng làm việc, một điều không thường thấy. Các cuộc họp vẫn luôn luôn diễn ra trong phòng khách và tập họp chừng chục người. Tối hôm ấy, chúng tôi chỉ có bốn người và hẳn de Vere thích tiếp đón chúng tôi trong phòng làm việc chính bởi số lượng nhỏ bé đó. Và lần này chỉ với một lời hẹn đơn giản, chứ không phải qua tờ giấy mời quen thuộc mà bạn nhận được ở nhà mình hoặc được người ta đưa cho ở hiệu sách Véga, nếu như bạn là khách quen ở đó. Cùng một số văn bản sao chụp, tôi còn giữ được vài tờ giấy mời ấy, và hôm qua

chợt tìm lại được một trong số chúng:

Roland thân mến của tôi,

Guy de Vere

rất lấy làm hân hạnh được đón tiếp bạn

vào thứ Năm 16 tháng Giêng, lúc 20 giờ 5,

quảng trường Lowendal (quận XV)

tòa nhà thứ 2 bên trái

tầng 4 bên trái

Giấy briscol màu trắng, lúc nào cũng cùng kích cỡ, và những ký tự in chìm cũng có thể dùng để thông báo về một cuộc họp xã giao, tiệc cocktail hoặc sinh nhật.

Tối hôm ấy ông tiễn chúng tôi ra tận cửa căn hộ. Guy de Vere và cặp lần đầu tiên tới đây hơn chúng tôi chừng hai mươi tuổi. Vì thang máy quá nhỏ cho cả bốn người, cô và tôi đi xuống bằng đường cầu thang.

Có một lối đi riêng men theo các tòa nhà giống hệt nhau với mặt tiền màu be và phốt đỏ. Những cánh cửa sắt rèn y đúc bên dưới một ngọn đèn. Những hàng cửa sổ y đúc. Đi qua cửa sắt, chúng tôi đứng trước quảng trường nhỏ trên phố Alexandre-Cabanel. Tôi muốn nhất thiết viết cái tên này ra, bởi chính tại đó con đường của chúng tôi đã giao nhau. Chúng tôi đứng im một lúc ngay giữa quảng trường ấy, tìm lời để nói. Tôi là người phá vỡ sự im lặng.

“Cô sống ở khu phố này à?”

“Không, bên Étoile cơ.”

Tôi tìm một cái cớ để không phải rời khỏi cô ngay lập tức. “Ta có thể đi cùng nhau một đoạn.”

Chúng tôi bước đi dưới cây cầu cạn chạy suốt đại lộ Grenelle. Cô đề nghị tôi đi bộ theo đường tàu điện ngầm trên không dẫn tới Étoile này. Nếu thấy mệt, lúc nào cô cũng có thể dùng tàu điện ngầm đi nốt chặng đường còn lại. Đó hẳn phải là một tối Chủ nhật hoặc một ngày lễ. Không có người đi lại, mọi quán cà phê đều đóng cửa. Dẫu có thế nào, trong trí nhớ tôi, đêm hôm ấy chúng tôi đã ở trong một thành phố hoang vắng. Cuộc gặp của chúng tôi,

giờ đây khi tôi nghĩ lại, như thể là cuộc gặp của hai con người không có nổi một chỗ neo đậu trong đời. Tôi tin cả hai chúng tôi đều cô độc trong thế giới.

“Cô quen Guy de Vere từ lâu chưa?” tôi hỏi cô.

“Chưa, tôi quen ông ấy hồi đầu năm qua một người bạn. Còn anh?”

“Tôi thì biết qua hiệu sách Véga.”

Cô không hề biết gì về hiệu sách trên đại lộ Saint-Germain này, nơi ấy có cửa kính bên trên ghi dòng chữ màu xanh: Đông phương học và các tôn giáo đối chiếu. Chính tại đó tôi đã lần đầu nghe nói tới Guy de Vere. Một tối, người chủ hiệu sách đưa cho tôi một tờ giấy mời bằng giấy bristol và bảo rằng tôi có thể dự cuộc họp. “Hoàn toàn là để cho những người như anh đấy.” Tôi những muốn hỏi ý ông là gì khi nói “những người như anh”. Ông nhìn tôi thoáng chút thân tình và hẳn không có ý xấu. Thậm chí ông còn tự đề nghị “tiên cử” tôi cho cái người mang tên Guy de Vere đó.

“Nó có ra gì không, hiệu sách Véga ấy?”

Cô hỏi tôi bằng giọng châm chọc. Nhưng cũng có thể âm sắc Paris của cô khiến tôi có cảm giác đó.

“Ở đó có hàng đồng sách thú vị. Tôi sẽ dẫn cô tới đó.”

Tôi muốn biết cô đọc gì và điều gì đã lôi cuốn cô đến các cuộc họp của Guy de Vere. Cuốn sách đầu tiên mà de Vere khuyên cô đọc là *Những chân trời đã mất*. Cô đã đọc nó hết sức chăm chú. Ở cuộc họp lần trước, cô đến sớm hơn những người khác, và de Vere đã mời cô vào phòng làm việc. Ông tìm kiếm trên các giá cái tủ sách chiếm toàn bộ hai bức tường một quyển sách khác cho cô mượn. Sau một lúc, như thể có một ý nghĩ đột nhiên hiện ra trong óc, ông tiến về phía bàn làm việc và cầm lên một quyển sách nằm đó giữa hàng chồng tài liệu và thư từ lộn xộn. Ông bảo cô: “Cô có thể đọc quyển này. Tôi rất tò mò biết xem cô sẽ nghĩ gì về nó.” Cô đã rất hoảng hốt. De Vere luôn luôn nói với những người khác như thể họ cũng thông minh và giàu hiểu biết như ông vậy. Cho tới chừng nào? Hẳn rồi cuộc rồi ông cũng sẽ nhận ra người ta không ngang tầm với mình. Quyển sách mà ông cho cô mượn tối hôm ấy có nhan đề: *Louise của Hư Vô*. Không, tôi không biết nó. Đó là câu chuyện đời *Louise của Hư Vô*, một nữ tu, với tất cả những bức thư mà bà đã viết. Cô không đọc nó theo đúng trình tự, mà mở ngẫu nhiên các trang. Một số trang đã gây ấn tượng rất mạnh lên cô. Còn hơn cả *Những chân trời đã mất*. Trước khi quen de Vere, cô đã đọc những cuốn tiểu thuyết khoa học giả tưởng như *Pha lê mơ mộng*. Và những tác phẩm thiên văn học.

Trùng hợp làm sao... Tôi cũng rất thích thiên văn học.

Tại bến Bir-Hakeim, tôi tự hỏi không biết cô sẽ lấy tàu điện ngầm hay muốn đi bộ tiếp, ngang qua sông Seine. Bên trên chúng tôi, cách từng quãng đều đặn, là tiếng khua ồn ã của các toa tàu. Chúng tôi đã lên đến trên cầu.

“Tôi cũng thế,” tôi nói với cô, “tôi cũng sống phía Étoile. Có lẽ là không xa nhà cô lắm.”

Cô ngẩn ngừ. Hẳn cô muốn nói với tôi điều gì đó đang làm cô thấy phiền lòng.

“Thật ra thì tôi đã lấy chồng... Tôi sống cùng chồng ở Neuilly...”

Nghe như thể cô vừa thú nhận với tôi một tội ác.

“Cô lấy chồng từ lâu chưa?”

“Chưa. Chưa lâu lắm... từ tháng Tư hồi năm vừa rồi...”

Chúng tôi lại bước đi. Chúng tôi đến giữa cầu, ngang đoạn cầu thang dẫn xuống lối đi Thiên Nga. Cô đi vào cầu thang và tôi đi theo sau cô. Cô bước xuống bằng những bước chân đầy tự tin, như thể đang tới một cuộc hẹn. Và cô nói với tôi mỗi lúc một nhanh hơn.

“Đến một lúc, tôi đi tìm việc... Tôi bắt gặp một thông báo tuyển người... Đó là một công việc thư ký tạm thời...”

Bên dưới, chúng tôi đi theo lối đi Thiên Nga. Cả hai bên đều là sông Seine và những ngọn đèn trên ke sông. Tôi có cảm giác mình đang ở trên boong đạo chơi của một con tàu đắm giữa đêm khuya.

“Ở chỗ làm, một người phụ trách giao việc cho tôi... Anh ta tỏ ra dễ mến với tôi... Anh ta nhiều tuổi hơn... Sau một thời gian, anh ta muốn cưới tôi...”

Nghe như cô đang tìm cách tự biện minh trước một người bạn thời thơ ấu đã từ lâu cô không biết tin tức và cô vừa tình cờ gặp trên phố.

“Nhưng còn cô, lấy chồng cô có thích không?”

Cô nhún vai, như thể tôi vừa nói ra một điều gì thật phi lý. Lúc nào tôi cũng trông chờ cô nói: “Nhưng xem kìa, anh biết rõ tôi đến thế...”

Sau rốt, hẳn tôi đã quen biết cô trong một cuộc đời trước.

“Anh ta vẫn luôn luôn nói với tôi rằng anh ta muốn điều tốt cho tôi... Đúng thế thật... Anh ta muốn điều tốt cho tôi... Anh ta có chút tự coi mình là bố tôi...”

Tôi nghĩ cô đợi từ tôi một lời khuyên. Hẳn cô không có thói quen tâm sự.

“Thế anh ấy không bao giờ đi cùng cô đến chỗ những cuộc họp à?”

“Không. Anh ấy nhiều việc quá.”

Cô đã gặp de Vere qua một người bạn thời trẻ của chồng cô. Anh ta đã dẫn de Vere tới ăn tối cùng họ ở Neuilly. Cô nói cho tôi mọi chi tiết đó, mày nhú lại, như thể sợ quên đi mất một điều gì, ngay cả chi tiết nhỏ nhất.

Chúng tôi đang ở cuối lối đi, trước bức tượng Nữ thần Tự do. Một cái ghế băng bên tay phải. Tôi không biết cô hay tôi ngồi xuống đó trước, hoặc giả hai chúng tôi nảy ra ý nghĩ ấy cùng một lúc. Tôi hỏi cô không phải về nhà à. Đây là lần thứ ba hoặc thứ tư cô dự những cuộc họp của Guy de Vere, và quãng mười một giờ tối cô sẽ ở trước cầu thang của bến tàu điện ngầm Cambronne. Và lần nào cũng vậy, trước viễn cảnh phải quay về Neuilly, cô lại mơ hồ cảm thấy nản lòng. Thế là kể từ nay cô đã bị kết án phải luôn luôn đi tuyến tàu điện ngầm đó. Đồi đường ở Étoile. Xuống ở Sablons...

Tôi cảm thấy bờ vai cô chạm vào vai tôi. Cô nói với tôi rằng sau cái bữa tối gặp gỡ với Guy de Vere lần đầu tiên ấy ông đã mời cô đến nghe ông giảng bài tại một gian phòng nhỏ gần Odéon. Hôm đó, chủ đề là “Buổi trưa tối tăm” và “Ánh sáng xanh lục”. Ra khỏi phòng, cô bước đi vô định trong khu phố. Cô trôi nổi trong làn ánh sáng xanh lục và trong vắt mà Guy de Vere nói đến. Năm giờ chiều. Trên đại lộ rất nhộn nhịp và, ở giao lộ Odéon, người ta xô đẩy cô vì cô đi ngược chiều và không muốn cùng họ bước xuống các bậc cầu thang của bến tàu điện ngầm. Một phố vắng hoe thoai thoai dẫn lên phía vườn Luxembourg. Và ở đó, ngay giữa dốc, cô bước vào một quán cà phê nằm tại góc một tòa nhà: Le Condé. “Anh có biết quán Le Condé không?” Đột nhiên cô chuyển qua xung hô thân mật với tôi. Không, tôi không biết quán Le Condé. Nói thật lòng, tôi không thích cái khu Écoles ấy. Nó gợi tôi nhớ đến tuổi thơ tôi, ký túc xá một trường trung học từng đuổi cổ tôi và một quán ăn sinh viên đại học bên phố Dauphine, nơi tôi buộc phải đến với một tấm thẻ sinh viên giả. Tôi chết mất vì đói. Kể từ đó, cô thường xuyên trú mình ở quán Le Condé. Cô nhanh chóng làm quen với phần lớn khách quen, đặc biệt là hai nhà văn: một người tên Maurice Raphaël, và Arthur Adamov. Tôi từng nghe nói đến họ chưa? Rồi. Tôi biết Adamov là ai. Thậm chí tôi từng nhìn thấy ông, nhiều lần, ở gần Saint-Julien-le-Pauvre. Một cái nhìn lo lắng. Thậm chí tôi còn có thể nói: hoảng sợ. Ông đi xăng đan, chân không tất. Cô chưa từng đọc cuốn sách nào của Adamov. Tại quán Le Condé, thỉnh thoảng ông nhờ cô đưa ông về khách sạn của mình, vì ông

sợ phải đi bộ một mình vào ban đêm. Kể từ khi cô hay đến Le Condé, người ta đã đặt cho cô một biệt danh. Cô tên Jacqueline, nhưng họ gọi cô là Louki. Nếu tôi muốn, cô sẽ giới thiệu Adamov và những người khác cho tôi. Và cả Jimmy Campbell, một ca sĩ người Anh. Và một người bạn Tunisia, Ali Cherif. Chúng tôi có thể gặp lại nhau ở quán Le Condé vào ban ngày. Cô cũng tới đó vào buổi tối, những khi chồng cô đi vắng. Thường thì anh ta đi làm về rất muộn. Cô ngẩng đầu về phía tôi và, sau một lúc do dự, cô bảo tôi rằng mỗi lần quay về nhà chồng mình ở Neuilly cô lại thấy khó khăn hơn một chút. Cô có vẻ lo sợ và không nói thêm một lời nào nữa.

Đã đến giờ chuyển tàu điện ngầm cuối cùng. Chỉ có chúng tôi trong toa. Trước khi chuyển tàu ở Étoile, cô cho tôi số điện thoại.

Cả đến giờ, tôi vẫn còn nghe thấy, vào buổi tối, một giọng nói gọi tôi bằng tên, trên phố. Một giọng khàn. Hơi kéo dài một chút ở các nguyên âm và tôi nhận ra nó ngay lập tức: giọng của Louki. Tôi ngoảnh đầu lại, nhưng không có ai. Không chỉ là buổi tối, mà cả vào quãng hoang vu những chiều hè lúc bạn không còn biết rõ mình đang sống ở năm nào. Mọi thứ sẽ bắt đầu trở lại giống như trước. Cùng những ngày ấy, cùng những đêm ấy, cùng những địa điểm ấy, cùng những cuộc gặp ấy. Quy hồi Vĩnh cửu.

Thường xuyên tôi nghe thấy giọng nói trong những giấc mơ. Mọi thứ thật cụ thể - đến tận từng chi tiết nhỏ nhất - đến nỗi tôi tự hỏi, khi tỉnh dậy, làm sao mà lại có thể như vậy được. Đêm hôm trước, tôi mơ mình ra khỏi tòa nhà của Guy de Vere, vào đúng cái giờ chúng tôi ra khỏi đó, Louki và tôi, lần đầu tiên ấy. Tôi nhìn đồng hồ đeo tay. Mười một giờ. Có dây thường xuân ở một trong những cửa sổ tầng trệt. Tôi đi qua cửa sắt và đang bước ngang quảng trường nhỏ Cambronne theo hướng đường tàu điện ngầm trên không thì nghe thấy giọng Louki. Cô gọi tôi: “Roland...” Hai lần. Tôi cảm thấy sự châm chọc trong giọng nói của cô. Cô chế giễu cái tên tôi, lúc đầu, một cái tên không phải là tên tôi. Tôi đã chọn nó để đơn giản hóa mọi chuyện, một cái tên ở đâu cũng phù hợp, mà cũng có thể dùng làm họ luôn được. Rất tiện, Roland. Và rất Pháp, nhất là vậy. Tên thật của tôi mang quá nhiều hương vị nước ngoài. Vào thời ấy, tôi tránh lời kéo sự chú ý về phía mình. “Roland...” Tôi ngoảnh đầu lại. Không có ai. Tôi đang ở giữa quảng trường, cũng như lần đầu tiên khi chúng tôi không biết phải nói gì. Lúc tỉnh dậy, tôi quyết định đi đến địa chỉ cũ của Guy de Vere để kiểm tra xem quả thật có dây thường xuân ở cửa sổ tầng trệt hay không. Tôi đi tàu điện ngầm tới Cambronne. Đó là tuyến tàu của Louki khi cô còn quay trở về nhà chồng

ở Neuilly. Tôi đi cùng cô và chúng tôi thường xuống bến Argentine, gần khách sạn nơi tôi sống. Lần nào cô cũng sẵn sàng ở lại suốt đêm trong phòng tôi, nhưng cô gắng nỗ lực hết mình để quay về Neuilly... Và rồi, một đêm, cô đã ở lại với tôi, ở Argentine.

Tôi thấy mình có một cảm giác thật kỳ cục khi bước đi trên quảng trường Cambronne vào buổi sáng, vì chúng tôi luôn luôn đến nhà Guy de Vere buổi tối. Tôi đẩy cánh cửa và tự nhủ mình chẳng có cơ may nào gặp ông sau chừng ấy thời gian. Không còn hiệu sách Véga trên đại lộ Saint-Germain và không còn Guy de Vere ở Paris nữa. Và cũng không còn Louki. Nhưng ở cửa sổ tầng trệt thì dây thừng vẫn đó, đúng như trong giấc mơ của tôi. Điều này khiến tôi thấy bối rối thậm tệ. Đêm hôm trước có thực là một giấc mơ hay không? Tôi đứng im lìm mất một lúc trước ô cửa sổ. Tôi hy vọng nghe thấy giọng của Louki. Cô sẽ gọi tôi thêm một lần nữa. Không. Không có gì. Im lìm. Nhưng tôi hoàn toàn không có cảm giác gì về chuyện thời gian trôi đi kể từ thời kỳ Guy de Vere. Ngược lại, nó đã dừng sững trong một dạng thức của vĩnh cửu. Tôi còn nhớ văn bản mà mình thử viết khi quen Louki. Tôi đã đặt tên nó là *Các vùng trung tính, các no man's land* nơi người ta ở bên rìa tất cả, ở chế độ trung chuyển, hoặc thậm chí ở trạng thái treo lơ lửng. Ở đó người ta được hưởng một thứ quyền miễn trừ nào đấy. Tôi cũng có thể gọi chúng là các vùng hoang, nhưng các vùng trung tính thì chính xác hơn. Một tối, ở quán Le Condé, tôi hỏi ý kiến Maurice Raphaël bởi ông là nhà văn. Ông đã nhún vai và lảng cho tôi một nụ cười ranh mãnh: “Anh phải tự biết thôi, anh bạn... Tôi không hiểu rõ lắm anh muốn đi tới đâu... Cứ nói là ‘trung tính’ đi và thôi đừng nhắc đến nữa...” Quảng trường Cambronne và khu phố nằm giữa Ségur và Duplex, mọi đường phố dẫn ra các cây cầu nhỏ nối với đường tàu điện ngầm trên không đều thuộc một vùng trung tính, và không hề tình cờ nếu ở đó tôi đã gặp Louki.

Văn bản đó, tôi đã đánh mất. Năm trang tôi gõ bằng cái máy chữ mà Zacharias, một người khách của quán Le Condé, cho mượn. Tôi đã viết ở chỗ để tặng: *Cho Louki của những vùng trung tính*. Tôi không biết cô đã nghĩ gì về tác phẩm này. Tôi không nghĩ cô đọc hết nó. Đó là một văn bản hơi khó đọc, một dạng liệt kê theo từng quận với tên các phố định ra ranh giới những vùng trung tính đó. Đôi khi, một khối nhà, hoặc một diện tích rộng hơn nhiều. Một buổi chiều hai chúng tôi cùng ở Le Condé, cô vừa đọc xong lời đề tặng và bảo tôi: “Anh biết không, Roland, ta có thể đến sống một tuần ở mỗi khu phố mà anh nhắc đến...”

Phố Argentine nơi tôi thuê một căn phòng khách sạn quả đúng nằm trong một vùng trung tính. Có ai đến đó tìm tôi được chăng? Những người hiêm hoi mà tôi bắt gặp ở đó hẳn đều đã chết đối với sổ sách hành chính. Một hôm, trong lúc lật giở một tờ nhật báo, tôi đọc được ở mục “thông tin tư pháp” một mẩu tin ngắn với tiêu đề “Tuyên bố vắng mặt”. Một người tên là Tarride không trở về nhà mà cũng không có tin tức gì suốt từ ba mươi năm, và tòa đại hình đã tuyên bố ông ta “vắng mặt”. Tôi chìa cho Louki xem thông báo này. Chúng tôi đang ở phòng tôi, trên phố Argentine. Tôi bảo cô rằng chắc chắn ông ta sống trên phố này, cùng hàng chục người nữa cũng đã bị tuyên bố “vắng mặt”. Và lại, các tòa nhà lân cận khách sạn của tôi đều mang dòng chữ “căn hộ có đồ đạc”. Những nơi trú chân không yêu cầu khai báo nhân thân và là nơi có thể ẩn trốn. Hôm ấy, chúng tôi cùng những người khác, ở quán Le Condé, ăn mừng sinh nhật La Houpa. Họ mời chúng tôi uống rượu. Về đến phòng, chúng tôi đã hơi say. Tôi mở cửa sổ. Tôi gào tướng lên: “Tarride! Tarride!..” Phố vắng tanh và cái tên vang vọng thật kỳ cục. Thậm chí tôi còn có cảm giác tiếng vọng dội vào người ông ta. Louki đến bên tôi, và cô cũng hét: “Tarride!... Tarride!...” Một trò đùa trẻ con làm chúng tôi cười phá. Nhưng sau rốt tôi tin người đàn ông ấy sẽ hiện ra và chúng tôi sẽ làm phục sinh tất cả những người vắng mặt lẫn quất trên phố này. Sau một lúc, người gác đêm của khách sạn tới gõ cửa phòng chúng tôi. Anh ta nói bằng giọng âm u mờ mả: “Làm ơn giữ trật tự.” Chúng tôi nghe tiếng anh ta nặng nhọc bước xuống cầu thang. Thế là, tôi căn cứ vào đó để kết luận rằng bản thân anh ta cũng là một người vắng mặt giống như cái người tên là Tarride kia và tất cả những ai trốn trong các căn hộ có sẵn đồ đạc của phố Argentine.

Tôi nghĩ đến điều đó mỗi lần xuôi phố về căn phòng của mình. Louki từng bảo tôi rằng cả cô, trước khi lấy chồng, cũng từng sống ở hai khách sạn khu này, ngay chéch lên phía Bắc một chút, phố Armaillé, rồi phố Étoile. Vào thời kỳ ấy, hẳn chúng tôi đã đi ngang qua mà không nhìn thấy nhau.

Tôi còn nhớ cái buổi tối cô quyết định không trở về nhà chồng nữa. Ở quán Le Condé, hôm đó, cô giới thiệu Adamov và Ali Cherif với tôi. Tôi mang về cái máy chữ mà Zacharias cho mượn. Tôi những muốn bắt tay vào viết *Các vùng trung tính*.

Tôi đặt máy chữ xuống cái bàn nhỏ bằng gỗ thông nhiều vân của căn phòng. Trong đầu tôi đã có sẵn câu đầu tiên: “Các vùng trung tính sở hữu ít nhất cái lợi thế này: chúng chỉ là điểm xuất phát và rồi đến một ngày ta sẽ rời

khỏi đó.” Tôi biết rằng khi ngồi trước máy chữ, mọi thứ sẽ không còn đơn giản như thế. Hẳn là phải gạch câu mở đầu này đi. Và câu tiếp theo. Thế nhưng, tôi cảm thấy lòng can đảm tràn ngập trong mình.

Cô phải về nhà để ăn tối ở Neuilly, nhưng đến tám giờ cô vẫn nằm dài trên giường. Cô không bật đèn đầu giường lên. Rốt cuộc tôi phải nhắc cô rằng đã đến giờ rồi.

“Đến giờ làm gì?”

Nghe giọng cô, tôi hiểu ra rằng cô sẽ không còn bao giờ đi tàu điện ngầm để xuống bến Sablons nữa. Một quãng im lặng kéo dài giữa chúng tôi. Tôi ngồi trước máy chữ gõ lên các phím.

“Ta có thể đi xem phim,” cô nói với tôi. “Sẽ giết được thời gian.”

Chỉ cần đi ngang qua đại lộ Grande-Armée là đến được Studio Obligado. Tối hôm ấy, cả hai chúng tôi đều không hề chú ý tới bộ phim. Tôi nghĩ trong phòng có rất ít người. Vài người đã bị một tòa án tuyên là “vắng mặt” từ lâu? Và cả chúng tôi nữa, chúng tôi là ai? Chốc chốc tôi lại ngoảnh sang cô. Cô không nhìn lên màn ảnh, đầu cô nghiêng sang một bên và có vẻ chìm đắm trong suy nghĩ. Tôi e cô sẽ đứng dậy quay trở về Neuilly. Nhưng không. Cô ở lại đến tận khi hết phim.

Ra khỏi Studio Obligado, cô có vẻ nhẹ nhõm. Cô nói với tôi rằng, kể từ giờ, với cô đã là quá muộn để quay về nhà chồng. Hôm ấy anh ta mời mấy người bạn của mình tới ăn tối. Thế đấy, hết rồi. Sẽ chẳng bao giờ còn có bữa tối nào ở Neuilly nữa.

Chúng tôi không về phòng ngay, chúng tôi đi dạo rất lâu trong cái vùng trung tâm ấy, nơi cả hai chúng tôi từng trú ẩn vào những thời kỳ khác nhau. Cô những muốn chỉ cho tôi thấy các khách sạn cô từng ở, trên phố Armaillé và trên phố Étoile. Tôi cố nhớ đêm hôm đó cô đã nói gì với tôi. Thật mù mờ. Chỉ là những mẩu những đoạn. Giờ đã quá muộn để tìm lại những chi tiết bị thiếu hoặc những chi tiết mà có lẽ tôi đã quên. Khi còn rất trẻ, cô rời khỏi nhà mẹ và khu phố nơi cô sống cùng mẹ. Mẹ cô đã mất. Cô còn lại một người bạn gái từ thời ấy, mà thỉnh thoảng cô gặp lại, một cô gái tên là Jeannette Gaul. Hai hay ba lần, chúng tôi ăn tối cùng Jeannette Gaul ở phố Argentine, tại quán ăn xập xệ cạnh khách sạn của tôi. Một cô gái tóc vàng mắt xanh lục. Louki từng bảo tôi người ta gọi cô ấy là Đầu Lâu vì khuôn mặt cô ấy xương xương tương phản hẳn với một cơ thể có các đường cong đầy đặn. Sau này, Jeannette Gaul đến thăm cô ở khách sạn phố Cels và lẽ ra tôi phải tự đặt cho mình những câu hỏi vào cái ngày tôi bắt gặp họ trong căn

phòng bông bành mùi ether. Và rồi một buổi chiều gió nhẹ trời tỏa nắng trên các ke sông, đối diện nhà thờ Đức Bà... tôi sẫm soi sách trong những cái hòm sách cũ đợi họ. Jeannette Gaul đã nói cô có hẹn ở phố Grands-Degrés với ai đó mang đến cho cô ấy “một ít tuyết”... Từ “tuyết” làm cô mỉm cười, trong khi lúc đó đang là tháng Bảy... Trong một cái hòm màu xanh lục đựng sách cũ, tôi nhìn thấy một quyển sách khổ nhỏ mang nhan đề *Mùa hè tươi đẹp*. Phải, đó là một mùa hè tươi đẹp bởi tôi thấy nó như thể là vĩnh cửu. Rồi đột nhiên tôi trông thấy họ ở vỉa hè bên kia ke sông. Họ từ phố Grands-Degrés đi tới. Louki giơ tay ra hiệu với tôi. Họ bước về phía tôi trong nắng và sự im lặng, chính bằng cách này mà họ thường xuyên hiện ra trong những giấc mơ của tôi, cả hai về phía Saint-Julien-le-Pauvre... Tôi tin mình đã hạnh phúc, cái buổi chiều hôm đó.

Tôi không hiểu tại sao người ta lại đặt cho Jeannette Gaul biệt danh Đầu Lâu. Có phải vì hai gò má cô cao và hai mắt cô xếch? Thế nhưng, không gì trên khuôn mặt cô gợi đến cái chết. Cô vẫn còn ở vào thời điểm khi tuổi trẻ mạnh hơn tất thảy. Không gì - cả những đêm mất ngủ, cả tuyết, như cô vẫn gọi - hằn lên cô bất kỳ dấu vết nào. Trong bao lâu? Lẽ ra tôi phải ngờ vực cô ấy. Louki không dẫn cô ấy đến quán Le Condé cũng như những cuộc họp của Guy de Vere, cứ như thể cô gái ấy là phần tối tăm của cô vậy. Tôi chỉ nghe thấy họ nói chuyện một lần, khi có mặt tôi, về quá khứ chung của họ, nhưng theo lối ám chỉ. Tôi có cảm giác họ chia sẻ các bí mật với nhau. Một hôm khi tôi cùng Louki từ bến tàu điện ngầm Mabillon đi ra - một ngày tháng Mười một vào quãng sáu giờ chiều, bóng tối đã buông - cô nhận ra ai đó ngồi ở một cái bàn đằng sau ô cửa kính lớn của quán La Pergola. Cô thoáng giật mình bước lui lại. Một người đàn ông chừng năm mươi tuổi, khuôn mặt nghiêm khắc và tóc nâu lảng mượt. Ông ta gần như ở ngay đối diện chúng tôi và hẳn cả ông ta cũng có thể nhìn thấy chúng tôi. Nhưng tôi tin ông ta đang nói chuyện với ai đó ngồi bên cạnh. Cô đã bấu lấy cánh tay tôi và kéo tôi đi sang vỉa hè bên kia của phố Four. Cô bảo cô từng quen gã đó hai năm trước với Jeannette Gaul và rằng gã trông coi một quán ăn ở quận IX. Cô hoàn toàn không trông đợi gặp lại gã ở đây, bên tả ngạn. Cô có vẻ lo lắng. Cô đã dùng từ “tả ngạn” như thể sông Seine là đường ranh giới chia cắt hai thành phố xa lạ khỏi nhau, giống như một bức màn sắt. Và gã đàn ông ở quán La Pergola đã vượt qua được biên giới ấy. Sự hiện diện của gã tại nơi này, giao lộ Mabillon, thực sự khiến cô phải bận tâm. Tôi hỏi cô gã tên là gì. Mocellini. Và tại sao cô lại muốn tránh mặt gã. Cô không trả lời tôi thật rõ ràng. Chỉ đơn giản, gã ấy nhắc cô nhớ tới những kỷ niệm tồi tệ. Khi cô tuyệt giao với người khác, thì điều đó là chung quyết, với cô họ đã chết. Nếu gã

đàn ông này vẫn còn sống và cô có nguy cơ gặp phải gã, thì tốt hơn hết là nên đổi sang khu phố khác.

Tôi trấn an cô. La Pergola không phải một quán cà phê như những quán khác, đám khách khứa hơi có chút mờ ám của nó hoàn toàn không ăn nhập với khu phố chuyên cần và lưu đặng nơi chúng tôi đang bước đi đây. Có phải cô đã bảo tôi rằng gã Mocellini này, cô đã quen biết ở quận IX? Thì đúng thế mà, La Pergola chính là một dạng khu phụ của Pigalle nhưng nằm bên Saint-Germain-des-Prés [13], ta cũng không biết rõ lắm tại sao lại vậy nữa. Chỉ cần chọn vỉa hè phía bên kia và tránh La Pergola ra thôi. Chẳng việc gì phải đổi sang khu phố khác.

[13] Khu Pigalle nằm ở hữu ngạn còn khu Saint-Germain-des-Prés thì ở tả ngạn sông Seine.

Lẽ ra tôi phải cố nài cô kể thêm cho tôi, nhưng tôi gần như đã biết trước cô sẽ trả lời ra sao, đây là giả dụ trong trường hợp cô muốn trả lời... trong suốt tuổi thơ và tuổi niên thiếu tôi đã kề cận với quá nhiều Mocellini, những kẻ sau này ta sẽ tự hỏi không biết bọn họ làm những trò buôn lậu nào... Không phải là tôi đã thường xuyên thấy bố tôi giao hảo với những kẻ ấy ư? Sau chừng đó năm tháng, tôi hoàn toàn có thể điều tra về cái kẻ mang tên Mocellini. Nhưng để làm gì đây? Tôi sẽ chẳng biết thêm được gì hơn nữa về Louki ngoài những điều tôi đã biết hoặc đã đoán ra. Liệu chúng ta có thực sự phải chịu trách nhiệm về các vai phụ mà ta không hề lựa chọn nhưng lại gặp phải ở chặng đầu đời? Liệu tôi có phải chịu trách nhiệm về bố tôi và tất cả những cái bóng thì thật chuyện trò với ông trong các sảnh khách sạn hoặc phòng hậu quán cà phê, những người mang đồng va li mà tôi sẽ mãi không biết được bên trong đựng gì? Tôi hôm ấy, sau cuộc gặp đen đui đó, chúng tôi đi dọc theo đại lộ Saint-Germain. Khi chúng tôi bước vào hiệu sách Véga, cô có vẻ đã nhẹ nhõm trở lại. Cô có một danh mục vài cuốn sách được Guy de Vere khuyên đọc. Danh mục ấy, tôi vẫn còn giữ. Ông đưa nó cho bất kỳ ai đến dự các cuộc họp. “Các bạn không bắt buộc phải đọc toàn bộ trong một lúc, ông thường có thói quen nói vậy. Tốt hơn hết là hãy chọn một cuốn duy nhất và đọc trong đó một trang mỗi tối, trước khi ngủ.”

Thế thân thần thánh

Bạn của Chúa ở Oberland

Tiếng ca của ngọc

Cột chống rặng đông

Mười hai vị cứu tinh của kho báu ánh sáng

Các bộ phận hay trung tâm vi tế

Vườn hồng bí ẩn

Thung lũng thứ bảy

Những tập sách mỏng, bìa xanh lơ. Thoạt tiên, trong phòng tôi ở phố Argentine, có những lúc chúng tôi, Louki và tôi, đọc to chúng lên. Đó là một kiểu nề nếp, được thực hiện khi tinh thần chúng tôi chùng xuống, tôi tin chúng tôi không đọc các tác phẩm ấy theo cùng một cách. Cô hy vọng khám phá ở đó một ý nghĩa cho cuộc đời, trong khi tôi bị thu hút bởi âm vang các từ và nhạc tính các câu. Tối hôm đó, ở hiệu sách Véga, tôi thấy như thể cô đã quên đi cái gã tên Mocellini kia và tất cả những kỷ niệm tồi tệ mà gã gợi về. Giờ đây tôi mới nhận ra rằng cô không chỉ tìm kiếm một lối hành xử khi đọc những tập sách mỏng màu xanh lơ ấy, cũng như tiểu sử Louise của Hư Vô. Mà cô muốn đào thoát, trốn đi mỗi lúc một xa hơn, đoạn tuyệt thật phũ phàng với đời thường, để được hít thở không khí tự do. Và rồi cũng có nỗi sợ bồn chồn đó, thỉnh thoảng, trước viễn cảnh các vai phụ mà ta để lại sau lưng có thể tìm thấy ta mà đòi tính sổ. Cần phải ẩn trốn để thoát khỏi những kẻ tổng tình đó, hy vọng rồi một ngày bạn sẽ ra được hẳn ngoài tầm với của bọn họ. Trên kia, trong làn không khí của những đỉnh cao. Hay không khí ngoài khơi xa. Tôi hiểu rất rõ điều này. Cả tôi nữa, tôi vẫn còn kéo lê những kỷ niệm tồi tệ và những bóng ma trong ác mộng tuổi thơ, những gì tôi tính sẽ rũ bỏ một lần cho xong.

Tôi bảo cô rằng thật ngốc khi chuyên via hè. Cuối cùng tôi cũng thuyết phục được cô. Kể từ đó, ở lối ra của bến tàu điện ngầm Mabillon, chúng tôi không còn vòng tránh quán La Pergola nữa. Một tối, thậm chí tôi còn kéo cô vào trong quán. Chúng tôi đứng trước quầy kiên định chờ Mocellini. Và tất cả những bóng ma khác của quá khứ. Với tôi, cô không phải e ngại điều gì. Không còn cách nào tốt hơn là nhìn thẳng vào mắt lũ ma để làm chúng tan biến. Tôi tin cô đã lấy lại được lòng tin và thậm chí cô hẳn sẽ chẳng xao động mảy may nếu Mocellini có xuất hiện. Tôi đã khuyên cô nói bằng giọng thật đanh thép cái câu vốn rất thân thuộc với tôi trong dạng tình huống này: Không mà, thưa ông... Không phải tôi đâu... Tôi rất tiếc... Ông nhầm rồi...”

Tối đó chúng tôi đã đợi Mocellini mà không thấy gã đến. Và không bao

giờ chúng tôi còn nhìn thấy gã đằng sau ô cửa kính nữa.

Cái tháng Hai mà cô thôi về nhà chồng ấy, tuyết rơi rất nhiều và chúng tôi có cảm giác, ở phố Argentine, bị lạc vào một khách sạn trên núi cao. Tôi nhận ra thật khó sống ở một vùng trung tính. Thực sự, tốt hơn hết là xích lại gần trung tâm. Điều kỳ khôi nhất ở cái phố Argentine này - nhưng tôi cũng đã kiểm kê được vài phố khác của Paris giống nó - là nó không ăn nhập với cái quận mà nó thuộc về. Nó không ăn nhập với gì hết, nó tách biệt khỏi mọi thứ. Với lớp tuyết đó, ở cả hai phía nó đều dẫn tới hư vô. Tôi sẽ phải tìm lại danh sách các phố không chỉ là những vùng trung tính mà còn là các hồ đen ở Paris. Hay nói đúng hơn là những ánh lóe của thứ vật chất tối được bàn đến trong thiên văn học đó, một chất làm cho mọi thứ trở nên vô hình và kháng cự lại được cả các tia cực tím, hồng ngoại và tia X. Phải, xét về lâu về dài, chúng tôi có nguy cơ bị chất tối nuốt trọn.

Cô không muốn ở lâu trong một khu phố quá gần nhà chồng. Chỉ cách có hai bến tàu điện ngầm. Cô tìm kiếm bên tả ngạn một khách sạn quanh quán Le Condé hoặc quanh căn hộ của Guy de Vere. Như thế, cô có thể đi bộ. Còn tôi thì sợ phải qua sông Seine quay lại bên kia, về quận VI của tuổi thơ tôi. Ngàn ấy kỷ niệm đau thương... Nhưng ích gì khi nói chuyện đó bởi quận này giờ đây chỉ còn tồn tại với những người mở các cửa hiệu bán đồ xa xỉ và người nước ngoài giàu có mua căn hộ ở đó... Thời ấy, tôi vẫn còn thấy tại đây những tàn tích từ tuổi thơ tôi: các khách sạn xập xệ phố Dauphine, ngôi trường dạy giáo lý đơn sơ, quán cà phê ở giao lộ Odéon nơi vài kẻ đào ngũ từ các căn cứ quân sự Mỹ lên ra buôn lậu hàng cấm, cầu thang tối bên quảng trường Vert-Galant, và dòng chữ trên bức tường nhộp nhúa của phố Mazarine, mà tôi đọc mỗi lần đi học: **ĐỪNG BAO GIỜ LÀM VIỆC.**

Khi cô thuê một căn phòng xa hơn một chút về phía Nam, quảng Montparnasse, tôi vẫn ở lại quanh khu Étoile. Bên tả ngạn, tôi muốn tránh gặp phải những bóng ma. Trừ ở quán Le Condé và hiệu sách Véga, còn thì tôi không muốn nấn ná làm gì tại khu phố cũ của mình.

Và rồi còn phải kiếm tiền nữa. Cô đã bán một chiếc áo khoác lông thú hẳn là quà tặng của chồng. Cô chỉ còn lại một cái áo gió quá mỏng để chống chọi lại mùa đông. Cô đọc các thông báo tìm người giống như cô từng làm ngay trước khi lấy chồng. Và thỉnh thoảng, cô đến Auteuil gặp chủ một xưởng ô tô, một người bạn cũ của mẹ cô, người vẫn giúp đỡ cô. Tôi gần như chẳng

dám thú nhận về phần mình tôi đang làm loại công việc gì. Nhưng tại sao lại phải che giấu sự thật nhỉ?

Một gã tên là Béraud-Bedoin sống cùng khối nhà có khách sạn của tôi. Chính xác là ở số 8 phố Saïgon. Một căn hộ có sẵn đồ đạc. Tôi thường xuyên giáp mặt gã và không còn nhớ được lần đầu tiên chúng tôi bắt chuyện với nhau là khi nào. Một tay thuộc dạng xảo trá với mái tóc bông bênh, ăn vận lúc nào cũng chăm chút đáng kể và vờ vịt một dáng vẻ thư thái thượng lưu. Tôi ngồi đối diện với gã, ở một cái bàn trong quán cà phê kiêm quán ăn trên phố Argentine, một buổi chiều của mùa đông năm ấy, khi ở Paris tuyết đang rơi. Tôi bảo gã rằng tôi muốn “viết” lúc gã đặt cho tôi câu hỏi chường lệ: “Còn anh, anh làm công việc gì?” Về phần gã, Béraud-Bedoin, thì tôi không hiểu được thật rõ việc làm của gã. Tôi đã đi theo gã, cái buổi chiều ấy, tới “văn phòng” của gã - “ngay gần đây thôi”, gã bảo tôi thế. Bước chân chúng tôi để lại vệt trên tuyết. Chỉ cần đi thẳng một mạch đến phố Chalgrin. Tôi đã tra một cuốn danh bạ cũ của năm đó để biết chính xác xem cái gã Béraud-Bedoin ấy “làm việc” ở đâu. Đôi khi, chúng ta nhớ lại được vài đoạn đời mình và ta cần bằng chứng để chắc chắn mình đã không nằm mơ. 14, phố Chalgrin, “Nhà xuất bản thương mại Pháp”. Chắc hẳn là đó. Giờ đây, tôi thấy mình không có đủ can đảm đến tận nơi để nhận mặt tòa nhà. Tôi già quá mất rồi. Hôm ấy, gã không dẫn tôi lên văn phòng của gã, nhưng hôm sau chúng tôi gặp lại nhau cùng giờ đó, ở cùng quán cà phê đó. Gã đề nghị với tôi một việc. Đó là viết những quyển sách nhỏ giới thiệu các công ty hoặc tổ chức nơi gã làm công việc tương tự người chào hàng hay nhân viên quảng cáo, và sẽ do nhà xuất bản của gã ấn hành. Gã sẽ trả cho tôi năm nghìn franc của thời ấy. Gã sẽ ký tên những gì tôi viết ra. Tôi làm ne cho gã. Gã sẽ cung cấp mọi tài liệu cho tôi. Chính bằng cách đó mà tôi đã viết ra khoảng một chục cuốn sách nhỏ, *Nước khoáng La Bourboule*, *Du lịch ở Côte d’Émeraude*, *Lịch sử các khách sạn và sòng bạc ở Bagnoles-de-l’Orne*, cũng như các chuyên luận cho các ngân hàng Jordaan, Seligmann, Mirabaud và Demachy. Mỗi lần ngồi vào bàn làm việc, tôi lại sợ mình sẽ lãn ra ngủ vì buồn chán. Nhưng công việc khá đơn giản, chỉ cần tạo hình dạng cho các ghi chép của Béraud-Bedoin. Tôi đã rất kinh ngạc vào cái lần đầu tiên gã dẫn tôi tới trụ sở Nhà xuất bản thương mại Pháp: đó là một phòng ở tầng trệt không cửa sổ, nhưng vào tuổi tôi lúc ấy, người ta không tự đặt cho mình nhiều câu hỏi. Người ta đặt lòng tin vào cuộc đời. Hai hay ba tháng sau đó, tôi không hề nhận được tin tức gì từ nhà xuất bản của tôi. Gã mới đưa cho tôi một nửa số tiền đã hứa và với tôi như thế là quá đủ rồi. Đến một ngày - tại sao lại không phải ngay ngày mai nếu tôi đủ sức - có lẽ tôi sẽ phải hành hương tới

phố Saïgon và Chalgrin, một vùng trung tính nơi Béraud-Bedoin và Nhà xuất bản thương mại Pháp đã bốc hơi cùng tuyết mùa đông năm ấy. Nhưng không, sau khi nghĩ kỹ, tôi thực sự không đủ can đảm làm việc đó. Thậm chí tôi còn tự hỏi không biết những phố ấy có còn tồn tại hay không và chẳng biết chừng chúng đã bị chất tối nuốt chửng một lần cho mãi mãi.

Tôi thích dạo bộ ngược Champs-Élysées vào một buổi tối mùa xuân. Giờ đây đại lộ ấy không còn thực sự tồn tại, nhưng, đêm đến, nó vẫn còn tạo ảo giác. Có lẽ trên Champs-Élysées anh sẽ nghe tiếng em gọi tên anh... Ngày em bán cái áo khoác lông thú và viên ngọc lục bảo tròn trịa, anh còn chừng hai nghìn franc từ số tiền Béraud-Bedoin trả cho anh. Ta thật giàu. Tương lai thuộc về ta. Tối ấy, em đã lòng lạnh đến với anh ở khu Étoile. Đó là mùa hè, đúng cái mùa hè ta ở trên các ke sông cùng Đầu Lâu và anh thấy hai người tiến về phía anh. Ta tới quán ăn ở góc phố François Đệ Nhất giao với phố Marbeuf. Người ta đã bày những cái bàn ra ngoài vỉa hè. Trời vẫn còn sáng. Không có người qua lại và ta nghe thăm thĩ những giọng nói và tiếng ồn những bước chân. Quãng mười giờ, khi chúng ta đi xuôi Champs-Élysées, anh tự hỏi không biết có bao giờ trời chịu tối không hay đó lại chẳng phải là một đêm trắng như ở Nga và các nước phương Bắc. Ta bước đi vô định, ta có cả đêm ở trước mặt. Vẫn còn lại những ráng mặt trời trên các vòm tường phố Rivoli. Đây là đầu hè, ta sẽ sớm đi khỏi. Đi đâu? Ta còn chưa biết được. Có lẽ là Majorque hoặc Mexico. Có lẽ là London hay Rome. Những nơi chốn không còn chút quan trọng nào nữa, chúng lẫn lộn hết vào với nhau. Đích duy nhất chuyến đi của chúng ta, đó là đi VÀO TÂM MÙA HÈ, nơi thời gian dừng lại và nơi những cây kim đồng hồ lúc nào cũng chỉ cùng một giờ: giữa trưa.

Ở Palais-Royal, bóng tối đã buông. Chúng tôi dừng lại một lúc ở hiên quán Ruc-Univers trước khi tiếp tục bước đi. Một con chó đi theo chúng tôi dọc phố Rivoli cho tới Saint-Paul. Rồi nó vào trong nhà thờ. Chúng tôi không cảm thấy mệt chút nào, và Louki bảo tôi rằng cô có thể bước đi thế này cả đêm. Chúng tôi đi qua một vùng trung tính ngay trước khi đến Arsenal, vài phố vắng hoe đến mức người ta phải tự hỏi liệu có người sống ở đó hay không. Ở tầng hai một tòa nhà, chúng tôi thấy có hai cửa sổ mở rộng sáng đèn. Chúng tôi ngồi xuống một cái ghế băng, đối diện đó, và chúng tôi không sao tự ngăn mình nhìn những cửa sổ ấy. Ngọn đèn cổ chụp màu đỏ, ở tận trong góc, tỏa ra thứ ánh sáng sượng đục đó. Ta nhìn thấy một tấm gương khung mạ vàng treo trên bức tường bên trái. Những bức tường khác

thì trông trơn. Tôi nhìn một bóng hình h lẫn sẽ lướt qua đằng sau cửa sổ, nhưng không, không có ai cả, có vẻ như vậy, trong cái căn phòng mà ta không biết được nó là phòng khách hay một phòng ngủ.

“Chắc ta phải bấm chuông cửa thôi,” Louki nói với tôi. “Em chắc có ai đó đang đợi chúng ta.”

Cái ghé băng nằm giữa một dải phân cách tạo thành từ chỗ giao của hai phố. Nhiều năm sau này, tôi ngồi trên một chiếc taxi đi dọc bến Arsenal, về phía các ke sông. Tôi bảo tài xế dừng lại. Tôi muốn tìm lại cái ghé băng và tòa nhà. Tôi hy vọng hai cửa sổ tầng trên vẫn còn sáng, sau chừng ấy thời gian. Nhưng thiếu điều thì tôi đã lạc lối trên mấy phố nhỏ đâm vào các bức tường của doanh trại Célestins. Đêm hôm ấy, tôi đã bảo cô rằng không việc gì phải bấm chuông cửa. Sẽ không có ai. Với lại chúng tôi đang thoải mái ở đây, trên ghé băng. Thậm chí tôi còn nghe tiếng một vòi nước chảy ở đâu đó.

“Anh chắc không?” Louki hỏi. “Em chẳng nghe thấy gì cả...”

Chính hai chúng tôi đang sống trong căn hộ trước mặt kia. Chúng tôi đã quên tắt đèn. Và chúng tôi đã để mất chìa khóa. Con chó lúc nãy h lẫn đang đợi chúng tôi. Nó ngủ trong phòng ngủ của chúng tôi và sẽ ở đó chờ chúng tôi cho đến tận cùng thời gian.

Sau đó, chúng tôi bước đi về phía Bắc và, để không bị trôi dạt quá nhiều, chúng tôi tự ấn định một cái đích: quảng trường République, nhưng chúng tôi không chắc là đang theo đúng hướng. Quan trọng gì đâu, chúng tôi vẫn luôn luôn có thể lấy tàu điện ngầm quay trở lại phố Argentine nếu có bị lạc. Louki nói với tôi rằng cô từng thường xuyên ở khu phố này, thời cô còn nhỏ. Người bạn trai của mẹ cô, Guy Lavigne, có một xưởng sửa chữa ô tô quanh đây. Đúng, về phía quảng trường République. Chúng tôi dừng lại trước mỗi xưởng, nhưng không lần nào là đúng cái xưởng ấy. Cô không còn tìm lại được đường nữa. Lần tới khi đến Auteuil thăm cái ông Guy Lavigne đó, cô sẽ phải hỏi địa chỉ chính xác xưởng ô tô cũ của ông trước khi cả ông ta nữa, ông ta cũng biến mất. Nhìn qua thì vẻ như chẳng có gì nhưng việc ấy lại rất quan trọng. Nếu không, rốt cuộc ta sẽ không còn lại nổi một điểm nào để định vị trong đời. Cô nhớ rằng mẹ cô và Guy Lavigne từng dẫn cô đến hội chợ Trône sau lễ Phục sinh, ngày thứ Bảy. Họ đã đi bộ tới đó theo một đại lộ lớn bất tận rất giống đại lộ mà chúng tôi đang đi đây. H lẫn chính là nó. Nhưng thế thì chúng tôi lại rời xa khỏi quảng trường République. Những thứ Bảy ấy cô cùng mẹ và Guy Lavigne đi tới tận rìa rừng Vincennes.

Đã gần nửa đêm, và h lẫn sẽ thật kỳ cục nếu hai chúng tôi lại đứng trước

hàng rào sắt của vườn bách thú. Hẳn chúng tôi có thể nhìn thấy những con voi trong bóng tối nhờ nhờ. Nhưng đó, trước chúng tôi, mở ra một quãng trống sáng sủa ngay chính giữa là một bức tượng. Quảng trường République. Càng lại gần, tiếng nhạc càng nghe rõ hơn. Một vũ hội chăng? Tôi hỏi Louki hôm nay có phải là ngày 14 tháng Bảy không. Cô không biết gì hơn tôi. Từ lâu nay, với chúng tôi những ngày và những đêm đã lẫn lộn hết vào với nhau. Tiếng nhạc vẳng ra từ một quán cà phê, ngay gần góc đại lộ giao với phố Grand-Prieuré. Vài người khách ngồi ở ngoài hiên.

Đã quá muộn để lấy chuyến tàu điện ngầm cuối cùng. Ngay sau quán cà phê là một khách sạn để cửa mở. Một bóng đèn trần chiếu sáng một cầu thang rất dốc với các bậc bằng gỗ màu đen. Thậm chí người gác đêm còn không cả hỏi tên chúng tôi. Anh ta chỉ đơn giản là cho chúng tôi biết số một phòng trên tầng. “Kể từ giờ, có lẽ chúng ta sẽ sống được ở đây”, tôi nói với Louki.

Một cái giường đơn nhưng không quá chật với chúng tôi. Không ri đô lẫn chớp cửa sổ. Chúng tôi để cửa sổ mở hé bởi trời nóng. Bên dưới, tiếng nhạc đã tắt, và chúng tôi nghe thấy những tràng cười. Cô thì thào vào tai tôi:

“Anh nói đúng. Hẳn ta phải ở lại đây mãi.”

Tôi nghĩ chúng tôi đang ở xa Paris, tại một cảng nhỏ của Địa Trung Hải. Sáng nào vào cùng giờ chúng tôi cũng đi theo con đường qua các bãi biển. Tôi còn nhớ được địa chỉ của khách sạn: 2, phố Grand-Prieuré. Khách sạn Hivernia. Trong suốt tất cả những năm u tối tiếp theo, thỉnh thoảng người ta hỏi địa chỉ hoặc số điện thoại của tôi, tôi đều nói: “Anh chỉ cần gửi đến khách sạn Hivernia, 2, phố Grand-Prieuré. Người ta sẽ chuyển tới cho tôi.” Tôi sẽ phải đi tìm tất cả những bức thư ấy, chúng đợi tôi từ lâu lắm rồi và vẫn chưa được hồi đáp. Em có lý, lẽ ra chúng ta nên ở lại đó mãi mãi.

Tôi còn gặp lại Guy de Vere một lần cuối cùng nữa, nhiều năm sau này. Trên cái phố dốc xuôi về phía Odéon, một chiếc ô tô dừng lại cạnh tôi và tôi nghe tiếng ai đó gọi mình bằng tên cũ. Tôi nhận ra giọng nói trước khi quay đầu sang. Ông thò đầu ra khỏi cửa xe đã hạ kính. Ông mỉm cười với tôi. Ông không hề thay đổi. Trừ việc tóc ngắn đi một chút.

Đó là tháng Bảy, năm giờ chiều. Trời nóng. Hai chúng tôi ngồi trên ca pô chiếc xe để nói chuyện. Tôi không dám nói với ông rằng chúng tôi đang ở cách quán Le Condé có vài mét, nơi có cánh cửa Louki luôn luôn dùng để đi vào, cửa của bóng tối. Nhưng không còn cánh cửa nữa. Phía bên này, giờ

đây có một ô kính bày những túi xách làm bằng da ca sấu, những đôi boots, và cả một cái yên cương cùng roi ngựa. Cửa hiệu mang tên Au Prince de Gondé. Chuyên bán đồ da.

“Thế nào hả Roland, anh sao rồi?”

Vẫn là cái giọng thật trong ấy, cái giọng dẫn dụ chúng tôi đi vào các văn bản bí hiểm nhất những lúc ông đọc cho chúng tôi nghe. Tôi cảm động thấy ông còn nhớ mình, nhớ tên tôi thời đó. Ngần ấy người từng dự những cuộc họp, ở quảng trường Lowendal... Một số chỉ tới một lần, vì tò mò, những người khác thì rất chuyên cần. Louki thuộc vào nhóm người thứ hai. Và tôi cũng vậy. Thế nhưng, Guy de Vere không hề tìm kiếm đồ đệ. Ông hoàn toàn không tự coi mình là một bậc thầy về tư duy và từ chối tạo ra bất kỳ ảnh hưởng nào lên người khác. Tự họ đến với ông, mà ông không hề mời mọc. Đôi khi, người ta đoán ra được rằng ông thích ở một mình mà mơ mộng hơn, nhưng ông không thể làm gì để từ chối họ, và nhất là từ chối giúp để họ tự nhìn mình rõ hơn.

“Thế còn anh, anh quay lại Paris à?”

De Vere mỉm cười và nhìn tôi vẻ châm chọc.

“Anh vẫn y như thế, Roland ạ... Anh trả lời một câu hỏi bằng một câu hỏi khác...”

Cả điều ấy nữa ông cũng không quên. Ông vẫn thường trêu tôi về chuyện đó. Ông bảo tôi rằng nếu mà là đấu sĩ quyền Anh, hẳn tôi sẽ là bậc thầy về đòn gió.

“Tôi không ở Paris từ lâu lắm rồi, Roland... Giờ tôi sống bên Mexico... Tôi sẽ đưa anh địa chỉ nhé...”

Cái ngày đến tận nơi kiểm tra xem có thực là có dây thường xuân ở tầng trệt tòa nhà cũ của ông hay không, tôi đã hỏi người gác cổng, phòng trường họp bà biết địa chỉ mới của Guy de Vere. Bà chỉ nói: “Đi không để lại địa chỉ.” Tôi kể cho ông cuộc hành hương tới quảng trường Lowendal ấy.

“Anh đúng là hết thuốc chữa, Roland ạ, với câu chuyện dây thường xuân đó... Tôi đã quen biết anh từ khi anh còn rất trẻ, có phải không? Hồi ấy anh bao nhiêu tuổi?”

“Hai mươi.”

“Thế mà ngay khi anh còn ở cái tuổi đó, với tôi tựa như anh đã lên đường đi tìm nhánh dây thường xuân bị mất ấy rồi. Tôi có nhầm không?”

Ánh mắt ông không rời khỏi tôi và quanh ông bao phủ một cái bóng buồn bã. Có lẽ chúng tôi đã nghĩ đến cùng một điều, nhưng tôi không dám nói ra cái tên Louki.

“Lạ thật đấy,” tôi nói với ông. “Vào cái thời những cuộc họp của chúng ta, tôi vẫn thường xuyên tới quán cà phê này, giờ thì nó không còn là quán cà phê nữa rồi.”

Và tôi chỉ cho ông, cách chỗ chúng tôi vài mét, cửa hiệu đồ da Au Prince de Condé.

“À đúng,” ông bảo tôi. “Paris đã thay đổi rất nhiều trong những năm vừa qua.”

Ông nhíu mày nhìn tôi, như thể muốn nhớ lại một kỷ niệm xưa cũ.

“Anh vẫn nghiên cứu các vùng trung tính chứ?”

Câu hỏi xuất hiện thật đột ngột, đến nỗi tôi không hiểu ngay ông đang muốn ám chỉ điều gì.

“Khá là thú vị đấy, những gì anh viết về các vùng trung tính...”

Chúa ơi, trí nhớ thật xuất chúng... Tôi đã quên mình từng đưa ông đọc văn bản ấy. Một tối nọ, sau một trong những cuộc họp của chúng tôi tại nhà ông, Louki và tôi đã nán lại cuối cùng. Tôi hỏi ông có cuốn sách nào viết về Quy hồi Vĩnh cửu hay không. Chúng tôi đang ở trong phòng làm việc của ông và ông đưa mắt nhìn mấy cái tủ sách của mình. Rốt cuộc ông tìm thấy một tác phẩm có bìa màu trắng đen: *Nietzsche: Triết lý Quy hồi Vĩnh cửu của cùng một thứ*, mà ông cho tôi mượn và tôi đã hết sức chăm chú đọc những ngày tiếp theo đó. Trong túi áo vest của tôi là mấy tờ giấy đánh máy chữ về các vùng trung tính. Tôi những muốn đưa ông đọc để biết ý kiến của ông, nhưng ngần ngại. Mãi đến trước khi đi khỏi, ngoài thềm nhà, tôi mới quyết định được, bằng một động tác đột ngột, chìa cho ông cái phong bì trong đó tôi để mấy tờ giấy kia - mà không nói với ông một lời.

“Anh cũng từng rất quan tâm đến thiên văn học,” ông nói. “Đặc biệt là vật chất tối...”

Chưa bao giờ tôi có thể tưởng tượng ông lại nhớ được điều đó. Xét cho cùng, ông vẫn luôn rất chú ý đến người khác, nhưng ngay lúc ấy thì người ta không hề nhận ra.

“Thật là tệ,” tôi nói với ông, “vì tôi nay không có một cuộc họp ở quảng trường Lowendal, như trước đây ấy...”

Ông có vẻ kinh ngạc trước những lời của tôi. Ông mỉm cười với tôi.

“Vẫn luôn luôn là nỗi ám ảnh của anh với Quy hồi Vĩnh cửu...”

Giờ đây chúng tôi bước đi loanh quanh trên vỉa hè và, lần nào cũng vậy, bước chân lại đưa chúng tôi trở lại trước cửa hiệu đồ da Au Prince de Condé.

“Anh còn nhớ cái buổi tối bị mất điện ở nhà anh và rồi chúng ta đã nói chuyện trong bóng tối không?” tôi hỏi ông.

“Không.”

“Tôi sẽ thú nhận với anh một điều. Thiếu chút nữa tôi đã phá lên cười như điên, tối hôm ấy.”

“Lẽ ra anh nên tự buông thả,” ông nói với tôi, giọng trách cứ. “Cười là thứ dễ liên thông. Đáng ra tất cả chúng ta đã có thể cười trong bóng tối.”

Ông nhìn đồng hồ đeo tay.

“Tôi sắp phải để anh lại đây. Tôi phải chuẩn bị hành lý. Ngày mai tôi đi rồi. Và thậm chí tôi còn chẳng có thời gian để hỏi bây giờ anh đang làm gì nữa.”

Ông rút từ túi trong áo vest của mình ra một quyển sổ và xé một trang.

“Tôi cho anh địa chỉ của tôi bên Mexico. Thực sự là anh phải đến gặp tôi đây.”

Đột nhiên giọng ông trở nên khẩn thiết, như thể ông muốn lôi kéo tôi đi theo ông và cứu tôi thoát khỏi chính tôi. Và khỏi hiện tại.

“Thêm nữa, ở đó tôi vẫn tiếp tục tổ chức các cuộc họp. Đến đi. Tôi trông chờ anh đấy.”

Ông chìa tờ giấy cho tôi.

“Có cả số điện thoại của tôi đây. Lần này, chúng ta không được để mất đầu nhau đâu đấy nhé.”

Ngồi trên xe rồi, ông còn thò đầu một lần nữa ra khỏi ô cửa đã hạ kính xuống.

“Nói cho tôi đi... Tôi vẫn thường nghĩ đến Louki... Tôi vẫn không hiểu được là tại sao...”

Ông cảm động. Ông, người luôn luôn nói năng không chút do dự và với cách thức rõ ràng đến thế, ông đang phải lựa lời.

“Thật là ngốc, điều mà tôi nói với anh đây... Chẳng có gì để hiểu cả... Khi thực sự yêu một người, thì ta cần phải chấp nhận cái phần bí ẩn của người ấy... Và chính vì thế mà ta yêu người ấy... Phải không hả, Roland?...”

Đột nhiên ông nở má, hẳn là để cắt ngang cơn xúc cảm của mình. Và cơn xúc cảm của tôi nữa. Ông chỉ kịp nói với tôi:

“Hẹn sớm gặp lại nhé, Roland.”

Tôi còn lại một mình trước cửa hiệu đồ da Au Prince de Condé. Tôi ghé trán vào cửa kính để tìm xem liệu có còn tàn tích gì sót lại của quán cà phê hay không: một mảng tường, cánh cửa cuối phòng dẫn tới máy điện thoại treo tường, cầu thang xoáy tròn ốc dẫn lên căn hộ của Bà Chadly. Không gì cả. Mọi thứ đều nhẵn và căng như một mảnh vải màu cam. Và trong khu phố mọi thứ đều như vậy. Ít nhất thì ta cũng không có nguy cơ gặp phải những bóng ma. Bản thân những bóng ma cũng đã chết. Không có gì phải e ngại khi ra khỏi bến tàu điện ngầm Mabillon. Không còn quán La Pergola và cũng không còn Mocellini đằng sau ô cửa kính nữa.

Tôi bước đi bằng bước chân nhẹ nhàng như thể đã tới một thành phố xa lạ một tối tháng Bảy. Tôi khởi sự huýt sáo theo điệu một bài hát Mexico. Nhưng sự vô tư lự giả dối này không kéo dài lâu. Tôi đang đi dọc hàng rào vườn Luxembourg thì điệp khúc bài *Ay Jalisco no te rajes* tắt ngấm trên môi. Một tấm áp phích dán ở thân một cái cây lớn trong hàng cây phủ tán che cho chúng ta đến tận cổng vào đường phố Saint-Michel. “Cái cây này nguy hiểm. Nó sẽ sớm bị chặt. Nó sẽ được thay thế ngay mùa đông năm nay.” Suốt một lúc, tôi cứ nghĩ mình đang ở trong một giấc mơ tồi tệ. Tôi đứng đó, tê liệt, mà đọc đi đọc lại bản án tử hình này. Một người bộ hành đi tới nói với tôi: “Ông không được khỏe phải không thưa ông?” rồi anh ta đi khỏi, hẳn là thấy thất vọng trước cái nhìn đăm đăm của tôi. Trong cái thế giới này, nơi mỗi lúc tôi lại càng hay có cảm giác mình là một kẻ sống sót, người ta cũng chặt đầu cả cây cối... Tôi tiếp tục bước đi, cố sức nghĩ đến điều gì khác, nhưng thật khổ. Tôi không sao quên nổi tấm áp phích ấy cùng cái cây bị kết án tử. Tôi tự hỏi chẳng biết bộ mặt các thành viên tòa án và bộ mặt viên đao phủ trông ra sao. Tôi trấn tĩnh lại. Để tự cổ vũ mình, tôi hình dung ra Guy de Vere bước đi bên cạnh và nhắc đi nhắc lại với tôi bằng cái giọng êm ái của ông: “... Nhưng mà không, Roland ạ, đó chỉ là một giấc mơ tồi tệ... người ta không chặt đầu cây cối đâu...”

Tôi đi qua cổng vào của vườn và theo phân đại lộ dẫn sang Port-Royal. Một tối, cùng Louki, chúng tôi đã đưa về đây một anh chàng trạc tuổi chúng

tôi mà chúng tôi làm quen ở quán Le Condé. Anh ta đã chỉ cho chúng tôi, bên tay phải, tòa nhà Trường Mỏ, vừa chỉ vừa tuyên bố với chúng tôi bằng giọng rất buồn bã, như thể lời thú nhận ấy đè nặng lên anh ta, rằng anh ta là sinh viên trường đó.

“Các bạn có nghĩ tôi nên ở lại đó không?”

Tôi cảm thấy anh ta rình chờ một sự khích lệ từ chúng tôi để giúp anh ta thực hiện được hành động quyết định. Tôi nói với anh ta: “Không, bạn ơi, đừng ở lại đó... Hãy cao chạy xa bay...”

Anh ta quay sang Louki. Anh ta đợi ý kiến của cả cô nữa. Cô giải thích với anh ta rằng kể từ khi bị trường trung học Jules-Ferry từ chối, cô rất ngờ vực các trường. Tôi nghĩ điều này đã hoàn thành công cuộc thuyết phục anh ta. Hôm sau, ở quán Le Condé, anh ta bảo với chúng tôi rằng đối với anh ta Trường Mỏ đã kết thúc rồi.

Thường xuyên, cô và tôi đi trên con đường này để về khách sạn của cô. Đó là đường vòng, nhưng chúng tôi có thói quen đi bộ. Mà nó có thực sự là một đường vòng? Nhưng mà không, nghĩ cho thật kỹ, đó là một đường thẳng, tôi thấy như thể là vậy, dẫn về phía nội địa. Ban đêm, dọc đại lộ Denfert-Rochereau, chúng tôi ở trong một thành phố tĩnh lặng, bởi sự im lìm và tất cả những chôn tôn giáo với các cánh cổng cứ thế nối tiếp nhau. Hôm mới đây, tôi đi bộ theo phố trồng cây đoạn hai bên cùng những bức tường cao ngăn đôi nghĩa trang Montparnasse. Đó cũng là đường về khách sạn của cô. Tôi nhớ là cô thích tránh nó, chính vì vậy mà chúng tôi đi qua Denfert-Rochereau. Nhưng quãng thời gian cuối, chúng tôi không còn sợ gì nữa và thấy rằng cái phố cắt qua nghĩa trang này không phải không chứa đựng một vẻ duyên dáng nào đó, vào buổi đêm dưới vòm cây lá. Không một chiếc ô tô nào chạy qua vào giờ ấy và chưa bao giờ chúng tôi bắt gặp một ai. Tôi đã quên ghi nó vào danh sách các vùng trung tính. Đúng hơn thì nó là một đường biên giới. Đến cuối phố, chúng tôi bước vào một vùng đất nơi chúng tôi tách biệt được khỏi mọi thứ. Tuần trước, tôi bước đi ở đó không phải ban đêm mà là lúc cuối chiều. Anh đã không quay lại phố ấy kể từ khi chúng ta cùng nhau đi ở đó hoặc khi anh đến chỗ em ở khách sạn. Trong thoáng chốc anh có ảo tưởng là đi quá nghĩa trang anh sẽ gặp lại em. Ở đó, sẽ là Quy hồi Vĩnh cửu. Cùng một động tác như trước đây để lấy chìa khóa phòng em ở chỗ tiếp tân. Cùng cái cầu thang rất dốc. Cùng cánh cửa màu trắng với số phòng: 11. Cùng sự chờ đợi. Và rồi cùng cặp môi, cùng thứ mùi và cùng làn tóc xô tung.

Tôi còn nghe tiếng de Vere nói với tôi về Louki:

“Tôi vẫn không hiểu được là tại sao... Khi thực sự yêu một người, thì ta cần phải chấp nhận cái phần bí ẩn của người ấy...”

Bí ẩn nào? Tôi vẫn tin chúng tôi giống nhau, bởi chúng tôi thường xuyên có những giao truyền ý nghĩ. Chúng tôi ở trên cùng tần số sóng. Sinh cùng năm và cùng tháng. Thế nhưng, vẫn phải tin là có một khác biệt giữa chúng tôi.

Không, cả tôi nữa tôi cũng không sao hiểu nổi... Nhất là khi tôi nhớ lại những tuần cuối. Tháng Mười một, ngày ngắn lại, những cơn mưa mùa thu, nhưng dường như không gì trong tất tât những thứ ấy làm suy sút tinh thần chúng tôi. Thậm chí chúng tôi còn lên các kế hoạch đi du lịch. Và rồi, ở quán Le Condé ngự trị một bầu không khí vui tươi. Tôi chẳng còn nhớ ai đã giới thiệu vào đám khách quen cái tay Bob Storms tự nhận mình là thi sĩ và đạo diễn người Anvers ấy. Có thể là Adamov chăng? Hay Maurice Raphaël? Anh ta đã làm chúng tôi cười rất nhiều, cái tay Bob Storms đó. Anh ta thích Louki và thích tôi. Anh ta muốn cả hai chúng tôi đến nghỉ hè trong ngôi nhà rộng lớn của anh ta ở đảo Majorque. Có vẻ như anh ta không hề phải lo lắng chuyện vật chất. Người ta bảo anh ta sưu tầm tranh... Người ta nói bao nhiêu điều... Và rồi tới một ngày mọi người biến mất và ta nhận ra mình chẳng biết chút gì về họ, ngay cả lai lịch thực của họ cũng không.

Tại sao bóng dáng to lớn của Bob Storms lại quay trở lại mạnh mẽ đến thế trong ký ức tôi? Trong những giờ khắc buồn nhất đời, thường xuyên có một nốt nhạc nghịch nhĩ thoáng qua, một hình thù tên hề Flamand, một Bob Storms đi qua, hẳn đó là thứ có thể xua đuổi bất hạnh. Anh ta đứng ở chỗ quây, cứ như thể những cái ghế gỗ chực sụp xuống dưới sức nặng của anh ta. Anh ta cao lớn đến nỗi không còn trông thấy sự vạm vỡ của anh ta nữa. Lúc nào cũng mặc cái áo nhung dài màu đen tương phản hẳn với bộ râu và mái tóc hung. Và mang áo choàng cùng màu. Cái buổi tối chúng tôi để ý thấy sự có mặt của anh ta lần đầu tiên, anh ta tiến thẳng đến bàn chúng tôi, nhìn thẳng vào Louki và tôi. Rồi anh ta mỉm cười và thì thầm, đầu nghiêng hẳn về phía chúng tôi: “Thưa những người đồng hành của các ngày xấu trời, tôi chúc các bạn một đêm tốt lành.” Khi biết tôi thuộc rất nhiều thơ, anh ta muốn tỉ thí với tôi. Người nào đọc được câu cuối cùng sẽ là người chiến thắng. Anh ta đọc cho tôi nghe một câu, tôi phải đọc cho anh ta một câu khác, và cứ thế tiếp diễn. Cuộc thi diễn ra rất lâu. Tôi chẳng có chút sở đắc nào cho việc này. Tôi là một dạng người mù chữ, không hiểu biết, nhưng lại rất thuộc thơ, giống như những người chơi được mọi bản nhạc bằng piano

mà không hề biết ký xướng âm. Bob Storms có lợi thế so với tôi: anh ta còn biết toàn bộ tổng thể thơ ca tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Flamand. Đứng ở quầy, anh ta tung về phía tôi với vẻ đầy thách thức:

I hear the Shadowy Horses, their long manes a-shake

hoặc:

Como todos los muertos que se olvidan

En un montón de perros apagados

hoặc nữa:

De burgemeester heeft ons iets misdaan,

Wij leerden, door zijn schuld, het leven haten.

Anh ta làm tôi thấy hơi mệt nhưng đó là một tay rất vững, hơn chúng tôi rất nhiều tuổi. Tôi những muốn anh ta kể cho tôi nghe về những cuộc đời trước đây của mình. Anh ta luôn luôn trả lời nước đôi cho các câu hỏi của tôi. Khi cảm thấy mình thu hút quá nhiều sự tò mò, đột nhiên sự sôi nổi của anh ta tan biến như thể anh ta có điều gì đó phải che giấu hoặc giả anh ta muốn làm rối tung những đầu mối. Anh ta không trả lời và cuối cùng phá vỡ sự im lặng bằng cách phá lên cười.

Từng có một bữa tiệc ở nhà Bob Storms. Anh ta mời Louki và tôi đến, cùng những người khác: Annet, Don Carlos, Bowing, Zacharias, Mireille, La Houpa, Ali Cherif và anh chàng mà chúng tôi đã thuyết phục bỏ Trường Mỏ. Những người khách khác nữa, nhưng tôi không quen. Anh ta sống ở ke Anjou trong một căn hộ mà tầng trên là một cái xưởng rộng mênh mông. Anh ta tiếp đón chúng tôi ở đó để đọc một vở kịch mà anh ta muốn dàn dựng: *Hop Signor!* Hai chúng tôi tới trước những người khác và tôi thấy choáng trước những giá nền soi sáng căn xưởng, những con rối dây Sicile và Flamand treo trên xà nhà, những tấm gương và những đồ gỗ kiểu Phục hưng. Bob Storms mặc chiếc áo nhung màu đen. Một ô cửa kính lớn nhìn xuống sông Seine. Bằng một cử chỉ đầy bao bọc, anh ta quàng tay quanh vai Louki và vai tôi rồi nói với chúng tôi cái câu nghi lễ của anh ta:

Thưa những người đồng hành của các ngày xấu trời

Tôi chúc các bạn một đêm tốt lành.

Rồi anh ta rút từ trong túi ra một cái phong bì, chìa cho tôi. Anh ta giải

thích với chúng tôi rằng đó là chìa khóa nhà anh ta ở Majorque và rằng chúng tôi phải đến đó càng sớm càng tốt. Và ở lại đó cho tới tháng Chín. Anh ta thấy rằng chúng tôi không được khỏe khoắn cho lắm. Một bữa tiệc kỳ cục làm sao... Vở kịch chỉ có một hồi và các diễn viên đọc xong nó khá nhanh. Chúng tôi ngồi xung quanh họ. Thỉnh thoảng, trong thời gian đọc, theo một ra dấu của Bob Storms, tất cả chúng tôi phải hét lên, như thể đang ở trong một dàn đồng ca: “*Hop, Signor...!*” Rượu chảy tràn trề. Và cả các thứ chất hiểm độc khác nữa. Một khu buffet đã được dựng lên ở ngay giữa phòng lớn tầng dưới. Đích thân Bob Storms phục vụ đồ uống trong cốc lớn và ly tròn bằng pha lê. Càng lúc càng thêm đông người. Tới một lúc, Storms giới thiệu tôi với một người đàn ông cùng tuổi nhưng bé nhỏ hơn anh ta rất nhiều, một nhà văn Mỹ tên là James Jones mà anh ta bảo là “hàng xóm cùng tầng gác” của mình. Rốt cuộc Louki và tôi không còn biết rõ mình đang làm gì giữa tất cả những người lạ này nữa. Ngần ấy người bắt gặp ở đầu cuộc đời chúng ta, những người sẽ không bao giờ biết điều đó và chúng ta sẽ chẳng còn bao giờ gặp lại nữa.

Chúng tôi lách qua đám đông về phía cửa. Chúng tôi chắc chắn rằng trong đám hỗn độn này không ai nhận ra rằng chúng tôi bỏ đi. Nhưng vừa bước qua cánh cửa phòng khách thì Bob Storms đã tới chỗ chúng tôi.

“Thế nào cơ... Các bé định bỏ tôi mà đi đấy à?”

Anh ta vẫn nở nụ cười quen thuộc của mình, một nụ cười rộng ngoác khiến anh ta trông giống một nhân vật nào đó của thời Phục hưng hoặc của Thế kỷ Vĩ đại, với bộ râu và vóc dáng cao lớn, Rubens hoặc Buckingham. Và thế nhưng, một nỗi lo lắng vẫn lộ ra trong cái nhìn của anh ta.

“Các bạn không bị buồn chán quá đấy chứ?”

“Không hề,” tôi nói với anh ta. “Rất vui mà. *Hop Signor...*”

Anh ta dang rộng cả hai tay ôm lấy vai Louki và tôi, như đã làm lúc trước ở trên xưởng.

“Nào, tôi hy vọng ngày mai sẽ được gặp các bạn...”

Anh ta kéo chúng tôi về phía cửa, vẫn ôm lấy vai chúng tôi.

“Và nhất là, phải sang Majorque thật sớm để hít thở không khí nhé... Các bạn cần điều đó đấy... Tôi đã đưa các bạn chìa khóa nhà rồi...”

Trên thềm, anh ta nhìn hai chúng tôi một lúc lâu. Rồi anh ta đọc cho tôi câu thơ:

Bầu trời giống túp lều rách của một rạp xiếc nghèo.

Louki và tôi bước xuống cầu thang, và anh ta cứ đứng đó nghiêng người xuống qua lan can. Anh ta đợi tôi đọc cho anh ta một câu thơ, để đáp lại câu của anh ta, như chúng tôi vẫn quen làm. Nhưng tôi không tìm ra được câu nào.

Tôi có cảm giác mình lẫn lộn các mùa vào với nhau. Vài hôm sau bữa tiệc ấy, tôi đi cùng Louki tới Auteuil. Tôi thấy như thể đang là mùa hè, hoặc giả mùa đông, một trong những buổi sáng trong vắt lạnh, có nắng và bầu trời xanh. Cô muốn đến thăm Guy Lavigne, người từng là bạn trai của mẹ cô. Tôi thích ở ngoài đợi cô xong việc. Chúng tôi hẹn nhau “trong một tiếng nữa”, ở góc phố có xưởng sửa chữa ô tô. Tôi tin chúng tôi có ý định rời Paris vì chùm chìa khóa mà Bob Storms đã đưa cho chúng tôi. Đôi khi, trái tim thất lại với ý nghĩ về những thứ hẳn đã có thể nhưng lại không xảy ra, nhưng giờ đây tôi vẫn tự nhủ rằng ngôi nhà vẫn trống, đợi chúng tôi. Buổi sáng ấy tôi thật hạnh phúc. Và nhẹ. Và tôi cảm thấy ngây ngất say. Đường chân trời ở thật xa trước chúng tôi, nơi đó, về phía vô định. Một xưởng ô tô ở cuối một phố vắng. Tôi tiếc vì đã không đi cùng Louki đến chỗ ông Lavigne ấy. Có lẽ ông sẽ cho chúng tôi mượn một chiếc ô tô để chúng tôi xuôi xuống phương Nam.

Tôi nhìn thấy cô bước ra khỏi cánh cửa nhỏ của xưởng. Cô giơ tay vẫy tôi, chính xác giống như lần trước, khi tôi đợi họ, cô và Jeannette Gaul, hồi mùa hè, trên các ke sông. Cô tiến về phía tôi với cùng bước đi uể oải ấy, có thể nói rằng cô bước đi chậm lại, như thể thời gian chẳng còn nghĩa lý gì nữa. Cô khoác tay tôi và chúng tôi đi dạo trong khu phố. Chính đây là nơi một ngày nào đó chúng tôi sẽ sống. Và lại chúng tôi vẫn luôn luôn sống ở đây đây chứ. Chúng tôi đi theo những phố nhỏ, chúng tôi đi qua một bùng binh vắng hoe. Làng Auteuil êm ái tách ra khỏi Paris. Những tòa nhà màu nâu đồng hay màu be này hoàn toàn có thể nằm ở Côte d’Azur, và những bức tường kia, ta tự hỏi liệu đằng sau chúng có một khu vườn hoặc rìa một khu rừng hay không. Chúng tôi đi tới quảng trường Église, trước bến tàu điện ngầm. Và ở đó, giờ đây thì tôi có thể nói là mình chẳng còn gì để mất nữa: tôi cảm thấy, lần duy nhất trong đời, Quy hồi Vĩnh cửu có nghĩa là gì. Cho tới tận lúc ấy, tôi vẫn đang gắng sức đọc các tác phẩm về chủ đề này, với nhiệt tâm của một người tự học. Mọi thứ xảy đến đúng trước khi bước xuống các bậc cầu thang của bến tàu điện ngầm Église-d’Aureuil. Tại sao lại là chỗ đó? Làm sao tôi biết được và điều ấy chẳng có chút quan trọng nào. Tôi đứng lặng một lúc siết lấy cánh tay cô. Chúng tôi ở đó, cùng nhau, ở

cùng một chỗ, vĩnh viễn, và cuộc dạo chơi của chúng tôi ngang qua Auteuil, chúng tôi đã thực hiện trong hàng nghìn hàng nghìn cuộc đời khác. Không cần phải xem đồng hồ đeo tay. Tôi đã biết đang là giữa trưa.

Chuyện xảy đến vào tháng Mười một. Một thứ Bảy. Cả sáng lẫn chiều, tôi ở phố Argentine để viết về các vùng trung tính. Tôi muốn đắp thêm cho bốn trang giấy, từ đó mà viết ra ít nhất ba mươi trang. Hẳn sẽ giống như một viên tuyết lăn, rồi thì tôi sẽ đến được một trăm trang. Tôi hẹn Louki ở quán Le Condé vào lúc năm giờ. Tôi đã quyết định trong những ngày tới sẽ rời khỏi phố Argentine. Tôi thấy như thể mình đã được chữa lành hoàn toàn khỏi những vết thương thuở nhỏ và hồi niên thiếu và, kể từ nay, chẳng còn lý do nào nữa để trốn chui trốn lủi trong một vùng trung tính.

Tôi bước đi cho đến bến tàu điện ngầm Étoile. Đó là tuyến đường mà chúng tôi vẫn thường đi, Louki và tôi, để tới các cuộc họp của Guy de Vere, tuyến đường mà chúng tôi đã đi bộ lần theo vào buổi đầu tiên. Trong khi đi qua sông Seine, tôi nhận ra là có rất nhiều người dạo chơi trên lối đi Thiên Nga. Đồi tàu ở La Motte- Picquet-Grenelle.

Tôi xuống ở Mabillon, và đưa cái nhìn về phía quán La Pergola, như chúng tôi vẫn luôn luôn làm. Mocellini không ngồi đằng sau ô kính.

Khi tôi bước vào Le Condé, các kim của cái đồng hồ hình tròn trên bức tường trong góc chỉ đúng năm giờ. Thường thì, ở đây, lúc ấy là giờ hoang vắng. Các bàn trống, trừ bàn cạnh cửa, có Zacharias, Annet và Jean-Michel. Cả ba ném về phía tôi những ánh mắt kỳ khôi. Họ không nói gì. Khuôn mặt Zacharias và khuôn mặt Annet bệch ra, hẳn là vì thứ ánh sáng rọi vào từ ô cửa kính. Họ không đáp khi tôi cất lời chào. Họ chăm chăm vào tôi những cái nhìn lạ lùng, như thể tôi đã làm một điều gì đó xấu xa. Mối Jean-Michel mím chặt lại, và tôi cảm thấy anh muốn nói chuyện với tôi. Một con ruồi đậu trên mu bàn tay Zacharias và anh đuổi nó đi bằng một cử chỉ nóng nảy. Rồi anh nhắc cốc lên uống, một hơi cạn luôn. Anh đứng dậy bước về phía tôi. Anh nói với tôi bằng giọng vô hồn: “Louki. Cô ấy đã nhảy qua cửa sổ.”

Tôi sợ mình nhầm đường. Tôi đi theo ngã đại lộ Raspail và phố cắt qua nghĩa trang. Đến cuối đường, tôi không biết nữa mình phải tiếp tục đi thẳng hay theo phố Froidevaux. Tôi theo phố Froidevaux. Kể từ giây phút đó, trong đời tôi đã có một sự vắng mặt, một khoảng trắng, nó không chỉ gây cho tôi cảm giác trống rỗng, mà tôi còn không thể chịu đựng được khi nhìn. Toàn bộ khoảng trắng ấy làm tôi choáng ngợp, một ánh sáng sống, rạng

ngồi. Và sẽ cứ như thế, cho đến kết cục.

Rất lâu sau, ở Broussais, tôi đang ở trong một phòng chờ. Một người đàn ông trạc ngũ tuần, tóc muối tiêu chải hất ra sau và vận một chiếc măng tô cổ chéo, cũng đang ngồi đợi trên một cái ghế băng, phía bên kia căn phòng. Ngoài ông và tôi, không còn ai khác nữa. Y tá đến báo với tôi rằng cô đã chết. Ông tiến lại gần chúng tôi như là có liên quan gì. Tôi nghĩ đó là Guy Lavigne, bạn trai của mẹ cô và là người cô đã đến thăm ở Auteuil, tại xưởng ô tô của ông. Tôi hỏi ông:

“Ông là Guy Lavigne?”

Ông lắc đầu.

“Không. Tôi tên là Pierre Caisley.”

Chúng tôi cùng nhau đi ra khỏi Broussais. Trời đã tối. Chúng tôi bước đi cạnh nhau dọc phố Didot.

“Còn anh là Roland, có phải không?”

Tại sao ông lại biết tên tôi? Tôi khó nhọc bước đi. Cái khoảng trống ấy, cái ánh sáng rạng ngời trước mắt tôi ấy...

“Cô ấy không để lại thư à?” tôi hỏi ông.

“Không. Không gì cả.”

Chính ông là người đã kể cho tôi mọi chuyện. Cô ở trong phòng với một người tên là Jeannette Gaul, biệt danh Đầu Lâu. Nhưng làm thế nào mà ông biết được biệt danh của Jeannette? Cô đi ra ban công. Cô vắt một chân qua lan can. Cô kia cố giữ cô lại bằng cách níu lấy vạt áo ngủ dài của cô. Nhưng đã quá muộn. Cô có đủ thời gian thốt ra vài từ, như thể cô nói với chính mình để tăng lòng can đảm:

“Xong rồi. Để mặc đi.”

